Chánh Hạnh Niệm Phật Vãng Sanh [Tuyển Trạch Bổn Nguyện Niệm Phật] (Pháp Nhiên Thượng Nhân; Thích Nguyên Chơn s

Tịnh Độ — sách & giảng giải

PHÁP NHIÊN THƯỢNG NHÂN (Thích Nguyên Chơn soạn dịch & chú thích)

***

CHÁNH HẠNH NIỆM PHẬT VÃNG SANH (TUYỂN TRẠCH BỔN NGUYỆN NIỆM PHẬT)

Mục Lục

01. Mục Lục. 02. Tựa. 03. Pháp Nhiên Thượng Nhân. 04. Tuyển Trạch Bản Nguyện. Niệm Phật Tập-Tựa. 05. Thiền sư Đạo Xước lập Thánh đạo môn và Tịnh độ môn, nhưng bỏ Thánh đạo mà trở về Tịnh độ. 06. Hòa-thượng Thiện Đạo lập Chánh hạnh và Tạp hạnh, bỏ Tạp để tu Chánh. 07. Đức A DI ĐÀ không lấy các hạnh khác làm bản nguyện vãng sanh, chỉ lấy Niệm Phật làm bản nguyện vãng sanh. 08. Ba hạng người niệm Phật vãng sanh. 09. Niệm Phật được lợi ích. 10. Sau một vạn năm thời Mạt pháp các hạnh đều không còn, chỉ giữ lại môn Niệm Phật. 11. Ánh sáng của Đức Phật A DI ĐÀ không chiếu đến các hành giả khác, chỉ nhiếp thọ hành giả niệm Phật. 12. Người niệm Phật nhất định phải đầy đủ ba tâm. 13. Người niệm Phật có thể thực hành pháp tứ tu. 14. Phật A DI ĐÀ và các Hóa Phật đến đón, không khen ngợi công đức thiện nghe kinh mà chỉ khen ngợi hạnh Niệm Phật. 15. Đối với tạp thiện mà khen ngợi hạnh Niệm Phật. 16. Đức Thích Tôn không phó chúc các hạnh Định thiện Tán thiện mà chỉ phó chúc hạnh Niệm Phật cho A Nan. 17. Niệm Phật nhiều căn lành, Tạp thiện ít căn lành. 18. Vô lượng các Đức Phật trong mười phương đều không chứng thực cho tạp hạnh, chỉ chứng thực cho hạnh Niệm Phật. 19. Các Đức Phật trong sáu phương đều hộ niệm hành giả Niệm Phật. 20. Đức Phật Thích Ca thiết tha phó chúc danh hiệu A DI ĐÀ cho Xá Lợi Phất. 21. Lời tựa khắc in.

22. Yếu nghĩa kinh Vô Lượng Thọ
23. Yếu nghĩa kinh Quán Vô Lượng Thọ.
24. Yếu nghĩa kinh A DI ĐÀ .
25. Yếu nghĩa Vãng Sanh Yếu Tập.
26. Sách tham khảo.

****

Tựa Các tổ sư Tịnh Độ Trung Hoa, khởi đầu là ngài Đàm Loan đều xác định môn xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà cầu vãng sanh là pháp dễ tu (Dị hành đạo). Một chữ dễ ở đây là dễ hành trì, hợp với tất cả căn cơ trình độ, thích ứng mọi thời gian và không gian, mau chóng đạt được giai vị không lui sụt, thoát li sanh tử. Nhưng trong những người tin Phật, có bao nhiêu người tin môn Tịnh độ; trong những người tin Tịnh độ có bao nhiêu người tin được sức bản nguyện của Đức A-di-đà; trong những người tin sức bản nguyện, có bao nhiêu người chịu hành trì; trong số người hành trì có bao nhiêu

người chuyên tâm, nhất niệm mà được vãng sanh? Như thế cũng tự đoán biết số người vãng sanh là rất ít vậy. Sở dĩ ít là bởi thân hành mà lòng tin không sâu, còn nhiều nghi ngờ, hoặc chấp trước. Trong đó, hoặc nghe nói quá dễ mà sanh nghi, hoặc vì tà kiến mà sanh nghi, hoặc vì không biết không hiểu mà sanh nghi, hoặc hiểu chưa sâu, chưa thấu mà chấp trước. Dù bất cứ lí do gì, hễ còn nghi, còn chấp thì còn chướng ngại. Còn chướng ngại thì khó vãng sanh. Cho nên từ xưa đến nay có rất nhiều sách được soạn ra nhằm mục đích quảng diễn để giải nghi, phá chấp cho hành giả Tịnh độ, như : Luận Vãng Sanh của ngài Thiên Thân, luận Tịnh Độ của ngài Ca Tài, luận Thập Nghi của đại sư Thiên Thai Trí Khải, Tây Phương Yếu Quyết của ngài Khuy Cơ, An Lạc Tập của ngài Đạo Xước, Tịnh Độ Hoặc Vấn của Thiên Như Duy Tắc, Quán Niệm Pháp Môn của đại sư Thiện Đạo; Vãng Sanh Yếu Tập của Nguyên Tín, Niệm Phật Bách Vấn của Ngộ Khai...

Nhiều sách như thế có thể đã giải tỏa những mối nghi, nhưng vẫn còn những chấp trước. Giống như Không tông nói: “Các pháp đều không”, người học liền cho là tất cả đều không, không nhân cũng không quả, rơi vào ác kiến đoạn diệt. Thiền tông nói: “Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự”, “Tức tâm tức Phật” thì người học lại khởi tà kiến, phỉ báng kinh điển, không tu tập luật nghi. Cũng vậy,

đối với tông Tịnh Độ, kinh Vô Lượng Thọ ghi: “Nếu có chúng sanh một đời tạo ác, đến lúc sắp chết, xưng danh hiệu ta mười niệm liên tục, nếu không được sanh, ta không giữ ngôi Chánh giác”;Tịnh Độ Hoặc Vấn ghi: “Một đời tạo ác, đến lúc lâm chung niệm danh hiệu Phật A-di-đà sẽ không rơi vào địa ngục”. Có người nghe nói như thế, không những chẳng tin mà còn cho là vô lý, khởi ác kiến, chê trách phỉ báng khế kinh. Hoặc có người nghe nói như thế liền cho rằng: “Ta cứ tạo ác, đến lúc gần chết rồi niệm cũng được!”. Người này chẳng cần phải đợi sau khi chết, mà sẽ chịu khổ ngay lúc còn sống. Họ có biết đâu, Đức Phật quyết định như thế chính là thể hiện lòng từ bi vô lượng của Ngài, bao trùm hết muôn loài, không kể oán thân, không phân thiện ác. Nếu có một chúng sanh niệm danh hiệu Phật mà không được vãng sanh thì lòng từ đâu cùng khắp, bi nguyện đâu tròn! Đồng thời cũng cho chúng sanh biết năng lực diệt tội của danh hiệu Phật thật vô cùng, một danh hiệu được thành tựu từ vô lượng kiếp tu tập phước trí, tội nặng còn diệt huống gì tội nhẹ. Người một đời làm ác, nếu lúc gần chết mà may mắn gặp được bạn lành khuyên bảo, một lòng niệm Phật, nhất định được vãng sanh. Nhưng trộm nghĩ, một đời làm thiện, gặp nhiều duyên lành, bạn lành, nhưng không huân tập vào tâm danh hiệu Phật, đến lúc gần chết tự mình không thể khởi niệm, lại cũng khó gặp được người trợ niệm. Huống gì người này suốt đời tạo ác, xa lìa các duyên lành, bạn lành; chẳng hề nghe một tiếng danh hiệu Phật, đến lúc gần chết, bốn đại bức ép khiến thân thể đớn đau không chịu nổi; nghiệp ác trong một đời đã tạo, tranh nhau kéo đến khiến cho tâm thức hoảng loạn, thần trí mờ mịt, cửa ba đường mở toang trước mắt. Bấy giờ thân thì đau đớn, tâm thì hoảng loạn mịt mờ, dẫu thiện tri thức có đến thiết tha khuyên bảo đi nữa cũng không biết, không nghe; tán tâm niệm Phật còn không được, huống gì nhất tâm; một niệm còn không thể, nói gì mười niệm liên tục!

Hoặc nghe nói căn bản của pháp môn cầu vãng sanh Tịnh độ Tây phương là chánh định nghiệp niệm Phật, Đức Phật chỉ phó chúc lưu truyền chánh nghiệp, không khuyên

tu trợ nghiệp, rồi chấp chặt vào đó, không chịu tu các trợ nghiệp, mà chánh nghiệp cũng không

tròn. Đúng vậy, nếu hành giả Tịnh độ tin sâu, nguyện thiết, hành chuyên, nhất tâm niệm Phật, buông bỏ tất cả các duyên, không màng các việc, đi đứng nằm ngồi, mọi nơi mọi lúc chỉ nhớ nghĩ đến Phật A- di-đà, thì không cần phải tu các trợ nghiệp. Bởi nhất tâm là Định, buông bỏ các duyên, không màng các việc chính là Giới, chỉ nhớ nghĩ đến Đức Phật A-di-đà chính là Quán huệ. Đầy đủ ba học như thế, thiết tha như thế, chuyên tâm nhất niệm như thế, Đức A-di-đà và các thánh không đến đón về phẩm Thượng thượng sao?

Còn đối với những người tuy có đủ lòng tin nhưng không sâu, có nguyện nhưng không tha thiết, có hành nhưng không chuyên, lại chưa chịu buông bỏ các duyên, còn phải chạy đông rảo tây, bôn ba lo liệu, thì phải tu trợ nghiệp, thực hiện các việc thiện thế gian, kết nhiều duyên lành, hồi hướng công đức cầu nguyện vãng sanh. Như thế may ra lúc sắp chết sẽ có thiện hữu đến khuyến tấn, bạn đạo đến trợ niệm, khiến tâm an định mà duyên theo tiếng niệm Phật, rồi hoặc trong một niệm, hoặc mười niệm được nhất tâm không loạn. Bấy giờ Đức A-di-đà và các Thánh sẽ đến đón rước về Tây phương. Nên biết, nói dễ hành trì là dễ cho người có đầy đủ ba tâm: tâm tin sâu, tâm chí thành và tâm hồi hướng phát nguyện, chứ không phải dễ cho những người không chịu tu tập, hoặc không đủ ba tâm ấy. Chánh nghiệp là dành cho những người vạn duyên buông bỏ, nhất niệm chuyên tu chứ không dành cho những hàng đa tâm tạp tưởng.

Ngài Pháp Nhiên khai sáng và hoằng dương pháp môn Tịnh Độ tại Nhật Bản. Ngài là một bậc được vua quan kính ngưỡng, đạo tục tôn sùng, nên có ảnh hưởng rất lớn trong xã hội thời bấy giờ. Trong một đời giáo hóa, Ngài để lại hai tác phẩm là Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập và Hắc Cốc Thượng Nhân Ngữ Đăng Lục. Nhận thấy những lời dạy của Ngài rất cần thiết cho hành giả Tịnh độ, nên người dịch chuyển ngữ toàn bộ Bản Nguyện Niệm Phật Tập và lược dịch phần huyền nghĩa các sớ giải kinh - tập trong Ngữ Đăng Lục để xếp thành tập sách này và lấy tên là CHÁNH HẠNH NIỆM PHẬT VÃNG SANH. Để người đọc dễ dàng nắm được nội dung cơ bản tập sách trước khi xem trọn, người dịch tổng quát đại ý từng

chương của mười sáu chương trong Bản Nguyện Niệm Phật Tập như sau:

1. Khuyên mọi người bỏ Thánh đạo môn mà quay về Tịnh độ môn: Thánh đạo cách Phật quá lâu và lý Đại thừa sâu xa khó hiểu. Như Vãng Sanh Luận Chú của sư Đàm Loan có ghi: “Luận Thập Trụ Tì-bà-sa của Bồ-tát Long Thọ nói rằng: Bồ-tát cầu A-tì-bạt-trí cần phải có Nan hành đạo (khó thực hành) và Dị hành đạo (dễ thực hành). Nan hành là do trong đời năm ác trược không có Phật xuất thế, khó cầu được A-tì-bạt-trí. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến khó đạt, ở đây lược nói năm ý mà thôi: 1. Ngoại đạo tu pháp tương tợ thiện làm rối loạn thật pháp của Bồ-tát; 2. Hàng Thanh văn tự lợi, chướng ngại lòng đại từ bi; 3. Kẻ ác không biết hổ thẹn, không kể tự tha, khinh chê bậc hiền thiện, phá hoại thắng đức; 4. Quả thiện trời người phá hoại Phạm hạnh; 5.

Chỉ có tự lực, không có tha lực nhiếp hộ. Những việc như thế nơi nào cũng có. Nan hành đạo cũng giống như đi đường bộ thì khó khăn, gian hiểm.

Dị hành là bởi chỉ cần với nhân duyên tin Phật, nguyện sanh Tịnh Độ, nương vào nguyện lực của Phật liền được vãng sanh cõi nước thanh tịnh. Nhờ oai lực của Phật nhiếp trì liền vào Đại thừa Chánh định tụ. Chánh định tức A-bệ-bạt-trí. Dị hành cũng giống như đi thuyền thì an vui, nhanh đến. Nan hành tức là Thánh đạo môn, Dị hành tức là Tịnh độ môn.

2. Chọn lấy Chánh hạnh mà bỏ Tạp hạnh: Chỉ nhất tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà, chẳng kể đi đứng nằm ngồi, chẳng luận thời gian lâu mau, niệm niệm miên mật không buông bỏ, không gián đoạn. Đó gọi là Chánh định nghiệp vì thuận với bản nguyện của Phật A-di- đà. Nếu niệm niệm liên tục, lấy chết làm kỳ hạn, thì mười người tu mười người vãng sanh, trăm người tu trăm người vãng sanh. Vì sao? Vì không có tạp duyên nên được chánh niệm, tương ứng với bản nguyện của Đức Phật, không trái giáo Tịnh độ, thuận theo lời Phật. Nếu bỏ Chuyên tu mà theo Tạp tu thì trăm người không được một, ngàn người chẳng được năm, ba. Vì sao? Vì tạp duyên loạn động

làm mất chánh niệm, không tương ứng với bản nguyên của Phật, trái với giáo Tịnh độ, không thuận theo lời Phật; lại do niệm không liên tục, tâm có gián đoạn, hồi hướng phát nguyện không khẩn thiết và chân thật, các phiền não tham sân đến làm gián đoạn, không có tâm hổ thẹn để sám hối, không luôn luôn nghĩ đến việc báo Đáp ân Phật. Lại còn khởi tâm khinh mạn, tuy tu tập mà luôn chạy theo danh lợi, tâm nhân ngã che mờ, khiến không thể gần gũi bạn lành đồng hạnh đồng tu; thích gần gũi tạp duyên, làm chướng ngại chính mình và chướng ngại người khác.

3. Đức A-di-đà không lấy các hạnh khác làm bản nguyện vãng sanh, chỉ lấy Niệm Phật làm bản nguyện vãng sanh: Niệm Phật dễ tu, nên dành chung cho tất cả căn cơ, còn các hạnh khác khó hành, nên không bao trùm các loại. Vậy Đại Thánh muốn khiến chúng sanh bình đẳng vãng sanh, nên bỏ khó chọn dễ làm bản nguyện. Nếu lấy việc tạo tượng, xây tháp làm bản nguyện, thì những người nghèo hèn, khốn khổ ắt hết hy vọng vãng sanh, nhưng người giàu sang thì ít, kẻ nghèo hèn thì nhiều. Nếu dùng tài cao, trí tuệ làm bản nguyện, thì kẻ ngu độn, trí kém tuyệt đường vãng sanh, nhưng kẻ ngu độn thì nhiều, người có trí tuệ lại ít. Nếu lấy nghiệp học rộng hiểu nhiều làm bản nguyện, thì kẻ ít học ít biết hết hy vọng vãng sanh, nhưng người học rộng thì ít, kẻ ít học thì nhiều. Nếu lấy trì giới, trì luật làm bản nguyện thì kẻ phá giới, không giới nhất định hết hy vọng vãng sanh, mà người trì giới thì ít, kẻ phá giới, không giới thì nhiều. Tất cả các hạnh khác căn cứ theo đây cũng có thể biết được.

Nếu dùng các hạnh khác làm bản nguyện thì rất ít người được vãng sanh. Tì-kheo Pháp Tạng khi xưa phát khởi lòng từ bi, vì nhiếp thủ tất cả, nên không dùng các hạnh xây tháp, tạo tượng... làm bản nguyện, chỉ lấy niệm Phật làm bản nguyện.

4. Ba hạng người niệm Phật vãng sanh: Bậc thượng, gồm những người xuất gia làm Sa-môn, phát tâm bồ-đề, một lòng chuyên niệm danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ, tu tập các công đức, nguyện sanh về cõi nước Cực Lạc. Bậc trung, gồm những trời người

trong

các thế giới ở mười phương, một lòng nguyện sanh, dù không thực hành hạnh sa-môn, tu tập các công đức, nhưng phát tâm Vô thượng bồ-đề, chí tâm niệm danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ, hồi hướng tất cả những công đức có được (từ việc thực hành các điều thiện như giữ gìn trai giới, xây dựng chùa tháp, tạo lập tôn tượng, cúng dường sa- môn, treo phan đốt đèn, thắp hương rải hoa) nguyện sanh về cõi ấy. Bậc hạ, gồm những trời người trong các thế giới ở mười phương, chí tâm muốn sanh vào nước ấy. Giả sử họ không thể tạo các công đức, nhưng phát tâm Vô thượng bồ-đề, một lòng niệm danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ, dù chỉ mười niệm hay chỉ một niệm, với tâm chí thành nguyện sanh về nước ấy, nghe pháp sâu xa vui vẻ tin thích, không nghi ngờ.

5. Khen ngợi công đức Niệm Phật: Công đức niệm Phật là vô thượng, thì một niệm là một vô thượng, mười niệm là mười vô thượng, trăm niệm là trăm vô thượng, ngàn niệm là ngàn vô thượng. Cho đến lần lượt tăng tiến từ ít đến nhiều, đến hằng sa niệm Phật, vô thượng công đức cũng hằng sa. Vậy những người nguyện cầu vãng sanh, sao lại bỏ niệm Phật có lợi ích lớn vô thượng mà lại cưỡng tu các hạnh có lợi ích hữu thượng?

6. Sau một vạn năm thời Mạt pháp các hạnh đều không còn, chỉ giữ lại môn Niệm Phật: Trong kinh chỉ nói giữ lại kinh này một trăm năm, chứ đâu nói giữ môn Niệm Phật một trăm năm. Vì sao ở đây lại nói là giữ môn Niệm Phật?

Đáp: Toàn bộ nội dung kinh này đều nói đến niệm Phật, nên kinh này trụ thế, tức là môn Niệm Phật trụ thế vậy. Vì sao? Vì kinh này tuy nói đến phát tâm Bồ-đề, nhưng chưa nói hành tướng của tâm ấy; tuy nói đến trì giới, nhưng chưa nói hành tướng của trì giới. Về hành tướng của tâm Bồ-đề, thì trong kinh Bồ-đề Tâm trình bày rất đầy đủ. Kinh ấy, trước nói diệt các hành của tâm Bồ-đề, vậy nhờ vào đâu để tu? Còn về hành tướng của trì giới thì được nói rõ trong giới luật Đại Tiểu thừa. Giới luật ấy, trước diệt các hành trì giới, vậy nhờ

vào đâu để tu? Các hạnh khác căn cứ theo đây cũng có thể biết được.

Theo hòa-thượng Thiện Đạo thì kinh này nói về bản nguyện niệm Phật vãng sanh của Đức Phật A-di-đà, cho nên Đức Thích-ca từ bi vì giữ môn Niệm Phật mà đặc biệt giữ lại kinh này. Các kinh khác chưa nói đến bản nguyện niệm Phật vãng sanh của A-di-đà Như lai, cho nên Đức Thích-ca từ bi không giữ lại.

7. Ánh sáng của Đức Phật A-di-đà không chiếu đến các hành giả khác, chỉ nhiếp thủ hành giả niệm Phật: Chúng sanh khởi hạnh tu tập, miệng thường tụng danh hiệu Phật, Phật liền nghe; thân thường lễ Phật, Phật liền thấy; tâm thường niệm Phật, Phật liền biết. Chúng sanh nhớ nghĩ đến Phật, Phật cũng nhớ nghĩ đến chúng sanh. Ba nghiệp của chúng sanh và Phật không lìa nhau, cho nên ánh sáng của Đức A-di-đà nhiếp thủ. Đồng thời người niệm Phật chính là hợp với bản nguyện Phật, cho nên ánh sáng Đức Phật nhiếp thủ.

8. Người niệm Phật nhất định phải đầy đủ ba tâm: Người quyết định muốn sanh về nước kia, cần phải đầy đủ ba tâm: Một, tâm chí thành, tức tất cả những hạnh tu tập như: thân lễ bái, miệng khen ngợi, ý chuyên niệm và quán tưởng Đức Phật A-di-đà đều phải chân thật. Hai, thâm tâm tức là tâm chân thật tin sâu, tin biết tự thân là phàm phu đầy dẫy phiền não, căn lành cạn mỏng, mãi lưu chuyển trong ba cõi, không có ngày thoát ra. Nay tin biết bản thệ nguyện của Đức Phật A-di-đà và xưng danh hiệu Ngài mười tiếng hay một tiếng, nhất định được vãng sanh, cho nên gọi là tâm chân thật tin sâu. Ba, tâm hồi hướng phát nguyện, tức hồi hướng tất cả căn lành có được cầu nguyện vãng sanh. Đầy đủ ba tâm này, nhất định vãng sanh, thiếu một cũng không được sanh, như Quán Kinh đã nói. Ba tâm vừa nêu trên là điều kiện chí yếu của người tu Tịnh độ.

9. Người niệm Phật có thể thực hành pháp tứ tu:

- Cung kính tu: tức cung kính lễ bái Đức Phật A-di-đà và tất cả các bậc Thánh. Lấy cái chết làm kỳ hạn, thệ không bỏ nửa chừng chính là trường thời tu.

- Vô dư tu: tức chuyên xưng, chuyên niệm, chuyên nghĩ tưởng, chuyên lễ bái, chuyên khen ngợi Đức Phật A-di-đà và các bậc Thánh, không xen các hành nghiệp khác. Lấy cái chết làm kỳ hạn, thệ không bỏ nửa chừng chính là trường thời tu.

- Vô gián tu: tức liên tục cung kính, lễ bái, xưng danh, khen ngợi, nhớ nghĩ, quán sát, hồi hướng phát nguyện, tâm tâm nối tiếp, không cho các việc khác xen vào; không để các niệm tham sân phiền não đến làm gián đoạn, hễ phạm liền sám hối, không để cách niệm, cách giờ, cách ngày, thường luôn thanh tịnh. Lấy cái chết làm kỳ hạn, thệ không bỏ nửa chừng chính là trường thời tu.

10. Phật A-di-đà và các Hóa Phật đến đón, không khen ngợi công đức thiện nghe kinh mà chỉ khen ngợi hạnh Niệm Phật: Công đức thiện nghe kinh chẳng phải là Chánh nghiệp mà thuộc về Trợ nghiệp, cho nên Hóa Phật và Hóa Bồ-tát không khen ngợi. Hạnh Niệm Phật là thuộc Chánh nghiệp, nên Hóa Phật khen ngợi.

11. Khen ngợi hạnh Niệm Phật: Người niệm Phật như hoa Phân-đà-lợi, người niệm Phật là người tốt nhất trong đời, là người diệu tuyệt trong đời, là người tối thượng trong đời, là người hiếm có trong đời, người tối thắng trong đời.

12. Đức Thích Tôn không phó chúc các hạnh Định thiện-Tán thiện, mà chỉ phó chúc hạnh Niệm Phật cho A-nan: Chủ ý trong bản nguyện của Đức Phật là nhằm khuyên chúng sanh một bề chuyên ròng xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà để được vãng sanh, mà hai thiện Định và Tán không phải là bản nguyện, cho nên không phó chúc. Quán Phật Tam-muội tuy rất thù thắng, nhưng cũng chẳng phải là bản nguyện, cho nên cũng không phó chúc. Niệm Phật Tam- muội là bản nguyện Phật, nên được phó chúc. Nói bản nguyện, tức là

nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện, kinh Vô Lượng Thọ.

13. Niệm Phật nhiều căn lành, Tạp thiện ít căn lành: Không thể với nhân duyên một ít phước đức căn lành mà được sanh về nước kia. Tức những người tu tạp hạnh khó sanh về. Không chỉ có nghĩa nhiều ít mà còn có nghĩa lớn nhỏ, nghĩa hơn và kém. Tức tu Tạp

thiện thì căn lành nhỏ, tu niệm Phật thì căn lành lớn; tu Tạp thiện thì căn lành kém, tu niệm Phật thì căn lành thù thắng.

14. Vô lượng các Đức Phật trong mười phương đều không chứng thực cho tạp hạnh, chỉ chứng thực cho hạnh Niệm Phật: Các Đức Phật trong mười phương sợ chúng sanh không tin lời của Đức Phật Thích-ca, nên liền đồng tâm, đồng thời, mỗi mỗi hiện tướng lưỡi che phủ cả ba ngàn đại thiên thế giới nói lời thành thật rằng: "Chúng sanh các ngươi nên tin lời Phật Thích-ca nói, khen ngợi và chứng thực". Tất cả phàm phu, không luận là kẻ gây tội, người tạo phước hoặc nhiều hoặc ít, thời gian tu tập lâu hay mau, chỉ cần lâu thì trọn đời, mau thì từ một ngày, bảy ngày nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà, nhất định sẽ được vãng sanh.

15. Các Đức Phật trong sáu phương đều hộ niệm hành giả Niệm Phật: Nếu có chúng sanh trong bảy ngày bảy đêm cho đến trọn đời, một lòng chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà, nguyện vãng sanh, người này luôn được vô lượng Đức Phật trong sáu phương đến hộ niệm. Lại hộ niệm không để cho ác quỉ thần thừa dịp làm hại, cũng không để vô cớ sanh bệnh, chết oan, gặp nguy hiểm, tất cả tai họa tự nhiên tiêu trừ, không bao giờ đến với thân tâm.

16. Đức Phật Thích-ca thiết tha phó chúc danh hiệu A-di-đà cho Xá-lợi-phất. ******* Kính xin những người thấy nghe hãy chọn ý hay, bỏ lời dở, tin theo Phật, Tổ, chuyên tu hai nghiệp Chánh-Trợ để mai sau đạt được phẩm vị cao nơi Tây phương Tịnh độ.

Tháng 6 năm Đinh Mùi – PL 2551 (2007) Thích Nguyên Chơn kính ghi

Pháp Nhiên Thượng Nhân (1133-1212)

Sư là khai tổ tông Tịnh Độ Nhật Bản, người ở Nam Điều, Cửu Mễ thuộc Mĩ Tác (huyện Cương Sơn ngày nay), họ Tất Gian, sanh vào ngày mồng 7 tháng 4 năm Trường Thừa thứ 2 (1133). Tăng tục thời bấy giờ tôn xưng Sư là Pháp Nhiên thượng nhân, Cát Thủy đại sư, Cát Thủy thánh nhân, Hắc Cốc thượng nhân. Lúc nhỏ, Sư tên là Thế Chí Hoàn, tổ tiên nhiều đời đều là hào phú. Vào niên hiệu Bảo Diên thứ 7 (1141), cha Sư gặp họa bị thảm sát. Lúc sắp qua đời, có di ngôn bảo Sư lìa tục xuất gia. Đến năm 15 tuổi (có thuyết cho là 13 tuổi), Sư lên Tỉ Duệ sơn lễ ngài Nguyên Quang cầu xuất gia. Sau đó, Sư vào làm môn hạ ngài Hoàng Viên, nỗ lực nghiên cứu giáo nghĩa Thiên Thai. Đến năm Cửu An thứ 7 (1151), vì quyết chí ẩn tu, nên Sư vào làm môn hạ ngài Duệ Không Từ Nhãn Phòng thuộc Hắc Cốc ở Tây Tháp học Viên đốn giới và tông nghĩa bí mật. Duệ Không là môn đồ của Lương Nhẫn1 , lại rất thông đạt giáo nghĩa Viên giới2 và Chân ngôn. Ngài Duệ Không ban cho Sư pháp danh là Nguyên Không, hiệu là Pháp Nhiên. Nơi đây, Sư chuyên học tập kinh luận, đồng thời đến vùng Nam Đô tham cứu yếu chỉ các tông. Các danh tăng kiệt xuất thời bấy giờ như Tạng Tuấn ở chùa Hưng Phước thuộc tông Chân Ngôn, Khoan Nhã chùa Đề Hồ thuộc tông Tam Luận, Thật Phạm chùa Trung Xuyên thuộc tông Chân Ngôn Giới Luật, Khánh Nhã chùa Nhân Hoà thuộc tông Hoa Nghiêm đều cho Sư có căn khí bất phàm, nên truyền trao toàn bộ sở học của mình. Người đương thời gọi Sư là "Trí Tuệ Đệ Nhất Pháp Nhiên Phòng".

Từ nơi ngài Duệ Không, Sư đã được truyền thọ Vãng Sanh Yếu Tập của Tăng đô3 Nguyên Tín4 và Phật Lập tam-muội5. Nhưng khi

1
Lương Nhẫn (1072-1132) : Khai tổ tông Dung Thông Niệm Phât, gổ trung hưng dòng Thanh Minh Thiên Thai. Sư người Tri Đa, Vĩ Trương, Nhật Bản, hiệu là Quang Tinh Phòng. Sáng lập viện Lai Nghinh và viện Tịnh Liên Hoa để hoằng dương Phật pháp.
2
Viên giới: giới pháp Đại thừa viên đốn của tông Thiên Thai.
3
Tăng đô: chức Tăng quan quản lý Tăng ni được lập vào thời nhà Bắc Ngụy, địa vị dưới Tăng chánh và Tăng thống.
đọc đến đoạn “nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà” trong phần Tán Thiện Nghĩa, Quán Kinh Sớ của đại sư Thiện Đạo, Sư mới có chỗ tỉnh ngộ. Năm Nguyên An thứ nhất (1175), lúc 43 tuổi, Sư buông bỏ tất cả mọi việc, dốc tâm lực thành lập “Nhất Hướng Chuyên Tu tông”.

Năm Văn Trị thứ 2 (1186), Tọa chủ6 Tỉ Duệ sơn là Hiền Chân muốn mời Sư luận biện về đạo lý “Xuất ly cõi uế”. Đến mùa Thu năm ấy, danh tăng thạc đức các tông phái nhóm họp tại viện Thắng Lâm vùng Đại Nguyên để cùng với Sư luận tranh pháp nghĩa. Người thời bấy giờ gọi cuộc luận nghĩa này là “Đại Nguyên đàm nghĩa” hay “Đại Nguyên vấn Đáp”. Sau đó, Hiền Chân đã lập đạo tràng Nhất Hướng Xưng Danh tại viện, hành trì pháp môn Niệm Phật, không gián đoạn. Cao tăng các tông phái khác như Tĩnh Nghiêm, Chứng Chân, Từ Viên, Lương Khoái, Minh Thiền, Công Dận, Minh Biến, Tĩnh Biến, Trinh Khánh... lần lượt qui hướng tông này, tăng tục cả nước cũng cùng theo về tu tập. Từ đó, giáo nghĩa Tha lực vãng sanh được truyền khắp, từ thành thị cho đến thôn quê. Đằng Nguyên Kiêm Bạch rất kính trọng đức độ của Sư, nên nỗ lực hộ trì. Ba vị Thiên hoàng là Bạch Xuyên, Cao Thương, Hậu Điểu Vũ và các vị Thiên hậu là Thượng Tây, Nghi Thu, Tu Minh đều cầu Sư truyền giới.

Năm Kiến Cửu thứ 9 (1198), nhận lời thỉnh của Đằng Nguyên Kiêm Thật, Sư soạn Tuyển Trạch Tập, An Khang ghi chép (sau thay Cảm Tây), Chứng Không hiệu đính. Phương thức bố giáo của Sư khác với truyền thống Nhật Bản, tức không phân biệt giàu nghèo, sang hèn tất cả đều cho phép tham dự pháp hội Niệm Phật do Sư đề xướng. Do đó phong trào niệm danh hiệu Phật rất hưng thạnh. Nhưng cũng từ đây mà dẫn đến sự tị hiềm của tăng sĩ ở hai vùng Nam 4 Nguyên Tín (942-1017): khai tổ dòng Huệ Tâm, tông Thiên Thai, người Đại Hòa. Sư có soạn Vãng Sanh Yếu Tập, nội dung để xướng pháp Quán niệm niệm Phật của tông Thiên Thai và pháp Xưng danh hiệu Phật của ngài Thiện Đạo. 5 Phật Lập Tam-muội: tức Bát-chu Tam-muội. Khi tu tập thành tựu môn tam-muội này, hành giả sẽ thấy các Đức Phật trong mười phương hiện đến đứng trước mặt. 6 Tọa chủ: vị trụ trì một chùa viện; vị tăng từ phương xa đến tham vấn; vị chủ quán một ngôi chùa lớn tại Nhật Bản, phần nhiều do triều đình bổ nhiệm.

Bắc. Về sau có người tâu về triều đình, cho rằng tông này chủ trương giáo nghĩa "Phàm phu được vãng sanh" mà xem thường giới luật, bài xích các tông khác. Yêu cầu cấm tông Niệm Phật lưu hành. Bấy giờ Sư soạn Khởi Thỉnh Văn gồm bảy điều, rồi cùng với hơn tám mươi đệ tử đồng ký tên gởi lên Duệ sơn. Cũng trong thời gian này, các vị An Lạc, Trụ Liên...sáng lập hội Biệt Thời Niệm Phật tại Lộc Cốc. Trong số các cung nữ của Thượng hoàng Hậu Điều Vũ, có người không kềm nổi ý muốn xuất ly trần tục, nên tự ý đến hội Niệm Phật cạo tóc xuất gia. Nhân việc này, có người sàm tấu Thượng hoàng rằng đệ tử Pháp Nhiên tự ý độ cung nữ xuất gia. Thượng hoàng vô cùng phẫn nộ, nên vào tháng hai, năm Thừa Nguyên thứ nhất (1207), triều đình xứ Trụ Liên và An Lạc tội chết, đổi tên của Sư thành Đẳng Tĩnh Nguyên Ngạn và đày đến Thổ Tá (huyện Cao Tri ngày nay), bấy giờ Sư đã 75 tuổi. Nhưng Sư lại cho đây là cơ hội tốt để truyền bá giáo pháp nơi biên địa. Sư trụ tại Tán kì (huyện Hương Xuyên) hơn mười tháng, đến tháng 12 cùng năm thì được ân xá, nhưng không cho về kinh. Vì thế Sư trụ tại chùa Thắng Vĩ, Nhiếp Tân (nay là vùng Binh Khố và Đại Phản).

Hơn bốn năm sau, vào năm Kiến Lịch thứ nhất (1211), Sư vào kinh, trụ tại Đại Cốc. Vào ngày 25 5háng Giêng năm sau (1212), Sư nằm, đầu quay về Bắc, mặt hướng về Tây, niệm danh hiệu Phật A-di- đà, âm thanh thật trong và rõ ràng mà thị tịch, thọ tám mươi tuổi. Các đời Thiên hoàng về sau đều có ban cho Sư các thụy hiệu7: Viên Quang đại sư, Đông Tiệm đại sư, Huệ Thành đại sư, Hoằng Giác đại sư, Từ Giáo đại sư.

Những trước tác của Sư gồm có: Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập, Vô Lượng Thọ Kinh Thích, A-di-đà Kinh Thích, Hắc Cốc Thượng Nhân Tập.

7 Thụy hiệu: tên của một người được vua ban tặng sau khi mất. Tên này được đặt căn cứ theo công nghiệp và đức hạnh lúc còn sống.

Đệ tử của Sư rất nhiều, trong đó có các vị nổi tiếng như: Hạnh Tây, Biện Trưởng, Long Khoan, Chứng Không, Trường Tây, Thân Loan8.

(Trích dịch từ Trung Quốc Phật Giáo Bách Khoa Toàn Thư)

8 Thân Loan (1173-1262): khai tổ Tịnh Độ Chân Tông Nhật Bản, họ Đằng Nguyên, người ở Kyoto. Sự tự là Ngu Ngốc Thân Loan, thụy là Kiến Chân đại sư. Sư có các tác phẩm: Giáo Hành Tín Chứng, Ngu Ngốc Sao, Nhất Niệm Đa Niệm Văn Ý... lưu hành ở đời.

TUYỂN TRẠCH

BẢN NGUYỆN NIỆM PHẬT TẬP

Tựa

Tạng nhân đầu Tùng tam vị Hành tả đại biện kiêm Binh bộ khanh Bình Triều, thần Cơ Thân soạn.

Giáo môn chuyên xưng niệm Nam-mô là con đường chính, đưa thẳng đến cõi Tây. Đó không chỉ là lời của Đức Bổn sư Thích-ca mà cũng là bản nguyện của Đức Từ phụ A-di-đà. Lời, một ngày, hai ngày... chấp trì danh hiệu, các Đức Phật đồng hiện tướng lưỡi rộng dài xác chứng; nghĩa, mười tiếng, một tiếng nhất định được vãng sanh, chúng

sanh khắc ghi trong tâm tủy. Đại sư của ta, hòa-thượng Nguyên Không có một tác phẩm tên là Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập, thật là phương tiện để vượt qua biển khổ, cũng là ánh linh quang chiếu sáng đêm dài tăm tối. Người không tu ba học9 mà cắt đứt bốn dòng10 , thì mật ý hoằng nguyện ở đây đã rõ. Phật dùng một hạnh mà cứu giúp vạn loài, thì bản hoài đại bi mới hiển. Hạnh tùy phạm tùy sám (hễ phạm liền sám hối), há chẳng phải là tự lực, pháp dễ tu dễ đến, thật phải nương vào tha lực sao? Chẳng vào môn này, đâu thể đến được bờ kia! Chúng ta hôm nay thật may mắn làm sao! Gặp được linh điển này, vạn kiếp mới được nghe thì đâu tiếc gì thân mạng! Tuy nhiên, pháp định huệ ngưng lắng siêu việt của hành giả tu bí mật đàn là pháp quán tức thân11 , thật khó thành; môn trì giới, đa văn cần tinh tấn của học giả Đại-Tiểu-thừa, là pháp tùy tâm cũng thật khó đạt. Chỉ có pháp Niệm Phật cầu vãng sanh, tất cả đạo

9 Ba học: ba môn mà người tu tập Phật đạo cần phải học: giữ giới, tu tập thiền định, trí huệ thấu suốt tướng chân thật của các pháp. 10 Bốn dòng: bốn dòng thác mạnh, dụ cho bốn món phiền não cuốn trôi, nhận chìm chúng sanh trong cõi sanh tử. Đó là: Dục lưu, tức là năm dục sắc, thanh, hương, vị, xúc; Hữu lưu, tức là các phiền não tham, mạn, nghi trong cõi Sắc và Vô Sắc; Kiến lưu, các kiến giải sai lầm; Vô minh lưu, tức những phiền não tương ứng với si. 11 Pháp quán Tức thân: quán thành Phật ngay nơi thân này, là chủ trương của tông Chân Ngôn.

tục đều qui hướng . Thật vui thay! Được trời thần ủng hộ, nên mạng mạch của giáo pháp đời trược ác sớm lưu thông. Thật hợp thời thay! Vua quan cảm kích, nên vận tốt của giáo môn Tịnh Độ phát triển mạnh. Do đó, tuy biết lời văn “chôn kỹ nơi chân tường”12 , nhưng vẫn vui vẻ cho khắc bản lưu thông.

Ô hô! Năm ngàn lời của Huyền Nguyên Thánh tổ13 , Lịnh Doãn sớm biên thành hai thiên Thượng-Hạ14 ; mười sáu chương Tuyển Trạch Bản Nguyện, môn đồ hưởng được lợi ích biên tập. Lòng nhớ ân đức người xưa và người nay đâu khác!

Tháng 11 (tháng Kiến Tí) năm Tân Mùi, kính ghi để truyền mãi đời sau.

12

Xem lời bạc cuối sách.

13

Huyền Nguyên Thánh tổ: tôn hiệu của Lão Tử.

14

Hai thiên Thượng-Hạ: chỉ cho bộ Đạo đức kinh của Lão Tử gồm năm ngàn lời, được phân làm hai thiên thượng và hạ.

TUYỂN TRẠCH BẢN NGUYỆN NIỆM PHẬT TẬP

Nguyên Không Pháp Nhiên Thượng Nhân soạn Thích Nguyên Chơn dịch

Nam-mô A-di-đà Phật

Niệm Phật là phương pháp tối thắng cầu vãng sinh cõi Tịnh.

I. Thiền sư Đạo xước15 lập Thánh đạo môn và Tịnh độ môn, nhưng bỏ Thánh đạo mà trở về Tịnh độ.

TRÍCH DẪN

An Lạc Tập16 , quyển thượng ghi: “Hỏi: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, lẽ ra từ bao kiếp lâu xa đến nay đã gặp nhiều Phật, vì sao đến hôm nay vẫn còn luân hồi trong sanh tử, chưa thoát khỏi nhà lửa 17?

Đáp: Theo Thánh giáo Đại thừa, do chúng sanh không có được hai pháp tôn quí; Thánh đạo và Tịnh độ để dứt trừ sanh tử, nên không thể ra khỏi nhà lửa. Đời nay, nếu thực hành theo Thánh đạo môn rất khó chứng ngộ, bởi cách Phật quá lâu và nghĩa lý sâu xa, khó hiểu. Cho nên kinh Đại Tập Nguyệt Tạng18 ghi: “Trong thời mạt pháp của ta, vạn vạn chúng sanh khởi hạnh tu tập, nhưng không ai chứng ngộ”.

15 Đạo Xước: tổ thứ hai tông Tịnh Độ Trung Quốc, sống vào thời nhà Đường, người ở Văn Thủy, Tinh Châu, sinh năm 562, thị tịch năm 645, là người kế thừa tư tưởng Tịnh độ của Đàm Loan. 16 An Lạc Tập: một tác phẩm quan trọng của tông Tịnh Độ do ngài Đạo Xước soạn, gồm 2 quyển. Nội dung nói về những yếu nghĩa của giáo vãng sanh Tịnh độ. 17 Nhà lửa: dụ cho ba cõi sanh tử. Trong đó lửa dụ cho năm trược đốt cháy chúng sanh; nhà dụ cho ba cõi. 18 kinh Đại Tập Nguyệt Tạng: gồm 10 quyển, do ngài Na-liên-đề-da-xá dịch vào đời Tùy, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chánh Tạng, tập 13. Nội dung kể về những việc Đức Phật ở tại núi Khư-la-đề thuyết pháp độ Tỳ-kheo, Bồ-tát, trời rồng, a-tu-la, Ma vương Ba-tuần ...

Nay đúng vào đời năm trược ác19 thời mạt pháp, chỉ có môn Tịnh độ mới là con đường giúp tất cả chúng sanh vào đạo. Cho nên Đại kinh20 ghi: “Nếu có người một đời tạo ác, lúc lâm chung niệm danh hiệu ta liên tục mười niệm mà không được vãng sanh, ta sẽ không thành Chánh giác”.

Hơn nữa, chúng sanh không tự suy xét, đối với Đại thừa thì chưa từng chuyên tâm nơi Đệ nhất nghĩa không, chân như thật tướng; đối với Tiểu thừa thì chưa từng tu tập đoạn năm kiết dưới21, trừ năm kiết trên22 để vào Kiến đế tu đạo23 cho đến chứng A-na-hàm24 , A-la- hán25 , còn đối với phước báo trời người thì hiếm có người giữ được năm giới cấm, mười điều thiện. Nhưng nói về làm ác, tạo tội thì khác nào gió táp mưa sa! Do đó, các Đức Phật khởi lòng đại bi, khuyên chúng sanh trở về cõi Tịnh. Dẫu có một đời tạo ác, nhưng luôn chuyên tinh niệm Phật, ắt các chướng26 tự trừ, nhất định được vãng sanh. Như thế, sao không suy nghĩ kỹ mà hướng tâm về.

LUẬN RẰNG27

Trộm nghĩ, tùy theo chủ trương của mỗi tông mà lập giáo nhiều hay ít để phán định giáo pháp trong một đời của Đức Phật. Như tông

19 Năm trược ác : năm trạng thái sanh tồn thấp kém xảy ra vào thời mạt pháp, hoặc chỉ cho năm loại vẩn đục khởi lên vào kiếp giảm theo quan niệm của Phật giáo. Đó là: kiếp trược, vào kiếp giảm tuổi thọ chúng sanh ngắn dần, nhiều tai họa nổi lên; Kiến trược, chánh pháp suy tồn, tà pháp, tà kiến tăng mạnh; Phiền não trược, chúng sanh đầy dẫy

ái dục, tham lam đấu tranh, dối trá dua nịnh ... Chúng sanh trược, tức chúng sanh xấu ác, không tạo công đức, không hiếu kính cha mẹ, không sợ nghiệp báo ác... Mạng trược, tức thọ mạng của chúng sanh ngắn ngủi, không quá trăm năm. 20 Đại kinh: tức kinh Vô Lượng Thọ. 21 Năm kiết dưới: năm món phiền não trói buộc chúng sanh trong cõi Dục: tham dục, sân khuể, hữu thân kiến, giới cấm thủ kiến và nghi. 22 Năm kiết trên: năm món phiền não trói buộc chúng sanh trong cõi Sắc và Vô sắc: sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, mạn và vô minh. 23 Kiến đế tu đạo: chứng đắc chân lý, đạt quả từ Dự lưu đến A-na-hàm hướng. 24 A-na-hàm: quả vị thứ ba trong bốn quả Thanh văn. 25 A-la hán: quả vị cuối cùng trong bốn quả Thanh văn. 26 Chướng: ngăn che, tên gọi khác của phiền não, tức phiền não ngăn che Thánh đạo. 27 Luận rằng: lời giải thích của ngài Pháp Nhiên.

Hữu tướng thì lập ba thời là Hữu giáo28, Không giáo29 và Trung đạo giáo30 . Tông Vô tướng thì lập hai tạng là Bồ-tát tạng và Thanh văn tạng. Tông Hoa Nghiêm31 thì lập năm thời là Tiểu thừa giáo, Thỉ giáo, Chung giáo, Đốn giáo và Viên giáo, gồm thâu tất cả các giáo. Tông Pháp Hoa thì lập bốn giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên và năm vị là sữa, lạc, sanh tô, thục tô, đề hồ để gồm thâu tất cả giáo. Tông Chân Ngôn32 thì lập hai giáo là Hiển và Mật. Còn tông Tịnh Độ, thiền sư Đạo Xước lập hai môn là Thánh đạo môn và Tịnh Độ môn để phán định giáo pháp trong một đời của Đức Phật.

Hỏi: Về tên gọi các tông, chỉ có tám tông hoặc chín tông như Hoa Nghiêm, Thiên Thai... chứ chưa nghe nói có tên tông Tịnh Độ. Nay nói tông Tịnh Độ là căn cứ vào đâu?

Đáp: Về căn cứ để lập tên tông Tịnh Độ thì rất nhiều. Như trong bộ Du Tâm An Lạc Đạo của sư Nguyên Hiểu ghi: “Bản ý của tông Tịnh Độ gồm cả phàm phu và thánh nhân”; Tây Phương Yếu Quyết33 của đại sư Từ Ân34 ghi: “Y cứ vào Tông này...”; Luận Tịnh Độ của ngài Ca Tài35 ghi: “Một Tông này chính là con đường thiết yếu...”. Văn minh chứng như thế, các ông không nên nghi ngờ!

28 Hữu giáo: các giáp chủ trương các pháp thật có, như tông Câu-xá, tông Duy Thức... 29 Không giáo : các giáo chủ trương các pháp đều không, như các bộ Bát-nhã... 30 Trung đạo giáo: các giáo chủ trương trung đạo, chẳng nghiêng về hữu cũng chẳng nghiêng về không. 31 Tông Hoa Nghiêm: tông phái Phật giáo Đại thừa Trung Quốc, do thiền sư Đỗ Thuận (557-640) sáng lập, ngài Pháp Tạng Hiền Thủ (643-712) hoàn thành việc lập tông. Tông này đặt nền tảng trên kinh Hoa Nghiêm., chủ trương Pháp giới duyên khởi, Sự sự vô ngại pháp giới. 32 Tông Chân Ngôn: tức Mật giáo, một tông phái Phật giáo tại Nhật Bản và Trung Quốc lấy kinh Tì-lô-giá-na Thành Phật và kinh Kim Cương Đảnh làm nền tảng lập tông, chủ trương Tức thân thành Phật, Tam mật (thân mật, khẩu mật và ý mật) tương ưng. 33 Tây Phương Yếu Quyết: có một quyển,do đại sư Khuy Cơ (632-682) soạn, nội dung dùng thể vấn đáp để trình bày về yếu quyết vãng sanh Tây phương Cực lạc. 34 Từ Ân: tức đại sư Khuy Cơ, đệ tử Tam tạng Huyền Trang, vì sư trụ tại chùa Từ Ân, nên có hiệu như vậy. 35 Ca Tài: cao tăng tông Tịnh Độ sống vào đời Đường, trụ tại chùa Trường An, chùa Hoằng Pháp. Ngài là tác giả bộ Luận Tịnh Độ.

nhưng ý chánh của tập sách này, không phải bàn đến phán giáo của các tông mà chỉ nói đến hai môn của Tịnh độ mà thôi.

1. Thánh đạo môn: Môn này bao gồm Đại thừa và Tiểu thừa. Trong Đại thừa tuy có cả Hiển giáo, Mật giáo, Quyền giáo, Thật giáo, nhưng ý của tập sách này chỉ giữ lại Hiển đại thừa và Quyền đại thừa. Cho nên căn cứ theo công hạnh tu hành trải qua nhiều kiếp, thì nên giữ Mật thừa và Thật đại thừa, đó chính là các tông Chân Ngôn, Phật Tâm36 , Thiên Thai37 , Hoa Nghiêm, Tam Luận38 , Pháp Tướng39 , Địa Luận40 , Nhiếp Luận41 ngày nay. Nên biết, bản ý của tám tông chính là chỗ này. Tiểu thừa chính là giáo pháp bàn về hàng Thanh văn42 , Duyên giác43 đoạn hoặc chứng lý, nhập thánh đắc quả ghi trong kinh luật luận. Căn cứ theo đó, Tiểu thừa gồm các tông Câu- xá44 , Thành Thật 45và Luật tông46 mà thôi. 36 Tông Phật Tâm: tức Thiền tông. 37 Tông Thiên Thai: tông phái Phật giáo Trung Quốc do ngài Huệ Văn khai sáng, đại sư Trí Khải hoàn thành việc lập tông. Tông này lấy kinh Pháp Hoa làm nền tảng, chủ trương Nhất tâm tam quán, Nhất niệm tam thiên. 38 Tông Tam Luận: tông phái Phật giáo Trung Quốc, do đại sư Gia Tường Cát Tạng khai sáng. Tông này y cứ vào ba bộ luận: Trung Luận, Bách Luận và Thập Nhị Môn Luận làm nền tảng, chủ trương xiển dương Không, Vô tướng , Bát bất trung đạo. 39 Tông Pháp Tướng: tức tông Duy Thức, tông phái Phật giáo Trung Quốc, ngài Huyền Trang là Sơ tổ, đệ tử là Khuy Cơ hoàn thành việc lập tông. Tông này lấy kinh Giải Thâm Mật, Luận Du-già, Luận Duy Thức, Luận Nhiếp Đại Thừa ... làm nền tảng, chủ trương Tam giới duy tâm, Vạn pháp duy thức, đồng thời lập năm vị một trăm pháp để phân biệt các pháp hữu vi, vô vi. 40 Tông Địa Luận: tông phái Phật giáo Trung Quốc, dùng Thập Địa Kinh Luận làm nền tảng, chủ trương Như Lai tạng duyên khởi. 41 Tông Nhiếp Luận: tông phái Phật giáo Trung Quốc, ngài Chân Đế (499-569) là khai tổ. Tông này dùng Luận Nhiếp Đại Thừa làm nền tảng, chủ trương nghĩa Duy thức vô trần, lập chín thức, đề xướng việc đối trị thức A-lại-da, chứng nhập thức A-ma-la vô cấu. 42 Thanh văn: những người nghe thanh giáo của Đức Phật, chứng ngộ lý tứ đế, đoạn trừ kiến hoặc và tư hoặc mà vào Niết-bàn. 43 Duyên giác: những bậc quán mười hai nhân duyên mà ngộ lý vô thường, đoạn phiền não chứng chân lý. 44 Tông Câu-xá: tiểu thừa Hữu tông lấy Luận Câu-xá làm nền tảng lập tông. Tông này chia các pháp thành năm vị, bảy mươi lăm pháp, chủ trương hiện tại hữu thế, quá khứ và vị lai vô thể. 45 Tông Thành Thật: tiểu thừa không tông lấy bộ Luận Thành Thật của Ha-lê-bạt-ma (Phạn: Harivarman) làm thánh điển y cứ, chia các pháp thành năm vị, tám mươi bốn pháp, chủ trương các pháp đều không.

Đại ý của Thánh đạo môn, không luận là Đại thừa hay Tiểu thừa, tất cả đều ở nơi thế giới Ta-bà này tu pháp tứ thừa là Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và Phật thừa mà đạt được quả tứ thừa.

2. Vãng sanh Tịnh độ môn: gồm hai phần: a. Kinh luận chính nói về vãng sanh Tịnh độ. b. Kinh luận phụ thuộc nói về vãng sanh Tịnh độ.

a. Kinh luận chính: gồm kinh Vô Lượng Thọ47 , kinh Quán Vô Lượng Thọ48 , kinh A-di-đà49 và Luận Vãng Sanh50 của ngài Thiên Thân51 . Ba bộ kinh này gọi là Tịnh Độ tam bộ kinh (ba bộ kinh chính của tông Tịnh Độ).

46 Luật tông: những tông phái lấy các bộ luật làm nền tảng, như Nam Sơn Luật của ngài Đạo Tuyên (596-667) đời Đường. Trung Quốc y cứ vào bộ luật Tứ Phần để lập tông. Về sau, đến đệ tử đời thứ ba của ngài Đạo Tuyên là sư Giám Chân (687-763) truyền luật Tứ Phần sang Nhật Bản, trở thành khai tổ Luật tông tại nơi này. 47 Kinh Vô Lượng Thọ: gồm hai quyển, do ngài Khương Tăng Khải dịch vào đời nhà Ngụy, thời Tam Quốc, Trung Hoa. Nội dung nói về nhân địa tu hành, quả địa thành Phật, cõi nước trang nghiêm, nhiếp thọ chúng sanh niệm Phật của Đức Phật Vô Lượng Thọ. Đây là một trong ba bộ kinh quan yếu của tông Tịnh Độ. 48 Kinh Quán Vô Lượng Thọ: một quyển, do ngài Cương-lương-da-xá dịch vào thời Lưu Tống, Trung Quốc. Nội dung ghi về việc Đức Phật thuận lời khẩn thỉnh của hoàng hậu Vi- đề-hi, vào hoàng cung giảng thuyết 16 pháp quán y báo chánh báo cõi Cực lạc. Đây là một trong ba bộ kinh quan trọng của tông Tịnh Độ. 49 Kinh A-di-đà: một quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào thời Dao Tần, Trung Quốc. Nội dung kinh nói về cõi Cực Lạc phương Tây trang nghiêm thù thắng, đồng thời khuyên người niệm danh hiệu Phật A-di-đà cầu vãng sanh. Đây là một trong ba bộ kinh quan trọng của giáo nghĩa Tịnh độ. 50 Luận Vãng Sanh : còn gọi là Luận Vãng Sanh Tịnh Độ, Vãng Sanh Kệ ..., có một quyển, do bồ-tát Thiên Thân tạo, ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch vào thời Bắc Ngụy, Trung Quốc. Luận được tạo thành do y cứ vào kinh Vô Lượng Thọ, toàn văn gồm 96 câu kệ và phần văn trường hàng giải thích kệ, nội dung khen ngợi Tịnh độ Tây phương trang nghiêm thù thắng, nói năm niệm môn, khuyên người vãng sanh về cõi ấy. Đây là bộ luận cốt yếu của giáo nghĩa Tịnh Độ. 51 Thiên Thân: Phạn: Vasubandhu, Tây Tạng: Dbyig-gnen. Còn gọi là Thế Thân. Đại luận sư Ấn Độ, sống vào khoảng thế kỷ IV, V sau Tây lịch, người ở thành Phú-lâu-na-phú-la, em của ngài Vô Trước. Lúc đầu ngài tin theo Tiểu thừa soạn Luận Câu-xá phản bác Đại thừa, sau nhờ sự khuyến hóa của ngài Vô Trước mà qui tín Đại thừa, lại soạn rất nhiều luận xiển dương Đại thừa, trong đó có các bộ nổi tiếng như: Nhiếp Đại Thừa Luận Thích, Thập Địa Kinh Luận, Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn, Duy Thức Tam Thập Luận Tụng ...

Hỏi : Về từ ngữ “Tam bộ kinh” có gì để minh chứng chăng?

Đáp: Minh chứng về Tam bộ kinh rất nhiều, như Pháp Hoa tam bộ là kinh Vô Lượng Nghĩa, kinh Pháp Hoa, kinh Phổ Hiền Quán; Đại Nhật tam bộ là kinh Đại Nhật, kinh Kim Cang Đảnh, kinh Tô-tất-địa; Trấn hộ quốc gia tam bộ là kinh Pháp Hoa, kinh Nhân Vương, kinh Kim Quang Minh; Di Lặc tam bộ là kinh Thượng Sanh Đâu-suất, kinh Hạ Sanh, kinh Thành Phật. Ở đây chỉ riêng cho ba bộ kinh về Đức Phật A-di-đà, nên gọi là Tịnh Độ tam kinh. Ba bộ kinh này nói về y báo và chánh báo52 cõi Tịnh.

b. Kinh luận phụ thuộc: gồm các bộ kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Huỳnh Tùy Cầu, Tôn Thắng và các bộ Luận Đại Thừa Khởi Tín, Bảo Tánh, Thập Trụ Tì-bà-sa, Nhiếp Đại Thừa... nói về hành nghiệp vãng sanh Tịnh Độ.

Tập sách này nêu hai môn Thánh đạo và Tịnh độ, mục đích là muốn khuyên mọi người bỏ Thánh đạo mà quay về Tịnh độ, với không ngoài hai lý do vừa nêu trên là, Thánh đạo cách Phật quá lâu và lý đại thừa sâu xa khó hiểu. Tông Tịnh Độ lập hai môn này, không chỉ là ý của các ngài Đạo Xước, Đàm Loan53 , Thiên Thai Trí Khải54, Ca Tài, Từ

Ân... mà Bồ-tát Long Thọ55 cũng đồng như thế. Như 52 Y báo, chánh báo: Y báo tức tất cả những điều kiện, hoàn cảnh, sự vật tương ứng với Chánh báo được Chánh báo thọ dụng, như cõi nước, thức ăn uống... Chánh báo tức thân tâm của loài hữu tình, là quả báo chánh thể do chiêu cảm nghiệp nhân thiện ác ở quá khứ. 53 Đàm Loan: (476-542): cao tăng tông Tịnh Độ sống vào thời Nam Bắc triều, người ở Nhạn Môn, Đại Đồng, Sơn Tây, Trung Quốc. Sư lần lượt trụ tại các chùa: Đại Nham ở Tinh Châu., Huyền Trung ở Phần Châu, về sau thị tịch tại chùa Bình Dao. Nhật Bản tôn Sư là Sơ tổ trong năm tổ của tông Tịnh Độ và là tổ thứ ba trong bảy tổ của Tịnh Độ Chân Tông. Sư có soạn bộ Vãng Sanh Luận Chú hai quyển, lưu hành ở đời. 54 Trí Khải: (538-597): khai tổ tông Thiên Thai (có thuyết nói là tổ thứ ba), người ở Hoa Dung, Kinh Châu, Trung Quốc, họ Trần, tự Đức An, tăng tục tôn xưng là Trí Giả đại Sư, Thiên Thai đại Sư. 55 Long Thọ: Phạn: Nagarjuna, Tây Tạng: Klu-sgrub. Luận sư vĩ đại của Phật giáo Đại thừa, cũng là người đặt nền tảng cho học phái Trung Quán sau này. Ngài thuộc dòng Bà-la- môn, Nam Ấn Độ, sống vào khoảng năm 150-250 sau Công Nguyên. Ngài trước tác rất nhiều luận, nên người đời tôn xưng là Thiên Bộ Luận Chủ. Trong các trước tác có các bộ nổi

Vãng Sanh Luận Chú của Đàm Loan có ghi: “Luận Thập Trụ Tì-bà- sa56 của bồ-tát Long Thọ nói rằng: Bồ-tát cầu A-tì-bạt-trí57 cần phải có Nan hành đạo (Khó thực hành) và Dị hành đạo (dễ thực hành). Nan hành là do trong đời năm ác trược không có Phật xuất thế, khó cầu được A-tì-bạt-trí . Có nhiều nguyên nhân dẫn đến khó đạt, ở đây lược nói năm ý mà thôi: 1. Ngoại đạo tu pháp tương tợ thiện làm rối loạn thật pháp của Bồ-tát; 2. Hàng Thanh văn tự lợi, chướng ngại lòng đại từ bi; 3. Kẻ ác không biết hỗ thẹn, không kể tự tha, khinh chê bậc hiền thiện, phá hoại thắng đức; 4. Quả thiện trời người phá hoại hạnh thanh tịnh; 5. Chỉ có tự lực, không có tha lực nhiếp hộ. Những việc như thế nơi nào cũng có. Nan hành đạo cũng giống như đi đường bộ thì khó khăn, nguy hiểm.

Dị hành là bởi chỉ cần với nhân duyên tin Phật, nguyện sanh Tịnh Độ, nương vào nguyện lực của Phật liền được vãng sanh cõi nước thanh tịnh. Nhờ oai lực của Phật nhiếp trì liền vào Chánh định tụ của Đại thừa. Chánh định tức A-bệ-bạt-trí. Dị hành cũng giống như đi thuyền thì an vui, nhanh đến”.

Trong đoạn này, nói Nan hành tức là Thánh đạo môn, Dị hành tức là Tịnh độ môn. Nan hành Dị hành, Thánh đạo Tịnh độ, tên gọi tuy khác nhưng chỉ một mà thôi. Các đại sư Thiên Thai Trí Khải, Ca Tài cũng đồng với chủ trương này. Trong lời tựa bộ Tây Phương Yếu Quyết có ghi: “Kính nghĩ: Đức Thích-ca mở vận hội lớn làm lợi ích cho những chúng sanh có duyên, xiển dương giáo pháp, tùy theo quốc độ mà ban pháp như thấm nhuần tất cả. Người đích thân gặp được

tiếng: Trung Luận, Luận Thập Nhị Môn, Luận Hồi Tránh, Luận Đại Thừa Phá Hữu, Luận Đại Trí Độ, Luận Thập Trụ Tì-bà-sa... 56 Luận Thập Trụ Tì-bà-sa: gồm 17 quyển, do Bồ-tát Long Thọ soạn, ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Dao Tần, Trung Quốc. Đây là tác phẩm chú thích phẩm Thập Địa, kinh Hoa Nghiêm. 57 A-tì-bạt-trí: Phạn: avinivartaniya, avaivartika, avi-vartika. Tây Tạng: phir mi ldog-pa. Hán dịch: bất thoái chuyển. Tức không lui sụt việc tiến tu, hoặc không lui sụt công đức, thành quả đã đạt được trong quá trình tu tập.

Như Lai giáo hóa thì tỏ ngộ ba thừa58, còn với kẻ phước bạc nhân sơ thì khuyên quay về Tịnh độ. Tu tập pháp môn ấy là chuyên niệm A- di-đà, đồng thời đem tất cả căn lành có được hồi hướng nguyện sanh. Bản nguyện của Đức A-di-đà là độ Ta-bà59, nên hoặc niệm cả một đời, hoặc mười niệm lúc lâm chung, chắc chắn đều được vãng sanh". Trong lời bạt bộ Tây Phương Yếu Quyết cũng ghi: "Đã sanh vào thời Tượng pháp60, cách Phật quá xa, tu tập ba thừa thì không có cách gì khế ngộ. Hai cõi trời người xao động bất an, chỉ bậc trí cao, tâm rộng mới có thể ở lâu; còn kẻ trí thô, hạnh thiển e chìm đắm nơi tăm tối. Như thế cần phải vượt khỏi Ta-bà, gởi tâm nơi cõi Tịnh".

Trong hai đoạn văn trên, nói Ba thừa chính là Thánh đạo môn, Tịnh độ chính là Tịnh độ môn. Tuy hai tên khác nhau, nhưng đồng một ý, các học giả tông Tịnh Độ cần phải biết ý chỉ này. Dẫu trước đã tu học Thánh đạo môn, nhưng nếu có tâm với Tịnh độ môn thì nên bỏ Thánh đạo môn mà quay về Tịnh độ. Như pháp sư Đàm Loan bỏ giảng thuyết Tứ luận61, một lòng quay về Tịnh độ. Thiền sư Đạo Xước xa lìa hạnh nghiệp Niết-bàn rộng lớn mà chỉ hoằng truyền hạnh Tây phương. Các bậc hiền triết xưa còn như thế, thì hàng ngu si thời mạt pháp lại không tuân theo sao?

Hỏi: Các tông thuộc Thánh đạo môn đều có thầy trò nối tiếp truyền trao, như tông Thiên Thai bắt đầu từ Nam Nhạc Huệ Tu, lần lượt truyền cho Thiên Thai Trí Khải đến Chương An Quán Đảnh, Trí Oai, Huệ Oai, Huyền Lãng, Trạm Nhiên. Tông Chân Ngôn thì từ Đại Nhật Như Lai truyền cho Kim Cang Tát-đỏa đến Long Thọ, Long Trí, Kim Trí, Bất Không. Các tông phái khác cũng đều có huyết mạch

58 Ba thừa: ba phương tiện chuyên chở, dụ cho ba phương pháp đưa chúng sanh đến bờ giác ngộ. Đó là Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát. 59 Ta-bà: Phạn: saha, sabha; Tây Tạng: mi-mjed. Tức thế giới hiện tại, thế giới mà Đức Thích-ca giáo hóa. 60 Tượng pháp: thời kỳ thứ hai trong ba thời kỳ của giáo pháp Đức Phật. Tức thời kỳ 1000 năm sau thời chánh pháp 500 năm. Vào thời kỳ này giáo pháp tương tựa với thời chánh pháp, có giáo pháp, có người tu, nhưng thiếu người chứng ngộ, nên gọi là Tượng. 61 Tứ luận: bốn bộ luận: Trung Quán, Bách Luận, Thập Nhị Môn và Đại Trí Độ.

tương thừa62, còn tông Tịnh Độ thì thế nào?

Đáp: Cũng như các tông thuộc Thánh đạo môn, tông Tịnh Độ cũng có huyết mạch tương thừa, nhưng về tông Tịnh Độ, có nhiều thuyết khác nhau . Có thuyết lập huyết mạch phả63 là: Lô Sơn Huệ Viễn, Từ Mẫn Tam Tạng, Đạo Xước, Thiện Đạo... Ở đây căn cứ theo ngài Đạo Xước và Thiện Đạo để bàn về huyết mạch phả của tông Tịnh Độ. Trong đây cũng có hai thuyết:

- Theo thuyết ghi trong An Lạc Tập, thì bắt đầu Tam tạng Bồ- đề-lưu-chi truyền đến pháp sư Huệ Sủng, pháp sư Đạo Tràng, pháp sư Đàm Loan, pháp sư Đại Hải, pháp sư Pháp Thượng.

- Theo thuyết trong Tăng truyện đời Đường Tống, thì bắt đầu từ Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi truyền đến Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo, Hoài Cảm, Thiếu Khương.

II. Hòa-thượng Thiện Đạo lập Chánh hạnh và Tạp hạnh, bỏ Tạp để tu Chánh

TRÍCH DẪN:

Quán Kinh Sớ64 quyển 4 ghi: “Căn cứ theo hạnh mà lập tín, nhưng hạnh lại có Chánh hạnh và Tạp hạnh”. Chánh hạnh là hạnh chỉ căn cứ theo các kinh nói về vãng sanh Tịnh độ mà tu tập. Đó là chỉ nhất tâm đọc tụng kinh A-di-đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ; chỉ nhất tâm quán tưởng, nhớ nghĩ cảnh y chánh báo và y báo trang nghiêm cõi Tịnh; chỉ nhất tâm kính lễ Đức Phật A-di- đà, chỉ nhất tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà, chỉ nhất tâm khen ngợi,

62 Huyết mạch tương thừa: sự truyền thừa, nối tiếp pháp môn liên tục không gián đoạn, giống như mạch máu trong cơ thể con người. 63 Huyết mạch phả: biểu đồ về phả hệ truyền thừa của thầy và trò. 64 Quán Kinh Sớ: tức Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, gồm bốn quyển, do ngài Thiện Đạo soạn. Đây là tác phẩm giải thích kinh Quán Vô Lượng Thọ, có ảnh hưởng rất lớn đối với giáo nghĩa Tịnh độ sau này.

cung kính cúng dường Phật A-di-đà. Tuy nhiên, trong Chánh hạnh lại có hai môn:

- Chỉ nhất tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà, chẳng kể đi đứng nằm ngồi, chẳng luận thời gian lâu mau, niệm niệm miên mật không buông bỏ, không gián đoạn. Đó gọi là Chánh định nghiệp, vì thuận với bản nguyện của Phật A-di-đà.

- Nếu lễ bái, đọc tụng, khen ngợi, cúng dường... thì gọi là Trợ nghiệp.

Ngoài hai hạnh Chánh và Trợ này, tất cả các nghiệp thiện khác đều là Tạp hạnh. Nếu tu tập hai hạnh Chánh và Trợ thì tâm luôn luôn gần gũi, nhớ nghĩ đến Phật, cho nên không gián đoạn. Nếu tu tập Tạp hạnh thì tâm thường bị gián đoạn, dù có thể hồi hướng được vãng sanh, nhưng đều là hạnh xen tạp.

LUẬN RẰNG:

Đoạn văn trên có hai ý: Một là nói về hành tướng vãng sanh, hai là phân biệt về sự hơn kém của hai hạnh.

1. Hành tướng vãng sanh: Theo hòa-thượng Thiện Đạo, tuy có nhiều hạnh vãng sanh, nhưng đại để được chia làm hai là Chánh và Tạp.

Chánh hạnh lại có phân khai và tổng hợp. Phân khai thì có năm hạnh, tổng hợp thì thành hai hạnh. Năm hạnh: Đọc tụng - Quán sát - Lễ bái - Xưng danh - Khen ngợi cúng dường. Đọc tụng tức là chỉ nhất tâm tụng đọc kinh Quán Vô Lượng Thọ... Quán sát tức chỉ nhất tâm quán tưởng y báo, chánh báo cõi Cực Lạc. Lễ bái tức là chỉ nhất tâm lễ Đức Phật A-di-đà. Xưng danh tức là chỉ nhất tâm xướng niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà. Khen ngợi cúng dường tức là chỉ nhất tâm khen ngợi cúng dường Đức Phật A-di-đà, Nếu chia khen ngợi và cúng dường làm hai thì thành sáu chánh hạnh. Tổng hợp thì thành hai

là Chánh nghiệp và Trợ nghiệp. Trong năm chánh hạnh ở trên, hạnh thứ tư là Chánh định nghiệp. Như trong đoạn văn trên ghi: “Chỉ nhất tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà, chẳng kể đi đứng nằm ngồi, chẳng luận thời gian lâu mau, niệm niệm miên mật không buông bỏ, không gián đoạn. Đó gọi là Chánh định nghiệp, vì thuận với bản nguyện của

Phật A-di-đà". Trợ nghiệp tức bốn hạnh còn lại. Như trong đoạn văn trên ghi: "Nếu lễ bái, đọc tụng, khen ngợi, cúng dường... thì gọi là Trợ nghiệp".

Hỏi: Vì sao chỉ có niệm danh hiệu Phật A-di-đà là Chánh định nghiệp?

Đáp: Trong Quán Kinh Sớ nói: "Vì thuận theo bản nguyện của Đức Phật kia", nghĩa là xưng danh niệm Phật chính là nguyện xưa của Phật A-di-đà. Cho nên người tu hành nương vào nguyện lực Phật nhất định được vãng sanh. Ý nghĩa của bản nguyện sẽ giải thích sau.

Về Tạp hạnh, Quán Kinh Sớ ghi: "Ngoài hai hạnh Chánh và Trợ này, tất cả các nghiệp thiện khác đều là Tạp hạnh". Ý nói có vô lượng Tạp hạnh, không thể kể hết, ở đây chỉ vì muốn đối lại với năm Chánh hạnh mà nêu ra năm Tạp hạnh. Đó là:

- Tạp hạnh đọc tụng: Đọc tụng, thọ trì tất cả kinh điển Đại- Tiểu-Hiển-Mật, trừ ba bộ kinh nói về vãng sanh Tịnh độ đã nêu trên.

- Tạp hạnh quán sát: Suy nghĩ, quán sát tất cả những sự lý của các giáo Đại-Tiểu-Hiển-Mật, trừ y báo chánh báo cõi Cực Lạc.

- Tạp hạnh lễ bái: Cung kính lễ bái tất cả các Đức Phật, Bồ Tát, chư thiên, hiền thánh, thế gian, trừ Đức Phật A-di-đà.

Ngoài ra còn có rất nhiều hạnh khác như: bố thí, trì giới...đều thuộc Tạp hạnh.

2. Phân biệt về sự hơn kém của hai hạnh: Quán Kinh Sớ ghi:

"Nếu tu hai hạnh Chánh và Trợ, thì tâm luôn gần gũi, nhớ nghĩ đến Phật, không gián đoạn, đó gọi là vô gián. Nếu tu Tạp hạnh, thì tâm thường gián đoạn, dù có thể hồi hướng được vãng sanh, nhưng cũng đều thuộc tạp hạnh". Căn cứ theo văn thì trong Tạp hạnh có năm đôi đối đãi: Thân-sơ, gần-xa, không gián đoạn-gián đoạn, không hồi hướng-hồi hướng, thuần-tạp.

- Thân-Sơ: Thân, nếu tu hai hạnh chánh trợ, sẽ rất thân thiết với Đức Phật A-di-đà. Cho nên Quán Kinh Sớ ghi: "Chúng sanh khởi hạnh, miệng luôn niệm Phật thì Phật nghe, thân luôn lễ Phật thì Phật thấy, tâm luôn nhớ đến Phật thì Phật biết. Chúng sanh nhớ nghĩ đến Phật, Phật cũng nhớ nghĩ đến chúng sanh. Ba nghiệp của Phật và chúng sanh không bao giờ lìa nhau, cho nên nói là thân thiết". Sơ, nếu tu Tạp hạnh, miệng không xưng danh hiệu Phật thì Phật không nghe, thân không lễ Phật thì Phật không thấy, tâm không nhớ nghĩ đến Phật thì Phật không biết. Chúng sanh không nhớ đến Phật, Phật cũng không nhớ nghĩ đến chúng sanh. Ba nghiệp của Phật và chúng sanh thường lìa nhau, cho nên gọi là xa cách.

- Gần-Xa: Gần, nếu tu hai hạnh Chánh-Trợ, thì rất gần gũi với Đức Phật A-di-đà. Cho nên Quán Kinh Sớ lại ghi: "Chúng sanh nguyện được thấy Phật, Phật tức thời tùy ý niệm hiện đến trước mặt, cho nên gọi là gần gũi". Xa, nếu tu Tạp hạnh thì không nguyện thấy Phật, Phật không tùy ý niệm hiện đến trước mặt, cho nên gọi là cách xa.

Thân và cận tuy nghĩa giống nhau, nhưng trong Quán Kinh Sớ, ngài Thiện Đạo chia làm hai, cho nên xin trích dẫn ra đây.

- Không gián đoạn-Gián đoạn: Không gián đoạn, nếu tu hai hạnh Chánh-Trợ, nhất định sẽ luôn luôn nhớ nghĩ đến Đức Phật A-di- đà, không bao giờ gián đoạn. Gián đoạn, nếu tu Tạp hạnh, tâm không luôn nhớ nghĩ đến Đức Phật A-di-đà, mà thường gián đoạn.

- Không hồi hướng-hồi hướng: Nếu tu hai hạnh Chánh-Trợ, dẫu

không hồi hướng cũng tự nhiên thành tựu sự nghiệp vãng sanh. Cho nên Sớ ghi: "Trong Quán Kinh nói: Mười tiếng niệm danh hiệu Phật, đã phát đầy đủ mười nguyện, tu mười hạnh. Vì sao? Vì Nam-mô tức là quy mạng65, cũng có nghĩa phát nguyện hồi hướng; A-di-đà Phật tức là hạnh. Vì nghĩa này, cho nên nhất định được vãng sanh". Hồi hướng, nếu tu Tạp hạnh thì cần phải hồi hướng mới thành tựu nhân vãng sanh. Cho nên Quán Kinh Sớ ghi: "Dù có thể hồi hướng được vãng sanh..."

- Thuần-Tạp: Nếu tu hai hạnh Chánh-Trợ, thì hoàn toàn là hành nghiệp Cực Lạc, còn tu các hạnh khác thì không phải thuần nhất hành nghiệp Cực Lạc. Vì chung cho cả hành nghiệp trời người và cả Tam thừa, cũng như chung cho khắp các cõi Tịnh trong mười phương, cho nên gọi là tạp. Người tu hành nghiệp Tây phương, cần phải bỏ Tạp hạnh mà tu Chánh hạnh.

Hỏi: Hai nghĩa thuần và tạp này có được xác chứng trong kinh luận không?

Đáp: Trong kinh luật luận Đại-Tiểu thừa có rất nhiều chứng cứ về việc thành lập hai môn thuần tạp. Như Đại thừa lập tám tạng66, một là Tạp tạng, bảy là Thuần tạng; trong bốn bộ A-hàm67 của Tiểu thừa có một Tạp A-hàm, ba là Thuần A-hàm; trong Luật lập hai mươi kiền-độ68 để nói về giới hạnh, trong đó mười chín kiền-độ trước là Thuần, một kiền-độ cuối cùng là Tạp; Luận cũng lập tám kiền-độ để nói về tánh tướng các pháp, bảy kiền-độ trước là Thuần, một kiền-độ sau là Tạp. Về tập truyện Hiền thánh, các bộ Đường Cao Tăng

65 Quy mạng: Hán dịch của chữ Namo (nam-mô), Gồm ba nghĩa: thân mạng hướng về nương tựa Phật; qui thuận lời dạy của Phật; mạng căn quay về nhất tâm bản tánh. 66 Tám tạng: tám tạng giáo pháp của Đức Phật được ghi trong phẩm Xuất Kinh Bồ-tát Xử Thai. Đó là: Thai hóa tạng, Trung ấm tạng, Ma-ha diễn Phương đẳng tạng, Giới luật tạng, Thập trụ Bồ-tát tạng, Tạp tạng, Kim cương tạng và Phật tạng. 67 Bốn bộ A-hàm: bốn bộ loại kinh trong tạng TIểu thừa bản Hán: Trường A-hàm, Trung A- hàm, Tăng Nhất A-hàm và Tạp A-hàm. 68 Kiền-độ: từ chuyên dụng trong bộ luật Phật giáo, tức là thiên, chương.

truyện và Tống Cao Tăng truyện có lập mười khoa69 để nói về đức hạnh của các cao tăng, trong đó chín khoa trước là Thuần, một khoa sau cùng là Tạp; cho đến trong Đại Thừa Nghĩa Chương70 cũng lập năm tụ; bốn tụ trước là Thuần, một tụ sau là Tạp. Không chỉ Hiển giáo, Mật giáo cũng có Thuần-Tạp. Như trong Sơn Gia Huyết Mạch Phả ghi: "1, Thai tạng giới mạn-đồ-la huyết mạch phả, một thiên; 2, Kim cang giới mạn-đồ-la huyết mạch phả, một thiên; 3, Tạp mạn-đổ- la huyết mạch phả, một thiên". Hai thiên trước là Thuần, một thiên sau là Tạp. Minh chứng về thuần-tạp rất nhiều, ở đây chỉ nêu ra một số như thế thôi.

Nên biết rằng, nghĩa thuần-tạp cũng tùy theo pháp mà thay đổi, không nhất định. Do đó, ở đây chỉ căn cứ theo ý của ngài Thiện Đạo mà luận về thuần tạp của hạnh Tịnh độ. Thuần-tạp này không hạn cuộc nơi nội điển71, mà trong ngoại điển cũng có rất nhiều, vì sợ dài dòng nên không ghi nơi đây. Nhưng trong hạnh vãng sanh, không chỉ ngài Thiện Đạo mới phân làm hai hạnh thuần-tạp, mà thiền sư Đạo Xước cũng cho rằng tuy có nhiều hạnh vãng sanh, nhưng gom lại thành hai, đó là Niệm Phật vãng sanh và Vạn hạnh vãng sanh. Còn thiền sư Hoài Cảm72 thì nói: "Tuy có rất nhiều hạnh vãng sanh, nhưng gom lại thành hai là: Niệm Phật vãng sanh và Chư hạnh vãng sanh". Sư Huệ Tâm cũng đồng với ý này. Như thế ba vị cùng lập hai hạnh để gồm thâu hết các hạnh vãng sanh, thật rất hợp với yếu chỉ Tịnh độ.

TRÍCH DẪN:

69 Mười khoa: mười thiên. 70 Đại Thừa Nghĩa Chương: gồm 20 quyển, do Tịnh Ánh Huệ Viễn soạn vào đời Tùy, Trung Quốc. Toàn sách chia làm năm tụ: Giáo pháp tụ, nghĩa pháp tụ, nhiễm pháp tụ, tịnh pháp tụ và tạp tụ. Nội dung tập hợp và giải thích những mục quan trọng trong kinh sách Phật để làm rõ nghĩa Đại thừa. 71 Nội điển: chỉ cho kinh điển của tôn giáo mà mình tin thờ. Ngược lại những kinh điển ngoài tôn goáo của mình thì gọi là ngoại điển. 72 Hoài Cảm: cao tăng tông Tịnh Độ, sống vào đời Đường, Trung Quốc.

Vãng Sanh Lễ Tán73 ghi: "Nếu niệm niệm liên tục, lấy chết làm kỳ hạn, thì mười người tu mười người vãng sanh, trăm người tu trăm người vãng sanh". Vì sao? Vì không có tạp duyên nên được chánh niệm, tương ứng với bản nguyện của Đức Phật, không trái giáo Tịnh độ, thuận theo lời Phật. Nếu bỏ chuyên tu mà theo tạp tu thì trăm người không được một, ngàn người chẳng được năm, ba. Vì sao? Vì tạp duyên loạn động làm mất chánh niệm, không tương ứng với bản nguyện của Phật, trái với giáo Tịnh độ, không thuận theo lời Phật, niệm không liên tục, tâm có gián đoạn, hồi hướng phát nguyện không khẩn thiết và chân thật, các phiền não tham sân đến làm gián đoạn, không có tâm hổ thẹn để sám hối, không luôn luôn nghĩ đến việc báo đáp ân Phật. Khởi tâm khinh mạn, tuy tu tập mà luôn chạy theo danh lợi, tâm nhân-ngã che mờ, khiến không thể gần gũi bạn lành đồng hạnh đồng tu. Thích gần gũi tạp duyên, làm chướng ngại chính mình và chướng ngại người khác.

Vì sao: Gần đây tôi thường nghe thấy tăng tục khắp nơi giải hạnh không đồng, dẫn đến tu chuyên, tu tạp khác nhau. Nhưng tu chuyên thì mười người, vãng sanh cả mười; còn tu tạp, vì không chí tâm, nên ngàn người tu không được một người về cõi Tịnh. Việc hơn kém của hai hạnh như trên đã trình bày, kính mong tất cả những người tu hành nghiệp Vãng sanh hãy sưy nghĩ kỹ. Những người đời nay đã nguyện sanh về cõi Cực Lạc, thì nên trong tất cả mọi thời gian, khi đi đứng, lúc nằm ngồi hãy gắng lòng, khắc kỷ, ngày đêm niệm niệm liên tục chớ phế bỏ, lấy cái chết làm kỳ hạn. Như thế, đối với thân hầu như có một ít khổ, nhưng niệm trước mạng chung, niệm sau liền sanh về cõi Tịnh, vĩnh viễn huởng thụ pháp lạc vô vi, cho đến cuối cùng thành Phật mà không trải qua sinh tử. Như thế, không sưng sướng lắm sao?".

LUẬN RẰNG:

73 Vãng Sanh Lễ Tán: tức là bộ Vãng Sanh Lễ Tán Kệ, 1 quyển, do hoà-thượng Thiện Đạo soạn vào đời Đường, Trung Quốc. Nội dung nói về việc thực hành lễ tán sáu thời trong một ngày.

Đọc đoạn văn này lại càng phải nên bỏ Tạp tu trở về Chuyên tu. Lẽ nào lại bỏ Chánh hạnh chuyên tu trăm người trăm được, mà chấp chặt Tạp hạnh tạp tu ngàn người hành mà không ai chứng được sao? Người tu tập cần phải sưy nghĩ kỹ!

III. Đức A-di-đà không lấy các hạnh khác làm bản nguyện vãng sanh, chỉ lấy Niệm Phật làm bản nguyện vãng sanh.

TRÍCH DẪN:

Kinh Vô Lượng Thọ ghi: "Như ta thành Phật mà các chúng sanh trong mười phương một lòng tin thích, muốn sanh về cõi nước của ta, dù chỉ niệm mười niệm liền được vãng sanh. Nếu không, ta không giữ ngôi Chánh giác".

Quán Niệm Pháp Môn74 ghi: "Nếu ta thành Phật, các chúng sanh trong mười phương nguyện sanh về cõi nước ta, dù chỉ xưng niệm danh hiệu ta mười tiếng, liền nương nguyện lực của ta mà vãng sanh, nếu không ta không giữ ngôi Chánh giác".

Vãng Sanh Lễ Tán cũng dẫn đoạn văn phát nguyện trên và bàn thêm rằng: "Đức Phật ấy thành Phật trong đời hiện tại. Nên biết thệ nguyện xưa rất sâu nặng, không hư dối. Nếu chúng sanh xưng niệm nhất định được vãng sanh".

LUẬN RẰNG:

Mỗi Đức Phật đều có hai nguyện là nguyện chung và nguyện riêng. Nguyện chung chính là bốn thệ nguyện rộng lớn75. Nguyện riêng, như Đức Thích-ca có năm trăm nguyện lớn, Đức Dược Sư có mười hai nguyện...Như bốn mươi tám nguyện ở đây, tức là nguyện

74
Quán Niệm Pháp Môn: có một quyển, do ngài Thiện Đạo soạn. Nội dung nói về pháp Quán Phật tam-muội và Niệm Phật tam-muội.
75
Bốn thệ nguyện rộng lớn : nguyện độ vô biên chúng sanh; nguyện độ vô tận phiền não; nguyện tu vô lượng pháp môn; nguyện thành vô thượng Phật đạo.
riêng của Đức A-di-đà.

Hỏi: Đức A-di-đà Như Lai phát những lời nguyện này từ bao giờ và trước Đức Phật nào?

Đáp: Kinh Vô Lượng Thọ ghi: "Phật dạy A-nan: Vào thời quá khứ lâu xa, cách nay vô lượng chẳng thể tính bàn vô ương số kiếp76, Đức Phật Định Quang xuất hiện ở thế gian, giáo hóa vô lượng chúng sanh, khiến tất cả đều được vào đạo rồi Ngài vào Niết-bàn. Kế đó lại có Đức Phật Quang Viễn, Phật Xử Thế cho đến Đức Phật thứ năm mươi ba xuất thế rồi vào Niết-bàn. Bấy giờ có Đức Phật hiệu là Thế Tự Tại Vương trụ ở

đời. Có một vị vua nghe Phật thuyết pháp, trong lòng vui sướng liền phát tâm Vô thượng chánh chân đạo77, từ bỏ ngôi vua, xuất gia làm sa-môn78, hiệu là Pháp Tạng, tài cao, trí sáng, siêu việt thế gian. Một hôm Sa-môn này đến trụ xứ của Phật Thế Tự Tại Vương. Đức Phật nói rộng về trời người thiện ác, cõi nước đẹp xấu trong hai trăm mười ức Phật độ. Tất cả đều tương ứng với tâm nguyện của Sa-môn mà hiện ra. Vị Sa-môn nghe Đức Phật nói về cõi nước trang nghiêm thanh tịnh thì cũng liền thấy được tất cả. Do đó, Ngài phát thệ nguyện vô thượng thù thắng, trong tâm vắng lặng, ý không dính mắc, tất cả người thế gian không ai bằng. Trải qua năm kiếp, vị Sa-môn tư duy, giữ lấy hạnh thanh tịnh trong cõi Phật trang nghiêm.

A-nan lại hỏi: Tuổi thọ của Đức Phật ấy bao nhiêu?

Đức Phật đáp: Tuổi thọ của Đức Phật ấy là bốn mươi hai kiếp.

76 Vô ương số kiếp: Phạn: asamkhyeya-kalpa. Số kiếp vô tận, chỉ cho khoảng thời gian dài vô cùng tận. 77 Vô thượng chánh chân đạo: Phạn: Anuttarasamyaksambodhi, tức Vô thượng chánh đẳng chánh giác. 78 Sa-môn : Phạn: sramana, Pali: samana, Tây Tạng: dge-sbyen. Từ ngữ chỉ chung cho những người xuất gia tu đạo, tức là những người cạo bỏ râu tóc, bỏ ác hành thiện, điều phục thân tâm để mong đạt được cảnh giới giải thoát.

Bấy giờ Tì-kheo79 Pháp Tạng giữ lấy hạnh thanh tịnh trong hai trăm mười ức cõi Phật vi diệu".

Kinh Đại A-di-đà ghi: "Đức Phật ấy tuyển chọn trời người thiện ác, cõi nước đẹp xấu trong hai trăm mười ức cõi Phật, chọn lấy những nguyện mà tâm ưa thích. Đức Phật Lâu-di-hỗ-la (Phật Thế Tự Tại Vương) lại thuyết kinh, Tất-Đàm-ma-ca (Pháp Tạng) liền chuyên nhất tâm mình mà chứng đắc Thiên nhãn, thấy sướt trời người thiện ác, cõi nước đẹp xấu trong hai trăm mười ức cõi Phật, chọn những ước nguyện trong tâm đúc kết thành kinh Nhị Thập Tứ Nguyện" (Kinh Bình Đẳng Giác cũng giống như thế).

Tuyển chọn nghĩa là lấy bỏ. Tức là trong hai trăm mười ức cõi Phật, bỏ trời người ác, chọn lấy trời người thiện; bỏ cõi nước xấu, chọn lấy cõi nước tốt đẹp. Nghĩa tuyển chọn trong kinh Đại A-di-đà như thế. Trong kinh Sơng Quyển80 cũng có ý nghĩa tuyển chọn, như kinh ấy ghi: "Tì-kheo Pháp Tạng giữ lấy hạnh thanh tịnh trong hai trăm mười ức cõi Phật vi diệu". Tuyển chọn và giữ lấy cũng đồng một nghĩa. Thế thì xả bỏ hạnh không thanh tịnh mà chọn lấy hạnh thanh tịnh. Ý nghĩa trời người thiện ác, cõi nước đẹp xấu, theo đó cũng biết được.

Nay căn cứ theo bốn mươi tám nguyện, đơn phối hợp (nhất vãng), mỗi mỗi luận về nghĩa tuyển chọn, nhiếp thủ:

1. Nguyện không có ba đường ác81, tức là trong hai trăm mười ức cõi Phật mà Tì-kheo Pháp Tạng nhìn thấy, có cõi nước có ba đường ác, có cõi nước không có ba đường ác. Như vậy chọn bỏ cõi nước thô xấu có ba đường ác, chọn lấy cõi nước thiện diệu không có ba đường ác. Cho nên gọi là tuyển chọn.

79 Tỳ-kheo: Phạn: bhiksu, bhiksuka; Pali: bhikkhu; Tây Tạng:dge-slon. Chỉ cho người xuất gia trong giáo đoàn Phật giáo, từ hai mươi tuổi trở lên, đã thọ giới Cụ túc. 80 Kinh

Song Quyển: tức kinh Vô Lượng Thọ, vì kinh này có hai quyển, nên gọi như thế. 81 Ba đường ác : ba cõi cực xấu ác, thấp kém nhất mà chúng sanh tạo nghiệp ác sẽ sanh về. Đó là địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh.

2. Nguyện không trải qua ba đường ác, tức trong cõi nước của các Đức Phật, tuy có cõi nước không có ba đường ác, nhưng nhân dân cõi ấy sau khi chết lại phải trải qua cõi nước có ba đường ác, hoặc có cõi nước không trải qua ba đường ác. Nay chọn bỏ cõi nước thô xấu chúng sinh sau khi chết, phải trải qua ba đường ác, mà chọn lấy cõi nước thiện diệu không trải qua ba đường ác. Cho nên gọi là tuyển chọn.

3. Nguyện thân đều có màu vàng ròng, tức trong các cõi nước của Đức Phật, hoặc cõi nước có hai loại trời người thân màu vàng và trắng, hoặc có cõi thuần chúng sanh thân màu vàng ròng. Nay chọn bỏ cõi nước thô xấu, có hai loại thân vàng và trắng, chọn lấy cõi nước thiện diệu có thuần chúng sanh thân màu vàng. Cho nên gọi là tuyển chọn.

4. Nguyện không có thân đẹp xấu, tức trong các cõi nước của Phật, có cõi nước mà trời người trong đó có hình sắc đẹp xấu khác nhau, hoặc có cõi nước mà chúng trời người trong đó chỉ một loại hình sắc, không có đẹp xấu khác nhau. Nay chọn bỏ cõi thô xấu có thân đẹp xấu khác nhau, chọn lấy cõi nước thiện diệu có thân chúng sanh đồng nhất, không đẹp xấu. Nên gọi là tuyển chọn.

Cho đến thứ 18, nguyện niệm Phật vãng sanh, tức trong cõi nước của Đức Phật kia, hoặc có cõi dùng bố thí làm hạnh vãng sanh, hoặc có cõi dùng trì giới làm hạnh vãng sanh, hoặc có cõi dùng nhẫn nhục làm hạnh vãng sanh, hoặc có cõi dùng tinh tấn làm hạnh vãng sanh, hoặc có cõi dùng thiền định làm hạnh vãng sanh, hoặc có cõi dùng trí huệ (tin Đệ nhất nghĩa...) làm hạnh vãng sanh, hoặc có cõi dùng tâm Bồ-đề làm hạnh vãng sanh, hoặc có cõi dùng việc trì kinh làm hạnh vãng sanh, hoặc có cõi dùng việc trì chú làm hạnh vãng sanh; hoặc có cõi dùng các hạnh xây dựng chùa tháp, tạo tôn tượng, cúng dường thức ăn cho sa-môn cho đến hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự thầy tổ làm hạnh vãng sanh; hoặc có cõi dùng hạnh chuyên xưng niệm danh hiệu Đức Phật cõi ấy làm hạnh vãng sanh. Như thế dùng

một hạnh phối hợp với một cõi Phật, cho nên gọi là đơn phối hợp (nhất vãng).

Nếu luận theo phức phối hợp (tái vãng) thì ý nghĩa không nhất định, hoặc trong một cõi Phật dùng nhiều hạnh làm hạnh vãng sanh, hoặc có nhiều cõi Phật lại dùng một hạnh làm hạnh vãng sanh chung. Có rất nhiều hạnh vãng sanh như thế không thể kể hết. Nay không chọn những hạnh bố thí, trì giới cho đến hiếu dưỡng cha mẹ..., mà chọn lấy hạnh chuyên xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, nên gọi là tuyển chọn.

Trên đây chỉ căn cứ theo năm nguyện, sơ lược luận bàn về nghĩa tuyển chọn như thế, thì tất cả các nguyện khác chuẩn theo đó cũng có thể biết được.

Hỏi: Căn cứ các nguyện, thì lý chọn bỏ cõi thô xấu, chọn lấy cõi thiện diệu thật đúng như vậy. Nhưng vì sao nguyện thứ mười tám không chọn tất cả các hạnh, chỉ chọn lấy một hạnh Niệm Phật làm hạnh vãng sanh?

Đáp: Ý Phật thật khó lường, không thể tự ý giải thích. Tuy nhiên, nay thử dùng nghĩa hơn kém và nghĩa dễ khó để luận bàn xem.

- Hơn kém: Niệm Phật là hơn, các hạnh khác thì kém. Vì sao? Vì danh hiệu Phật là nơi trở về của muôn đức. Thế thì Đức Phật A- di-đà có đủ tất cả các công đức nội chứng (tự chứng) như bốn trí82, ba thân83, mười lực84, bốn vô sở úy85 và tất cả công đức ngoại dụng (hóa

82 Bốn trí: bốn trí của Phật quả: Đại viên cảnh trí, Bình đẳng tánh trí, Diệu quan sát trí và Thành sở tác trí. 83 Ba thân: ba thân Phật: Pháp thân, Báo thân và ứng thân. 84 Mười lực: mười lực dụng của Như Lai. Đó là: Xứ phi xứ trí lực, nghiệp dị thục trí lực, tĩnh tự giải thoát đẳng trì đẳng chí trí lực, căn thượng hạ trí lực, chủng chủng thắng giải trí lực, chủng chủng giới trí lực, biến thú hành trí lực, túc trụ tùy niệm trí lực, tử sanh trí lực, lậu tận trí lực.

tha) như tướng hảo86, ánh sáng, thuyết pháp, lợi sanh... Tất cả các công đức nội, ngoại ấy đều thâu vào trong danh hiệu A-di-đà, cho nên công đức của danh hiệu là tối thắng. Các hạnh khác thì không được như thế, mỗi hạnh chỉ có một phần công đức, vì thế bảo là kém vậy. Ví như nói ngôi nhà, thì từ trong ngôi nhà ấy đã thâu hết tất cả các loại như : kèo, cột, rui, mè, đòn dông... nhưng kèo, cột, rui, mè thì không thể gồm thâu tất cả những loại khác được. Thế thì công đức của danh hiệu Phật hơn tất cả các công đức khác. Cho nên bỏ kém, chọn hơn làm bản nguyện.

- Dễ khó: Niệm Phật thì dễ tu, các hạnh khác rất khó tu. Cho nên trong Vãng Sanh Lễ Tán ghi: “Hỏi: Vì sao không cho tu quán, mà chỉ khuyên chuyên niệm danh hiệu? Đáp: Đó là do chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng, cảnh quán thì vi tế, tâm tâm thì thô phù, thức lại mênh mang, thần thì bay bổng. Nếu tu quán thật khó thành. Vì thế, bậc Đức Phật xót thương, chỉ khuyên niệm danh hiệu Phật. Hơn nữa, chỉ cần niệm liên tục thì được vãng sanh”.

Vãng Sanh Yếu Tập87 ghi: “Hỏi: Tất cả các nghiệp thiện đều có lợi ích, mỗi mỗi đều có thể hồi hướng vãng sanh, vì sao chỉ khuyên niệm Phật? Đáp: Khuyên niệm Phật, chẳng phải là không cho thực hành các hạnh lành khác, chỉ vì không kể nam nữ, sang hèn, không phân nằm ngồi đi đứng, không luận thời tiết nóng lạnh, chẳng quán nơi chốn gần xa..., hễ tu thì dễ thành. Cho đến lúc lâm chung nguyện cầu vãng sanh, không pháp nào hiệu quả hơn niệm Phật”.

Thế biết, niệm Phật dễ tu, nên dành chung cho tất cả các hạng chúng sanh, còn các hạnh khác khó hành, nên không bao trùm các loại. Vậy Đại Thánh muốn khiến chúng sanh bình đẳng vãng sanh, 85 Bốn vô sở úy : bốn sức tự tin, không sợ sệt của Phật khi thuyết pháp trước số đông. Đó là: Chư pháp hiện đẳng giác vô úy, Nhất thiết lậu tận trí vô úy, Chướng pháp bất hư quyết định thọ ký vô úy, Vị chứng nhất thiết cụ túc xuất đạo như tánh vô úy. 86 Tướng hảo: tức ba mươi hai tướng quí và tám mươi vẻ đẹp tùy hình của Phật. 87 Vãng Sanh Yếu Tập : gồm ba quyển, do Tăng đô Huệ Tâm (Nguyên Tín) người Nhật soạn. Nội dung sách gom tập những yếu nghĩa vãng sanh trong hơn một trăm sáu mươi bộ kinh, luận, chú sớ để trình bày tư tưởng Tịnh độ.

bỏ khó lấy dễ làm bản nguyện. Nếu lấy việc tạo tượng, xây tháp làm bản nguyện, thì những người nghèo hèn, khốn khổ ắt hết hy vọng vãng sanh, mà trong đời người giàu sang thì ít, kẻ nghèo hèn thì nhiều. Nếu dùng tài cao, trí tuệ làm bản nguyện thì kẻ ngu độn, trí kém tuyệt đường vãng sanh, mà trong đời kẻ ngu độn thì nhiều, người có trí tuệ lại ít. Nếu lấy nghiệp học rộng hiểu nhiều làm bản nguyện thì kẻ ít học ít biết hết hy vọng vãng sanh, mà trong đời người học rộng thì ít, kẻ ít học thì nhiều. Nếu lấy trì giới, trì luật làm bản nguyện thì kẻ phá giới, không giới nhất định hết hy vọng vãng sanh, mà trong đời người trì giới thì ít, kẻ phá giới, không giới thì nhiều. Tất cả các hạnh khác căn cứ theo đây cũng có thể biết được.

Hơn nữa, nếu dùng các hạnh trên làm bản nguyện thì rất ít người được vãng sanh. Thế thì Tì-kheo Pháp Tạng A-di-đà Như Lai khi xưa phát khởi lòng từ bi, vì nhiếp thủ tất cả, nên không dùng các hạnh xây tháp, tạo tượng... làm bản nguyện, chỉ lấy niệm Phật làm bản nguyện. Cho nên, trong bộ Ngũ Hội Pháp Sự Tán88, thiền sư Pháp Chiếu có viết: "Đức Phật A-di-đà, trong lúc tu nhân đã lập thệ nguyện: "Người nào nghe danh hiệu ta, niệm danh hiệu ta thì ta đều đến đón, không kể nghèo hèn hay giàu sang, trí thấp hay tài cao, nghe nhiều học rộng, giữ tịnh giới hay phá giới, gốc tội sâu dày. Chỉ cần hồi tâm thường niệm Phật, thì có thể khiến cho ngói vỡ biến thành vàng ròng".

Hỏi: Tất cả Bồ-tát dù đã lập thệ nguyện, nhưng có vị đã thành tựu, có vị chưa thành tựu, không biết bốn mươi tám nguyện của bồ-tát Pháp Tạng nay đã thành chưa?

Đáp: Tất cả nguyện của bồ-tát Pháp Tạng đã thành tựu. Vì sao? Vì trong cõi Cực Lạc không có ba đường ác, tức đã thành tựu nguyện "Không có ba đường ác". Làm sao biết được? Vì kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ khi nói về nguyện thành tựu có ghi: "Cũng

88 Ngũ Hội Pháp Sự Tán: có một quyển, do sư Pháp Chiếu soạn vào đời Đường, Trung Quốc. Nội dung sách nói về cách thức thực hành Ngũ hội niệm Phật.

không cõi nước có các nạn địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh". Lại nói trời người cõi kia sau khi mạng chung không trải qua các đường ác, đó chính là thành tựu nguyện "Không trải qua ba đường ác". Làm sao biết: Vì văn kinh ghi: "Các Bồ-tát kia cho đến lúc thành Phật cũng không trải qua ba đường ác". Lại nói tất cả trời người trong cõi Cực Lạc đều đầy đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, đó là thành tựu nguyện "Đầy đủ ba mươi hai tướng". Làm sao biết? Vì văn kinh ghi: "Người sanh vào nước ấy đều đầy đủ ba mươi hai tướng". Như vậy, từ nguyện thứ nhất "Không có ba đường ác", cho đến nguyện cuối cùng "Đạt được ba pháp nhẫn" đều đã thành tựu. Há riêng nguyện thứ mười tám "Niệm Phật vãng sanh" không thành tựu sao?

Thế thì người niệm Phật nhất định vãng sanh. Làm sao biết? Vì văn kinh khi nói về nguyện thành tựu, có ghi: "Nếu chúng sanh nghe danh hiệu của Đức Phật A-di-đà, khởi lòng tin thích, vui vẻ, dù chỉ niệm một niệm, rồi chí tâm hồi hướng nguyện sanh về cõi nước của Ngài, nhất định được sanh, chứng Bất thoái chuyển". Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm cõi Tịnh, thì tất cả ao sen, lầu gác báu... đều là do nguyện lực mà thành, vì sao lại chỉ nghi ngờ nguyện Niệm Phật vãng sanh? Lại thêm, cuối mỗi mỗi nguyện còn nói: "Nếu chẳng như thế, ta chẳng giữ ngôi Chánh giác" mà Phật A-di-đà thành

Phật đến nay đã mười kiếp. Nguyện thành Phật đã thành tựu, thì biết tất cả nguyện khác chẳng phải lập suông. Cho nên ngài Thiện Đạo nói: "Đức Phật ấy hiện tại đã thành Phật, nên biết bản thệ nguyện sâu nặng thật không hư dối. Chúng sanh xưng niệm nhất định được vãng sanh".

Hỏi: Kinh nói là mười niệm, giải thích là mười tiếng. Vậy nghĩa niệm và tiếng như thế nào?

Đáp: Niệm và tiếng chỉ là một. Vì sao? Vì trong phần Hạ phẩm hạ sanh, kinh Quán Vô Lượng Thọ ghi: "Tiếng không gián đoạn, đầy đủ mười niệm xưng Nam-mô A-di-đà-Phật. Vì niệm danh hiệu Phật, cho nên trừ được tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp". Nay căn cứ theo đoạn văn này thì đã rõ, tiếng tức là niệm, niệm tức là

tiếng. Thêm nữa, kinh Đại Tập Nguyệt Tạng89 ghi: "Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ". Sư Hoài Cảm giải thích rằng: "Niệm lớn tức lớn tiếng niệm Phật, niệm nhỏ tức nhỏ tiếng niệm Phật". Cho nên biết niệm tức là xướng niệm vậy.

Hỏi: Kinh ghi: "Nãi chí", các bản giải thích là "hạ chí", vậy có nghĩa gì?

Đáp: "Nãi chí" và "hạ chí" giống nhau. Kinh nói "nãi chí", tức là từ nhiều xuống ít; nhiều là niệm trọn một đời, ít là xuống còn (dù chỉ) mười tiếng hoặc một tiếng. Còn giải thích "nãi chí" là "hạ chí", thì hạ là đối với thượng. Hạ tức là dưới xuống còn (dù chỉ) mười niệm hay một niệm. Thượng tức là trên thì trọn một đời. Văn kinh luận đề cập đến thượng và hạ rất nhiều. Như trong nguyện "Túc mệnh thông" ghi: "Ví như ta thành Phật mà trời người trong cõi nước của ta không biết được túc mệnh90, dù chỉ không biết các việc trong trăm nghìn na-do-tha91 kiếp, ta cũng không giữ ngôi Chánh giác". Trong văn kinh các nguyện về năm thần thông, ánh sáng, thọ mệnh đều có chữ "hạ chí", đó là ý nghĩa từ nhiều đến ít, dùng hạ đối với thượng vậy. Chữ "nãi chí" trong nguyện này tức là "hạ chí", ý nghĩa cũng không trái. Nhưng ý các Sư và ngài Thiện Đạo khác nhau. Các Sư giải thích hạn cuộc thành nguyện Thập niệm vãng sanh, ngài Thiện Đạo tổng gom, thành nguyện Niệm Phật vãng sanh. Các Sư phân biệt như thế, ý nghĩa không trọn vẹn. Vì sao? Vì trên thì không nói một đời, dưới thì không nói một niệm. Ngài Thiện Đạo lập nguyện Niệm Phật vãng sanh thì ý nghĩa trọn vẹn, vì trên thì nói đến một đời, dưới cũng giữ lấy một niệm.

IV. Ba hạng người niệm Phật vãng sanh

89 Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng: gồm 10 quyển, do ngài Na-liên-đề-da-xá dịch vào đời Tùy, Trung Quốc. Nội dung nói về sự tích lúc Đức Phật trụ tại núi Khư-la-đế, đầu tiên độ các Bồtát tỳ-kheo, sau đó độ các Ma vương, Ba-tuần, a-tu-la, trời, rồng, quỉ thần qui hướng Phật đạo. 90 Túc mệnh: sinh mệnh đời trước. 91 Na-do-tha: một đơn vị đo số lượng của Ấn Độ thời xưa, tương đương với một ngàn ức.

TRÍCH DẪN: Kinh Vô Lượng Thọ ghi: "Phật dạy A-nan: Các trời và người trong thế giới ở mười phương chí tâm tin thích, nguyện sanh về nước Cực Lạc, gồm có ba hạng:

- Bậc thượng, là những người xuất gia làm Sa-môn, phát tâm bồ-đề, một lòng chuyên niệm danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ, tu tập các công đức, nguyện sanh về cõi nước

Cực Lạc. Những người này lúc sắp chết, Đức Phật Vô Lượng Thọ và các Thánh hiện đến trước mặt, họ liền theo Phật sanh về nước của Ngài, tự nhiên hóa sanh trong hoa bảy báu, trụ nơi giai vị Bất thoái chuyển, được trí tuệ sáng tỏ, sức thần thông tự tại. Vì thế, này A-nan! Nếu có chúng sanh muốn ngay trong đời này thấy được Đức Phật Vô Lượng Thọ thì nên phát tâm Vô thượng bồ-đề, tu các công đức, nguyện sanh về nước Cực Lạc.

- Đức Phật lại bảo A-nan: Bậc trung, là những trời người trong các thế giới ở mười phương, một lòng nguyện sanh về nước kia, dù không thực hành hạnh sa-môn, tu tập các công đức, nhưng phát tâm Vô thượng bồ-đề, chí tâm niệm danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ, hồi hướng tất cả những công đức có được từ việc thực hành các điều thiện như giữ gìn trai giới, xây dựng chùa tháp, tạo lập tôn tượng, cúng dường sa-môn, treo phan đốt đèn, thắp hương rải hoa nguyện sanh về cõi ấy. Người này lúc sắp chết, Đức Phật Vô Lượng Thọ hiện hóa thân có đầy đủ ánh sáng, tướng hảo như Phật thật cùng với đại chúng hiện đến trước mặt. Người này liền theo Hóa Phật92 sanh về nước ấy, trụ giai vị Bất thoái chuyển, công đức và trí tuệ chỉ sau bậc thượng.

- Đức Phật lại bảo A-nan: Bậc hạ, là những trời người trong các thế giới ở mười phương chí tâm muốn sanh vào nước kia, giả sử họ không thể tạo các công đức, nhưng phát tâm Vô thượng bồ-đề, một

92 Hóa Phật: thân Phật do Phật, Bồ-tát chân thật tùy cơ nghi biến hóa ra.

lòng niệm danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ dù chỉ mười niệm hay chỉ một niệm, với tâm chí thành nguyện sanh về nước ấy, nghe pháp sâu xa vui vẻ tin thích, không nghi ngờ. Người này lúc sắp chết, mộng thấy Đức Phật kia, cũng được vãng sanh, công đức trí huệ kém hơn bậc hạ.

LUẬN RẰNG:

Hỏi: Bậc thượng ngoài việc niệm Phật, còn có các hạnh xuất gia, lìa dục. Bậc trung còn có các hạnh xây dựng chùa tháp, tạo lập tôn tượng... Bậc hạ cũng có các hạnh như phát tâm bồ-đề... Vì sao chỉ nói Niệm Phật vãng sanh?

Đáp: Trong bộ Quán Niệm Pháp Môn của Ngài Thiện Đạo ghi: “Phần đầu trong quyển hạ của kinh này ghi: Phật dạy căn tánh của chúng sanh không đồng, có thể chia làm ba bậc thượng, trung, hạ. Mỗi mỗi căn tánh, Đức Phật đều khuyên chuyên niệm danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ. Những người này lúc sắp chết, Đức Phật và các Thánh đến rước, liền được vãng sanh”. Căn cứ theo lời giải thích này, thì ba bậc đều có nói Niệm Phật vãng sanh.

Hỏi: Lời giải thích này chưa đáp ứng được câu gạn hỏi trên. Hỏi rằng vì sao không nói đến các hạnh khác mà chỉ nói đến Niệm Phật?

Đáp: Việc này có ba ý: Một là bỏ các hạnh, trở về hạnh Niệm Phật, nên mới nói đến các hạnh. Hai là trợ giúp để thành tựu hạnh Niệm Phật, nên mới nói đến các hạnh. Ba là căn cứ hạnh Niệm Phật và các hạnh, mỗi mỗi lập ba phẩm, nên phải nói đến các hạnh.

- Vì muốn bỏ các hạnh, trở về hạnh Niệm Phật: Căn cứ theo Quán Kinh Sớ của Thiện Đạo, từ trước đến đây tuy nói về lợi ích của hai môn Định-Tán, nhưng căn cứ theo ý bản nguyện Phật, khuyên chúng sanh một bề chuyên niệm Phật A-di-đà để giải thích, thì bậc thượng tuy nói đến các hạnh phát tâm Bồ-đề..., nhưng căn cứ theo ý

bản nguyện, chúng sanh chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà, thì trong bản nguyện không có các hạnh khác. Ba bậc đều căn cứ theo bản nguyện, cho nên nói: "Nhất hướng (một bề) chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ". Nói Nhất hướng là đối lại với nhị hướng, tam hướng... Ví như ở Ấn Độ xưa có ba loại chùa: Nhất hướng Đại thừa tự, chỉ tu tập theo Đại thừa; Nhất hướng Tiểu thừa tự, chỉ tu tập theo Tiểu thừa; Đại Tiểu kiêm hành tự, tu học cả Đại và Tiểu. Trong hai loại chùa Đại và Tiểu đều có chữ Nhất hướng, còn trong Kiêm hành thì không. Nhất hướng trong đây cũng như vậy, tức là một bề chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Nếu ngoài niệm Phật, còn tu thêm hạnh nào khác thì không gọi là nhất hướng. Căn cứ theo đó, nếu đã nói nhất hướng thì không gồm tu các hạnh khác vậy. Trước nói các hạnh, sau nói một bề chuyên niệm, thì biết rõ là phế các hạnh, chỉ chọn niệm Phật mà thôi. Nếu không như thế thì lời nhất hướng thật khó thông.

- Trợ giúp để thành tựu hạnh Niệm Phật: Có hai ý, Một, dùng căn lành đồng loại trợ giúp; hai, dùng căn lành khác loại để trợ giúp.

+ Dùng căn lành đồng loại: Trong Quán Kinh Sớ của Thiện Đạo có nêu ra năm hạnh để trợ giúp thành tựu một hạnh Niệm Phật, như đã nói trong phần Chánh hạnh - Tạp hạnh.

+ Dùng căn lành khác loại: Trước căn cứ theo bậc thượng để nói về trợ hạnh. Một bề chuyên niệm danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ là chánh hạnh, cũng là hạnh được trợ giúp. Bỏ gia đình, lìa dục làm sa-môn, phát tâm Bồ-đề là trợ hạnh, cũng là năng lực trợ giúp. Sự nghiệp vãng sanh lấy niệm Phật làm gốc, cho nên phải chuyên tâm niệm Phật. Chuyên tâm niệm Phật thì thực hành mãi mãi, không lui sụt, không bỏ phế; còn xuất gia, phát tâm bồ-đề chỉ một lần đầu mà thôi, cho nên không ngăn ngại niệm Phật. Trong bậc trung có các trợ hạnh xây tháp, tạo tượng, treo tràng phan, thắp đèn, rải hoa, đốt hương. Tức nơi chốn, pháp khí và các phẩm vật cúng dường đều trợ cho việc niệm Phật. Về ý nghĩa của các trợ hạnh này được ghi đầy đủ trong Vãng Sanh Yếu Tập. Bậc hạ cũng có phát tâm, cũng có niệm

Phật. Ý nghĩa chánh trợ niệm Phật, căn cứ theo đoạn trước cũng có thể biết được.

+ Căn cứ theo hai môn: Niệm Phật và các hạnh, mỗi mỗi lập ba phẩm: Trước theo Niệm Phật, vì trong ba bậc đều nói: Một bề chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ. Nên phải căn cứ theo môn niệm Phật mà lập ba phẩm. Phần Niệm Phật chứng cứ môn trong Vãng Sanh Yếu Tập ghi: "Kinh Song Quyển nói hành nghiệp của ba bậc tuy sâu cạn khác nhau, nhưng đều có ghi: Một bề chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ" (sư Hoài Cảm cũng nói đồng với ý này). Kế đến theo các hạnh, vì trong ba bậc này đều có các hạnh phát tâm bồ- đề...cho nên phải căn cứ theo các hạnh mà lập ba bậc. Phần Chư hạnh vãng sanh môn trong Vãng Sanh Yếu Tập ghi: "Kinh Song Quyển nói ba bậc cũng không ra ngoài

các hạnh này".

Ba nghĩa trên tuy khác nhau, nhưng đều vì môn Nhất hướng niệm Phật. Thứ nhất là nghĩa lấy và bỏ; thứ hai là nghĩa chánh và trợ, tức là vì hỗ trợ cho chánh nghiệp là Niệm Phật mà nói đến trợ nghiệp là các hạnh; thứ ba là nghĩa chánh và phụ, tuy nói cả hai, nhưng lấy niệm Phật làm chánh, các hạnh làm phụ. Nhưng ba nghĩa này cũng rất khó hiểu, xin người học tùy tâm, chọn lựa lấy bỏ. Nhưng theo ý của ngài Thiện Đạo thì nghĩa thứ nhất là cốt yếu.

Hỏi: Hạnh nghiệp vãng sanh của ba bậc đều nói niệm Phật, đó là lẽ đương nhiên, nhưng chín phẩm trong Quán Kinh và ba bậc trong kinh Vô Lượng Thọ vốn là khai hợp93 khác nhau. Nếu thế, vì sao ba bậc trong kinh Vô Lượng Thọ đều nói niệm Phật, còn trong chín phẩm của Quán Kinh thì hai phẩm thượng và trung không nói niệm Phật, đến phẩm hạ mới nói niệm Phật?

Đáp: Câu này có hai ý: Một, lời hỏi có nêu: chín phẩm trong Quán Kinh và ba bậc trong kinh Vô Lượng Thọ là khai hợp khác

93 Khai hợp: Trong Quán Kinh nói chín phẩm là chia (khai) từ ba hậc: thượng, trung, hạ. Kinh Vô Lượng Thọ nói ba bậc là gom lại (hợp) từ chín phẩm.

nhau. Như thế thì biết trong chín phẩm đều có niệm Phật. Vì sao biết? Vì trong ba bậc đều có niệm Phật, lẽ nào trong chín phẩm không có niệm Phật sao? Cho nên Vãng Sanh Yếu Tập ghi: "Trong chín phẩm, hạnh Niệm Phật thuộc về phẩm nào? Đáp: "Nếu như thuyết mà hành, lẽ ra thuộc về Thượng thượng, nhưng tùy hơn kém (có thể do căn cơ, cũng có thể do hành trì) mà phân làm chín phẩm. Nhưng hành nghiệp chín phẩm mà kinh nói, chỉ mới nêu một lẽ, thật ra là vô lượng". Cho nên biết chín phẩm cũng có hạnh Niệm Phật. Hai, ý của Quán Kinh, đầu tiên nói rộng về hạnh Định-Tán, để thích hợp với tất cả khả năng trình độ, sau phế bỏ Định thiện-Tán thiện để trờ về niệm Phật. Đó chính là ý trong câu kinh: "Ông hãy thọ trì thật kỹ lời này..."94 trong Quán Kinh. Ý nghĩa đoạn văn này sẽ trình bày ở phần sau. Vì thế nên biết, hành nghiệp chín phẩm vãng sanh cốt ở niệm Phật.

V. Niệm Phật được lợi ích

TRÍCH DẪN:

Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ ghi; "Đức Phật bảo Di-Lặc95: Nếu người nào nghe danh hiệu của Đức Phật kia mà khởi tâm vui mừng, dù chỉ một niệm xưng danh, nên biết người ấy được lợi ích lớn, đầy đủ công đức vô lượng.

Vãng Sanh Lễ Tán của Thiện Đạo ghi: "Nếu người được nghe danh hiệu của Đức Phật A-di-đà, khởi tâm hoan hỉ, dù chỉ một niệm xưng danh, người ấy sẽ được vãng sanh".

LUẬN RẰNG:

94
Nguyên văn đầy đủ câu này:

(Đức Phật bảo A-nan: Ông hãy thọ trì thật kỹ lời này. Thọ trì lời này, tức là thọ trì danh hiệu
Phật Vô Lượng Thọ)
95
Di-lặc: vị Bồ-tát Nhất sanh bổ xứ, hiện trụ tại Nội viện cõi trời Đâu-suất, mai sau sẽ sanh xuống nhân gian thành Phật.
Hỏi: Trong đoạn văn nói về ba bậc vãng sanh, ngoài công đức niệm Phật, còn có các công đức khác như phát tâm Bồ-đề... Vì sao không khen ngợi các công đức ấy, chỉ khen ngợi công đức niệm Phật?

Đáp: Ý của Đức Phật khó lường, nhất định Ngài có chủ ý sâu xa. Nhưng nay hãy căn cứ theo ý của đại sư Thiện Đạo mà trình bày. Ý của Đức Phật tuy chỉ muốn nói thẳng về hạnh Niệm Phật, nhưng nhất thời tùy căn cơ mà thuyết thêm các hạnh, chia ra ba bậc sâu cạn khác nhau. Nay đại sư cũng đã bỏ mà không khen ngợi, gác qua mà không luận đến, chỉ chọn một hạnh Niệm Phật để khen, thì suy nghĩ cũng có thể phân biệt được tại sao. Nếu căn cứ theo hạnh Niệm Phật để phân biệt ba bậc thì có hai ý: Một, tùy theo quán và niệm sâu cạn mà phân thành ba bậc. Hai, theo niệm Phật nhiều ít mà phân ba bậc. Theo quán niệm sâu cạn thì như trên đã dẫn, chính là nói: “nếu như thuyết mà hành trì, đúng ra thuộc phẩm Thượng thượng”. Về niệm Phật nhiều ít, trong văn kinh nói bậc hạ có nêu số lượng: từ mười niệm xuống chỉ còn một niệm... Hai bậc thượng và trung, căn cứ theo đây mà số niệm tăng dần. Quán Niệm Pháp Môn ghi: “Một ngày niệm một vạn biến danh hiệu Phật, nhưng cũng phải cần theo thời khóa lễ lạy, khen ngợi các việc trang nghiêm của cõi Tịnh. Lại cần phải tăng tiến niệm ba vạn, sáu vạn, mười vạn, nhất định Thượng phẩm thượng sanh”. Nên biết niệm ba vạn biến trở lên là hạnh nghiệp Thượng phẩm thượng sanh; dưới ba vạn biến là hành nghiệp Thượng phẩm trung sanh trở xuống. Như thế đã rõ tùy theo số niệm nhiều hay ít mà phân biệt phẩm vị. Một niệm ở đây chính là một niệm nói trong phần “Niệm Phật nguyện thành tựu”, cũng là một niệm nói trong bậc hạ ở trên. Trong văn “Nguyện thành tựu” tuy ghi: “Chưa nói công đức lợi ích lớn của một niệm”; văn trong phần bậc hạ tuy nói: “Cũng không nói công đức lợi ích lớn của một niệm”, nhưng đến đây lại nói một niệm được lợi ích lớn và khen là vô thượng. Cho nên biết đó là chỉ cho một niệm ở trên. Lợi ích lớn là đối với lợi ích nhỏ, cho các hạnh như phát tâm Bồ-đề... là lợi ích nhỏ, “dù chỉ một niệm” là lợi ích lớn. Còn công đức vô thượng là đối với công đức hữu thượng vậy. Cho công đức niệm Phật là vô thượng, thì một niệm là một vô thượng, mười niệm là mười vô thượng, trăm niệm là trăm vô thượng,

ngàn niệm là ngàn vô thượng. Cho đến lần lượt tăng tiến từ ít đến nhiều, đến hằng sa niệm Phật, vô thượng công đức cũng hằng sa. Vậy những người nguyện cầu vãng sanh, sao lại bỏ niệm Phật có lợi ích lớn vô thượng mà lại cưỡng tu các hạnh có lợi ích hữu thượng?

VI. Sau một vạn năm thời Mạt pháp các hạnh đều không còn, chỉ giữ lại môn Niệm Phật

TRÍCH DẪN:

Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ ghi: “Trong đời tương lai kinh đạo diệt hết, ta rủ lòng từ bi thương xót chúng sanh, chỉ giữ lại kinh này trụ tại thế gian thêm một trăm năm. Bấy giờ, nếu có chúng sanh nào gặp được kinh này, tùy ý nguyện vãng sanh thì đều được độ”.

LUẬN RẰNG:

Hỏi: Trong kinh chỉ nói giữ lại kinh này một trăm năm, chứ đâu nói giữ môn Niệm Phật một trăm năm. Vì sao ở đây lại nói là giữ môn Nĩệm Phật?

Đáp: Toàn bộ nội dung kinh này đều nói đến niệm Phật, như đã trình bày ở trên, ở đây không cần phải nêu ra. Các ngài Thiện Đạo, Hoài Cảm, Huệ Tâm... đều nói đồng với ý này. Thế thì kinh này trụ thế, tức là môn Niệm Phật trụ thế vậy. Vì sao? Vì kinh này tuy nói đến phát tâm Bồ-đề, nhưng chưa nói hành tướng của tâm ấy; tuy nói đến trì giới, nhưng chưa nói hành tướng của trì giới. Về hành tướng của tâm Bồ-đề, thì trong kinh Bồ-đề Tâm trình bày rất đầy đủ. Kinh ấy, trước nói diệt các hạnh của tâm Bồ-đề, vậy nhờ vào đâu để tu? Còn về hành tướng của trì giới thì được nói rõ trong giới luật Đại Tiểu thừa. Giới luật ấy, trước diệt các hạnh trì giới, vậy nhờ vào đâu để tu? Các hạnh khác căn cứ theo đây cũng có thể biết được. Cho nên trong bộ Vãng Sanh Lễ Tán, ngài Thiện Đạo giải thích đoạn văn này như sau:

“Sau một vạn năm, Tam bảo diệt
Chỉ còn kinh này trụ trăm năm
Bấy giới người nghe, xưng một niệm
Ắt được sanh về cõi nước kia”.
Lại nêu ra bốn ý để giải thích đoạn văn này: Một, thời gian trụ và diệt trước sau của Thánh đạo môn và Tịnh độ môn. Hai, thời gian trụ và diệt trước sau của giáo Thập phương tịnh độ và giáo Tây phương tịnh độ. Ba, thời gian trụ và diệt trước sau của Đâu-suất96 và Tây phương. Bốn, thời gian trụ và diệt trước sau của môn Niêm Phật và các hạnh.

+ Thời gian trụ và diệt của Thánh đạo và Tịnh độ: Các kinh của Thánh đạo môn diệt trước, cho nên nói: “kinh đạo diệt hết. Chỉ lưu giữ kinh này của Tịnh độ môn, cho nên nói: “trụ một trăm năm”. Nên biết cơ duyên của chúng sanh đối với Thánh đạo môn rất cạn cợt, cơ duyên của chúng sanh đối với Tịnh độ môn rất sâu dày.

+ Thời gian trụ và diệt của giáo Thập phương tịnh độ và Tây phương tịnh độ: Giáo pháp dạy sanh về các cõi Tịnh trong mười phương diệt trước, cho nên nói: “kinh đạo diệt hết”. Chỉ giữ lại kinh này là giáo pháp vãng sanh Tây phương tịnh độ, cho nên nói: “trụ một trăm năm”. Nên biết, cơ duyên của chúng sanh đối với giáo vãng sanh Tịnh độ mười phương rất cạn cợt, cơ duyên chúng sanh đối với giáo vãng sanh Tịnh độ tây phương rất sâu dày.

+ Thời gian trụ và diệt của giáo vãng sanh Đâu-suất và giáo vãng sanh Tịnh độ: Các giáo dạy sanh về cõi Đâu-suất diệt trước, cho nên nói: “kinh đạo diệt hết”. Chỉ lưu lại kinh dạy vãng sanh Tây phương tịnh độ, cho nên nói: “trụ một trăm năm”. Nên biết, cõi

Đâu- suất tuy gần, nhưng duyên cạn mỏng, cảnh Tịnh tuy xa nhưng duyên sâu dày. 96 Đâu-suất: một tầng trời thuộc cõi Dục, ở khoảng giữa trời Dạ-ma và trời Lạc Biến Hóa. Cõi trời này chia làm hai phần: phần Nội viện là Tịnh độ của bồ-tát Di-lặc, Ngoại viện là nơi vui chơi của các thiên chúng.

+ Thời gian trụ và diệt của hạnh tu các giáo và Niệm Phật: Các giáo dạy tu các hạnh vãng sanh diệt trước, nên nói: "kinh đạo diệt hết". Chỉ giữ kinh dạy về niệm Phật, cho nên nói: "trụ một trăm năm". Nên biết cơ duyên của chúng sanh đối với giáo dạy tu các hạnh vãng sanh rất cạn cợt, còn đối với giáo dạy niệm Phật rất sâu dày. Hơn nữa, giáo dạy tu các hạnh vãng sanh ít có duyên với chúng sanh, còn giáo niệm Phật thì có duyên rất lớn đối với đời. Giáo dạy các hạnh vãng sanh chỉ hạn cuộc trong một vạn năm thời mạt pháp, còn giáo dạy niệm Phật vãng sanh nhuần thấm đến một trăm năm sau khi giáo pháp diệt tận.

Hỏi: Đã nói: "Ta vì lòng từ bi thương xót chúng sanh, nên chỉ lưu giữ kinh này trụ ở đời thêm một trăm năm". Nếu thế, Đức Thế Tôn vì lòng từ bi mà giữ lại kinh giáo, thì sao không giữ các kinh giáo khác lại chỉ giữ kinh này?

Đáp: Dẫu có lưu giữ riêng bất cứ kinh nào, thì cũng không ngại, nhưng nay Đức Phật chỉ giữ lại kinh này là có thâm ý. Theo hòa-thượng Thiện Đạo thì kinh này nói về bản nguyện niệm Phật vãng sanh của Đức A-di-đà, cho nên Đức Thích-ca từ bi, vì giữ môn Niệm Phật mà phải đặc biệt giữ lại kinh này. Các kinh khác chưa nói đến bản nguyện niệm Phật vãng sanh của A-di-đà Như lai. Cho nên Đức Thích-ca từ bi không giữ lại.

Tuy tất cả bốn mươi tám nguyện đều là bản nguyện, nhưng đặc biệt dùng niệm Phật làm phép tắc vãng sanh. Cho nên ngài Thiện Đạo giải thích rằng:

Hoằng thệ tuy nhiều, bốn tám môn,
Nhưng chỉ niệm Phật là tối tôn.
Ai luôn niệm Ngài, Ngài nhớ nghĩ,
Chuyên tâm tưởng Phật, Phật biết lòng.
Cho nên biết, trong bốn mươi tám nguyện, đã lấy nguyện Niệm

Phật vãng sanh làm vua trong các bản nguyện, vì thế Đức Thích-ca từ bi, đặc biệt lưu kinh này trụ thế một trăm năm. Như trong kinh Quán Vô Lượng Thọ không phó chúc các hạnh Định-Tán, mà chỉ phó chúc hạnh Niệm Phật. Đó là vì thuận với nguyện của Đức Phật kia vậy.

Hỏi: Lưu lại kinh này trong khoảng môt trăm năm , lẽ đương nhiên, vì hạnh Niệm Phật thích hợp thời gian và trình độ của chúng sanh thời ấy. Nhưng không biết có thích hợp trình độ chúng sanh thời chánh, tượng, mạt97 hay không?

Đáp: Bao gồm cả các căn cơ ba thời ấy. Đó là nên lợi ích mai sau để khuyên dạy người hiện đời, người học cần phải biết.

VII. Ánh sáng của Đức Phật A-di-đà không chiếu đến các hành giả khác, chỉ nhiếp thọ hành giả niệm Phật.

TRÍCH DẪN:

Kinh Quán Vô Lượng Thọ ghi: “Đức Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi một tướng có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp, mỗi một vẻ đẹp có tám vạn bốn ngàn tia sáng, mỗi một tia sáng chiếu khắp các thế giới ở mười phương, nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật, không bao giờ lìa bỏ”.

Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ ghi: “Từ câu ‘Đức Phật Vô Lượng Thọ’ đến câu ‘không bao giờ lìa bỏ’ chính là nói về pháp quán ánh sáng của thân để làm lợi ích cho những người có duyên. Đoạn này gồm năm phần: Một, số lượng tướng. Hai, số lượng của vẻ đẹp. Ba, số lượng tia sáng. Bốn, khoảng cách ánh sáng chiếu soi. Năm, nơi ánh sáng chiếu đến, tất cả đều được nhiếp thọ.

Hỏi: Tu tập đủ các hạnh, hồi hướng thì đều được vãng sanh. Vì

97 Chánh, tượng, mạt: thời Chánh pháp năm trăm năm, thời Tượng pháp một ngàn năm, thời Mạt pháp một vạn năm (theo thuyết của Huệ Tư và Cát Tạng).

sao ánh sáng của Phật chiếu soi khắp mà chỉ nhiếp thọ những người niệm Phật?

Đáp: Câu này có ba ý: Một, duyên thân thiết. Tức chúng sanh khởi hạnh tu tập, miệng thường tụng danh hiệu Phật, Phật liền nghe; thân thường lễ Phật, Phật liền thấy; tâm thường niệm Phật, Phật liền biết. Chúng sanh nhớ nghĩ đến Phật, Phật cũng nhớ nghĩ đến chúng sanh. Ba nghiệp của chúng sanh và Phật không lìa nhau, cho nên gọi là duyên thân thiết. Hai, duyên gần gũi, chúng sanh nguyện thấy Phật, Phật liền hiện đến trước mặt, cho nên gọi là duyên gần gũi. Ba, duyên tăng thượng, chúng sanh niệm danh hiệu Phật thì diệt trừ được tội trong nhiều kiếp. Lúc sắp chết, Đức Phật và các vị Thánh cùng đến đón tiếp, các tà nghiệp trói buộc không thể ngăn trở, cho nên gọi là duyên tăng thượng. Các hạnh khác tuy gọi là thiện, nhưng hoàn toàn không thể so sánh với niệm Phật. Cho nên trong các kinh, nhiều chỗ khen ngợi công năng của niệm Phật. Như bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ chỉ nói chuyên niệm danh hiệu Phật A-di- đà thì được vãng sanh. Kinh A-di-đà ghi: “Từ một ngày cho đến bảy ngày, chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà thì được vãng sanh”. Lại có rất nhiều Đức Phật trong mười phương xác chứng cho sự chân thật, không dối ấy. Còn trong phần Định-tán của kinh này thì chỉ nêu chuyên niệm danh hiệu sẽ được vãng sanh. Những minh chứng như thế rất nhiều.

Quán Niệm Pháp Môn ghi: “Các tia sáng nơi thân của Phật chiếu cùng khắp các thế giới trong mười phương”. Nhưng chỉ có những chúng sanh niệm Phật A-di-đà thì mới được ánh sáng từ tâm Phật chiếu soi và nhiếp hộ, không xa lìa. Phật hoàn toàn không chiếu và nhiếp theo những hành giả tu tập hạnh khác.

LUẬN RẰNG:

Hỏi: Nói ánh sáng của Phật chỉ chiếu đến người niệm Phật, không chiếu đến những người tu các hạnh khác, là có ý gì?

Đáp: Câu này gồm hai ý: Một, tức ba nghĩa của duyên thân thiết như đã trình bày ở đoạn trên. Hai, nghĩa bản nguyện, tức các hạnh khác không phải là bản nguyện, cho nên không chiếu soi, nhiếp thọ, còn hạnh Niệm Phật là bản nguyện nên chiếu soi nhiếp thọ. Trong Lục Thời Lễ Tán của ngài Thiện Đạo có ghi:

Thân Di-đà như kim sơn vương
Ánh sáng tướng hảo chiếu mười phương
Chỉ người niệm Phật hay nhiếp thọ
Phải hay bản nguyện, sức không lường
Lại dẫn văn: “Các hạnh khác tuy gọi là thiện, nhưng hoàn toàn không thể sánh với niệm Phật”. Đó là so sánh với các hạnh trong môn Tịnh độ mà thôi. Tức hạnh Niệm Phật là diệu hạnh được chọn lấy từ hai trăm mười ức cõi nước, các hạnh là những hạnh thô đã loại bỏ từ hai trăm mười ức cõi nước. Cho nên nói hoàn toàn không thể so sánh. Hơn nữa Niệm Phật là bản nguyện, các hạnh khác không phải bản nguyện, cho nên hoàn toàn không thể so sánh.

VIII. Người niệm Phật nhất định phải đầy đủ ba tâm.

TRÍCH DẪN :

Kinh Quán Vô Lượng Thọ ghi: “Nếu chúng sanh nguyện sanh về nước kia thì nên phát khởi ba tâm là tâm Chí thành, tâm Tín sâu, tâm Hồi hướng phát nguyện. Hễ đầy đủ ba tâm này thì nhất định được sanh về nước kia”.

Tâm chí thành: Quán Vô Lượng Kinh Sớ ghi: “Tâm Chí thành, trong đó, chí là chân, thành là thật. Ý muốn nói giải hạnh98 của ba nghiệp thân, miệng, ý nhất định phải được xuất phát từ tâm chân thật. Không được bên ngoài hiện tướng hiền thiện, tinh tấn, bên trong giả dối không thật, đầy dẫy tham sân, tà vạy, gian trá, tánh ác khó trừ, 98 Giải hạnh: hiểu biết và thực hành, tức thấu suốt nghĩa lý và thuận theo nghĩa lý ấy mà thực hành.

giống như loài rắn rết. Tuy khởi tu ba nghiệp, nhưng đều gọi là tạp độc, cũng gọi là hạnh hư giả, không gọi là chân thật.

Nếu tạo tác như thế mà tâm khởi hạnh tu tập, dẫu cho thân tâm siêng năng lao khổ, ngày đêm cấp thiết hành trì như cứu lửa cháy đầu, thì cũng đều gọi là thiện xen lẫn độc. Nếu muốn hồi hướng hạnh tạp độc này cầu sanh về cõi Tịnh của Đức Phật kia, thật không thể được. Vì sao? Chính là do Đức Phật A-di-đà khi còn là Bồ-tát, dù chỉ trong một niệm, một sát-na99, ba nghiệp tu tập đều từ tâm chân thật. Tất cả những hành vi, những mong cầu cũng đều chân thật. Chân thật có hai loại là chân thật tự lợi và chân thật lợi tha. Chân thật tự lợi lại có hai: Một, trong tâm chân thật ngăn chặn, xa lìa cõi uế và các pháp ác; đi, đứng, ngồi, nằm đều quán tưởng ta đồng với các Bồ-tát để ngăn chặn và xa lìa các pháp ác. Hai, từ tâm chân thật siêng năng tu tập các pháp thiện của phàm thánh, của mình và người. Từ tâm chân thật, miệng khen ngợi Đức Phật A-di-đà và y báo chánh báo cõi kia. Từ tâm chân thật, miệng chê bai các việc khổ đau, xấu ác của y báo, chánh báo trong ba cõi, sáu đường, đồng thời khen ngợi những việc thiện

mà ba nghiệp của chúng sanh đã tạo. Nếu nghiệp bất thiện thì cẩn thận mà xa lánh, không nên vui thuận theo. Lại từ tâm chân thật, thân hành thiện, chắp tay lễ kính, dâng cúng tứ sự100 lên Đức Phật A- di-đà và y báo chánh báo cõi kia. Từ tâm chân thật, thân nghiệp khinh chê, nhàm lìa y báo, chánh báo của mình và người trong ba cõi sanh tử này. Từ tâm chân thật, ý nghiệp suy nghĩ, quán tưởng, nhớ nghĩ Đức Phật A-di-đà và y báo chánh báo cõi kia như hiện trước mặt. Từ tâm chân thật, ý nghiệp khinh chê, nhàm lìa y báo, chánh báo của mình và người trong ba cõi sanh tử này. Ba nghiệp bất thiện, nên xa lìa từ tâm chân thật; ba nghiệp thiện cũng phải tạo từ tâm chân thật. Không phân biệt trong tâm hay ngoài thân, tạo thiện hay lìa bất

99 Sát-na: Phạn: ksana, Pali: khana, Tây Tạng: skad-cig. Hán dịch là nhất niệm, tức khoảng thời gian rất ngắn. Có rất nhiều thuyết, nhưng ở đây theo thuyết trong Luận Câu-xá mà tính thì một sát-na tương đương với 1/75 giây. 100 Tứ sự: bốn việc: ăn, mặc, ở, bệnh. Hoặc chỉ cho bốn nhu cầu cần thiết trong sinh hoạt hằng ngày của chúng tăng tương ứng với bốn việc trên: thức ăn uống, áo quần, thuốc men, vật dụng để ngồi nằm.

thiện, nhất định phải chân thật, cho nên gọi là tâm Chí thành.

- Tâm Tin sâu: có hai nghĩa: Nhất định tin sâu thân ta hiện nay là phàm phu sanh tử gây tạo nhiều tội lỗi, từ vô số kiếp đến nay chìm đắm, lưu chuyển không có cơ hội thoát ra; nhất định tin sâu bốn mươi tám nguyện của Đức Phật A-di-đà nhiếp thọ chúng sanh, không nghi ngờ, không lo nghĩ; nương nguyện lực ấy nhất định được vãng sanh. Nhất định tin sâu Đức Thích-ca nói ba phước, chín phẩm, định thiện, tán thiện, xác chứng và khen ngợi y báo, chánh báo cõi kia trong kinh Quán Vô Lượng Thọ là để cho người ưa thích. Nhất định tin sâu kinh A-di-đà nói vô số các Đức Phật trong mười phương khuyên tất cả phàm phu niệm Phật nhất định vãng sanh. Tin sâu, tức kính nguyện các hành giả chỉ một lòng tin lời Phật, chẳng tiếc thân mạng, quyết định theo lời dạy tu hành; Phật bảo bỏ thì ta bỏ, Phật bảo làm thì ta làm, Phật bảo đi thì ta đi... Đó gọi là tùy thuận lời Phật, tùy thuận ý Phật, tùy thuận nguyện Phật, cũng gọi là đệ tử chân thật của Phật.

Tất cả người tu hành chỉ nên nương theo kinh này (Quán Kinh), tin sâu mà thực hành, nhất định Phật không dối gạt chúng sanh. Vì sao? Vì Phật là bậc có lòng đại bi tròn đủ, nói lời chân thật. Ngoài Phật ra, tất cả các bậc phàm thánh khác, trí tuệ chưa viên mãn, còn đang ở giai vị tu học, chưa dứt trừ hai chướng là chánh sử101 và tập khí102, quả nguyện chưa thành, dẫu suy lường lời Phật, nhưng chưa thể quyết định. Tuy họ có bình phẩm gì, nhưng cần phải có Phật xác chứng mới quyết định được. Nếu hợp ý Phật, mới ấn khả "như thế, như thế". Nếu chẳng hợp ý Phật, thì nói "lời của các ông, ý nghĩa chẳng phải như thế", chẳng ấn khả. Như vậy tức đồng với lời vô kí, vô lợi, vô ích. Phật ấn khả, tức tùy thuận chánh giáo của Phật. Nếu là lời của Phật, tức chánh giáo, chánh nghĩa, chánh hạnh, chánh giải, chánh nghiệp, chánh trí. Dù ít, dù nhiều, không luận bồ-tát, trời người... thuyết, đều phải định đúng sai. Nếu là lời Phật nói thì đó là

101
Chánh sử: chủ thể phiền não sai khiến chúng sanh trôi lăn trong ba cõi sanh tử.

102
Tập khí: những ảnh hưởng của phiền não còn sót lại, sau khi đã đoạn trừ sạch chủng tử phiền não.
giáo liễu nghĩa103, nếu là bồ-tát... nói thì đều gọi là giáo bất liễu nghĩa. Cho nên hôm nay kính khuyên những người có duyên vãng sanh, chỉ nên tin sâu lời Phật, nương theo đó chuyên tâm hành trì, không nên tin dùng giáo không tương ưng do Bồ-tát... nói để rồi chướng ngại, ôm mối nghi ngờ, tự mê lầm, mất đi lợi ích lớn vãng sanh.

Tâm tin sâu, tức quyết định kiến lập tự tâm vững chắc, thuận với chánh giáo của Phật, vĩnh viễn trừ bỏ những nghi lầm, không bị những biệt giải, biệt hành, dị học, dị kiến, dị chấp làm xao động hay lui sụt.

Hỏi: Người đời trí huệ nông cạn, phiền não sâu dày, nếu gặp người có giải hạnh bất đồng, khéo dẫn kinh luận chứng minh rằng "tất cả hàng phàm phu nhiều tội chướng không thể vãng sanh", gây trở ngại, thì phải làm thế nào đối trị, để thành tựu tín tâm, quyết định tiến thẳng, không sanh tâm sợ hãi, thoái lui?

Đáp: Nếu có người dẫn kinh luận, chứng minh là không thể vãng sanh, thì nên đáp rằng: "Tuy nhân giả dùng kinh luận minh chứng cho việc không thể vãng sanh, nhưng ý ta đã nhất định thì không bị ngài phá hoại. Vì sao? Không phải ta không tin những kinh luận ấy, ta tin tất cả, nhưng Đức Phật nói kinh luận ấy cho thời gian khác, nơi chốn khác, căn cơ khác, lợi ích khác. Hơn nữa, khi Phật nói kinh ấy chẳng phải là lúc thuyết các kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh A-di-đà... Phật thuyết kinh giáo, thích ứng các thời đại và căn cơ cũng khác nhau. Hơn nữa, những kinh luận ấy Đức Phật nói về giải hành chung cho hàng Bồ-tát và trời người. Nay Phật nói Quán Kinh gồm hai thiện Định-Tán, là vì bà Vi-đề-hi104 và những chúng sanh trong đời năm trược chịu năm khổ105 mà xác chứng được vãng sanh. Vì lý 103 Giáo liễu nghĩa và giáo bất liễu nghĩa: giáo thuyết trình bày đến cùng tận ý nghĩa rốt ráo của Phật pháp. Ngược lại thì gọi là bất liễu nghĩa. 104 Vi-đề-hi: hoàng hậu của vua Tần-bà-sa-la, đối tượng chính để Đức Phật khai thuyết kinh Quán Vô Lượng Thọ. 105 Năm khổ: khổ vì sanh, già, bệnh, chết; khổ vì yêu thương mà xa lìa; khổ vì oán thù mà hội ngộ; khổ vì mong cầu mà không toại ý; khổ vì thân năm ấm này phải chịu những nỗi khổ đau lớn (hoặc cho rằng khổ vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức tăng trưởng mạnh).

do này mà hôm nay ta một lòng tuân theo lời Phật dạy, quyết định hành trì. Dẫu Ngài có nói trăm ngàn vạn ức lời "chẳng được sanh", cũng chỉ giúp ta thành tựu thêm lòng tin thanh tịnh mà thôi!"

Lại nói tiếp rằng: "Nhân giả nên lắng nghe, hôm nay ta sẽ nói cho ngài nghe về lòng tin quyết định: Dẫu cho một vị Bồ-tát địa tiền106, một vị A-la-hán, một vị Bích-chi-phật, hoặc nhiều vị, đầy khắp cả mười phương đều dẫn kinh luận chứng minh là không được vãng sanh, ta cũng không khởi một niệm nghi ngờ, mà chỉ giúp thành tựu thêm lòng tin thanh tịnh. Vì sao? Vì lời Phật là giáo liễu nghĩa quyết định thành tựu, không bị tất cả thuyết khác phá hoại.

Nhân giả hãy lắng nghe! Dẫu cho một vị bồ-tát từ Sơ địa đến Thập địa, hoặc nhiều vị, đầy khắp cả mười phương đồng nói rằng: “Phật Thích-ca chỉ khen ngợi Đức A-di-đà, chê trách ba cõi sáu đường. Khuyên chúng sanh chuyên tâm niệm Phật và tu các nghiệp thiện khác, hết một báo thân này, nhất định sẽ được vãng sanh cõi nước ấy. Đây là lời hư dối, không đáng tin theo”. Dù ta nghe như thế cũng không khởi một niệm nghi ngờ, mà chỉ giúp thành tựu thêm lòng tin quyết định tối thượng của ta mà thôi. Vì sao? Vì lời Phật là giáo liễu nghĩa quyết định chân thật. Vì Phật là đấng Thật tri, Thật giải, Thật kiến, Thật chứng, nên lời ấy chẳng phải từ tâm nghi hoặc xuất phát, lại chẳng bị tất cả những dị kiến, dị giải của bồ-tát phá hoại. Nếu thật là Bồ-tát, thì không trái với lời Phật.

Hành giả nên biết! Dẫu cho một Hóa Phật, một Báo Phật hoặc rất nhiều vị, đầy khắp cả mười phương, mỗi mỗi phóng ánh sáng, hiện tướng lưỡi trùm cả mười phương đồng thời nói rằng: “Phật Thích-ca khen ngợi, khuyên tất cả phàm phu chuyên tâm niệm Phật và làm tất cả các việc thiện khác, rồi hồi hướng nguyện sanh, nhất định sẽ được sanh về cõi ấy. Đây là lời hư dối, nhất định không có việc này”. Dù ta nghe các Đức Phật nói như thế, nhưng cũng không khởi một niệm nghi ngờ, sợ không được sanh về cõi Phật. Vì sao?

106 Bồ-tát địa tiền: hàng Bồ-tát trước Thập địa, đó là Thập tín, Thập hạnh, Thập hồi hướng.

Vì một Phật là tất cả Phật. Tất cả những tri kiến, giải hành, chứng ngộ, quả vị, đại bi...đều đồng nhất, không mảy may sai biệt. Cho nên, một Phật chế định tức tất cả Phật đồng chế định. Giống như Phật trước, chế các giới trừ diệt tội thập ác: như sát sanh... trọn vẹn không phạm, không làm, tùy thuận sáu độ107. Nếu Phật sau xuất hiện, lẽ nào dạy đổi thập thiện, khiến làm thập ác sao? Suy nghiệm từ đạo lý này thì biết rõ ngôn hạnh của các Đức Phật không bao giờ trái nhau. Ví như Đức Thích-ca khen ngợi, khuyên bảo tất cả phàm phu hãy trọn một đời này chuyên niệm , chuyên tu, sau khi chết, nhất định sanh về cõi nước kia, thì các Đức Phật trong mười phương cũng đồng khen ngợi, đồng khuyên bảo, đồng xác chứng. Vì sao? Vì đồng thể đại bi108 vậy. Việc giáo hóa của một Đức Phật, tức là việc giáo hóa của tất cả các Đức Phật và ngược lại. Như trong kinh A-di-đà nói: Đức Phật Thích-ca khen ngợi cõi Cực Lạc có vô số trang nghiêm. Lại khuyên tất cả phàm phu, nếu từ một ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà, nhất định được vãng sanh. Đoạn sau lại nói: Trong mười phương, mỗi phương đều có vô số các Đức Phật đồng khen ngợi Đức Thích-ca có năng lực ở trong thời kỳ có năm trược ác, đầy dẫy bất tín: thời đại ác, thế giới ác, chúng sanh ác, kiến ác, phiền não tà ác, mà khen ngợi danh hiệu A-di-đà, khuyên chúng sanh xưng niệm, nhất định được vãng sanh. Đây là minh chứng cho việc Phật Phật đồng một phương cách giáo hóa.

Hơn nữa, các Đức Phật trong mười phương sợ chúng sanh không tin lời của Đức Thích-ca, nên liền đồng tâm, đồng thời triển tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới nói lời chân thật: “Chúng sanh các ngươi nên tin lời khen ngợi, lời khuyên bảo, lời xác chứng của Đức Thích-ca. Tất cả phàm phu, không kể tội phước ít

nhiều, thời gian dài ngắn, lâu thì trọn một đời, mau thì bảy ngày hay chỉ một ngày, nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Phật A-di- đà, nhất định được vãng sanh, trọn không nghi ngờ". Cho nên biết

107 Sáu độ: sáu hạnh đưa người đến bờ giải thoát: bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định và trí huệ. 108 Đồng thể đại bi: lòng bi xem thân chúng sanh và thân ta đồng một thể thống nhất, từ đó thể hiện tâm tuyệt đối bình đẳng cứu khổ ban vui.

rằng, một Đức Phật nói ra việc gì thì tất cả các Đức Phật đồng xác chứng chân thật cho sự việc ấy. Đây gọi là căn cứ theo người mà lập tín.

Căn cứ theo hạnh lập tín. Hạnh có hai loại là chánh hạnh và tạp hạnh, như trước đã nói. Ở đây không cần thuật lại.

- Tâm hồi hướng phát nguyện: Tức đem tất cả căn lành thế gian, xuất thế gian do ba nghiệp của ta tu tập từ quá khứ cho đến ngày nay. Tất cả các căn lành thế gian, xuất thế gian do ba nghiệp của các thánh phàm tu tập mà ta tùy hỉ đó, từ tâm chân thật tin sâu mà hồi hướng nguyện vãng sanh về Tịnh độ Tây phương. Hồi hướng nguyện sanh, nhất định phải từ tâm quyết định chân thật mà hồi hướng nguyện được vãng sanh. Tâm tin sâu này như kim cang, không bị những người có dị kiến, dị học, biệt giải, biệt hành phá hoại hay làm cho loạn động. Chỉ quyết định nhất tâm thẳng tiến, không được nghe lời của người khác mà thoái tâm, sanh lòng khiếp sợ, quay đầu lạc bước, làm mất lợi ích lớn vãng sanh.

Hỏi: Nếu có kẻ tà kiến, không đồng giải hạnh, đến mê hoặc, nhiễu loạn, dùng nhiều lời lẽ gạn hỏi, rồi cho rằng không được vãng sanh, hoặc nói rằng: "Chúng sanh các ông từ vô số kiếp đến nay, ba nghiệp thân miệng ý đã gây tạo các tội mười ác, năm nghịch109, bốn trọng110, Xiển đề111, phá giới, phá kiến112 đối với bâc Thánh, nay vẫn chưa trừ hết, các tội này thuộc đường ác trong ba cõi. Vậy làm sao trong một đời tu phước, niệm Phật mà có thể vào cõi vô lậu vô sanh,

109 Năm nghịch: năm tội trái nghịch với đạo lý: giết cha, giết mẹ, giết bậc A-la-hán, làm thân Phật chảy máu, phá sự hòa hợp của chúng tăng. Người tạo năm tội này sẽ bị rơi vào địa ngục Vô gián. 110 Bốn trọng: bốn tội nặng của Tỳ-kheo: sát sanh, trộm cắp, tà dâm và nói dối. 111 Xiển-đề: Phạn: icchantika, ecchantika; Tây Tạng: hdod-chen. Từ gọi những người đã đoạn mất căn lành, vĩnh viễn không thể thành Phật. Hoặc chỉ cho người không đủ lòng tin đối với Phật pháp. 112 Phá kiến: phá hoại chánh kiến. Tức dùng những hiểu biết sai lầm để phản bác, phá bỏ chánh kiến Phật pháp.

vĩnh viễn chứng ngộ giai vị bất thoái?

Đáp: Số lượng giáo pháp của Đức Phật nhiều hơn cát bụi, cơ duyên nhận biết tùy tâm cũng chẳng phải là một. Thí như người đời, hễ mắt thấy mới tin, như sáng trừ tối, hư không hàm chứa muôn vật, đất có công năng chở và dưỡng dục, nước có công năng làm thấm ướt, lửa có công năng tạo thành và phá hoại. Các việc như thế đều gọi là pháp đối đãi. Mắt có thể thấy được muôn ngàn sai biệt, huống gì Phật pháp có năng lực không thể nghĩ bàn, há không có nhiều lợi ích hay sao? Hễ ra khỏi một cửa tức ra khỏi

một cửa phiền não, hễ vào một cửa tức vào một cửa trí huệ giải thoát. Đó chính là tùy duyên, khởi hạnh cầu giải thoát. Vì sao ông lại đem hạnh tu chẳng có duyên với ta mà hoặc loạn ta? Nhưng hạnh mà ta thích, tức là hạnh ấy có duyên với ta mà chẳng có duyên với ông. Hạnh ông thích, tức hạnh ấy có dưyên với ông, mà chẳng có duyên với ta. Cho nên mỗi người tùy theo sở thích mà tu một hạnh, ắt chóng được giải thoát.

Hành giả nên biết, nếu muốn học hiểu từ phàm đến thánh, cho đến quả Phật, đều học được, hoàn toàn không ngại. Nhưng nếu muốn học tu thì nhất định phải nhờ vào một pháp môn có duyên, dụng công ít mà được lợi ích lớn. Xin thưa với những người cầu vãng sanh rằng: “Nay ta vì các vị mà nêu ra một ví dụ giữ gìn tâm tin sâu, để phòng nạn ngoại đạo, tà tông dị kiến. Thí như có người muốn đi về phương Tây trăm ngàn dặm. Trên đường, bỗng gặp hai con sông, một là sông lửa ở hướng nam, hai là sông nước ở phương bắc, đều rộng một trăm bước, sâu không đáy, dài vô tận. Giữa hai sông có một con đường rộng chỉ bốn năm tấc, cũng dài một trăm bước, chạy từ Đông sang Tây. Sóng nước dội ướt con đường, sóng lửa cũng cháy tạt vào con đường. Bấy giờ người này đang đi trên một vùng hoang vắng, không có bóng người vật, mà lại có nhiều giặc cướp và thú dữ. Chúng thấy người này đi một mình, nên tranh nhau đến sát hại. Người này quá sợ chết, chạy thẳng về hướng Tây, bỗng thấy con sông này liền suy nghĩ rằng: Hai sông này, Nam, Bắc không thấy bờ, chỉ giữa hai sông có một con đường quá hẹp. Hai bờ tuy cách nhau không xa, nhưng đâu thể qua được. Ngày hôm nay ta nhất định chết. Người ấy vừa muốn

quay đầu thì giặc và thú dữ đuổi đến. Muốn chạy tránh sang Nam sang Bắc thì ác thú, trùng độc lại tranh nhau kéo đến. Muốn chạy về hướng Tây, theo con đường vượt sông, nhưng sợ rơi vào lửa hoặc nước. Trong lúc vô cùng sợ hãi, hoảng hốt như thế, người ấy chợt suy nghĩ: “Ta quay lại cũng chết, dừng cũng chết, đi cũng chết. Thà rằng ta theo con đường này đi về phía trước, đã có con đường, ắt có thể qua được”. Đang lúc nghĩ như vậy, bên bờ Đông bỗng nhiên có tiếng người khuyên rằng:

- Nhân giả! Cứ quyết định theo con đường ấy mà đi, sẽ không chết đâu! Nếu dừng lại ngài sẽ chết!

Cũng lúc ấy, bên bờ Tây có tiếng người gọi rằng:

- Ngài nên nhất tâm chánh niệm đi thẳng qua đây, ta sẽ giúp đỡ, hoàn toàn không sợ rơi vào lửa hoặc nước!

Người ấy nghe bên này bảo đi, bên kia kêu gọi, liền tự an định thân tâm, nhất quyết theo con đường tiến thẳng về phía trước, không nghi ngờ, không khiếp sợ thoái lui. Vừa đi một hai phần đoạn đường, bọn giặc bên bờ Đông lớn tiếng gọi rằng:

- Nhân giả hãy quay trở lại đây! Con đường ấy nguy hiểm lắm, không thể qua được đâu! Nếu đi, ắt chết đó! Chúng tôi không có tâm ác với Ngài đâu!

Người này tuy nghe, nhưng không quay lại, chỉ nghĩ đến con đường, một lòng tiến thẳng. Trong phút chốc đã qua đến bờ Tây, vĩnh viễn xa lìa các nạn khổ hiểm nguy. Bạn bè trông thấy vui mừng khôn xiết.

Sau đây xin liên hệ ví dụ trên với giáo pháp: Bờ Đông dụ cho nhà lửa Ta-bà; bờ Tây dụ cho cõi báu Cực-lạc; giặc cướp và thú dữ

giả làm thân thuộc là dụ cho sáu căn113, sáu trần114, sáu thức115, năm ấm116, bốn đại117 của chúng sanh; vùng hoang vắng không bóng người vật là dụ cho chúng sanh luôn theo bạn ác, không được gặp thiện tri thức118; sông nước là dụ cho tham ái; sông lửa dụ cho sân hận, ganh ghét; con đường nhỏ hẹp bốn tấc ở khoảng giữa dụ cho chúng sanh tuy sống trong phiền não tham sân, nhưng hay phát tâm thanh tịnh nguyện vãng sanh; lại do tham sân mạnh cho nên dụ như lửa và nước, tâm thiện yếu nên dụ như con đường nhỏ hẹp; sóng nước dội ướt con đường là dụ cho tâm ái làm nhiễm ô tâm thiện; sóng lửa tạt cháy con đường là dụ cho tâm sân hận, ganh ghét đốt cháy công đức pháp tài119; người đi trên đường thẳng đến bờ Tây là dụ cho chúng sanh xoay các hành nghiệp hướng thẳng về Tây phương; nghe bên bờ Đông có tiếng người khuyên bảo nên theo con đường ấy tiến thẳng về Tây, là dụ cho việc Đức Thích-ca đã diệt độ, chúng sanh đời sau không thể gặp Ngài, thì có thể tìm nơi giáo pháp, như nghe tiếng vậy; vừa đi được một hai phần đoạn đường thì giặc cướp bảo quay lại, là dụ cho những người có biệt giải, biệt hành, ác kiến, càn loạn nêu ra kiến giải sai biệt, thay nhau làm mê loạn dẫn đến lui sụt; bên bờ Tây có tiếng người gọi là dụ cho ý bản nguyện của Đức A-di-đà; trong phút chốc đã qua đến bờ Tây, bạn bè trông thấy vui mừng là dụ cho chúng sanh từ lâu chìm trong sanh tử, bao kiếp luân hồi, điên đảo tự trói buộc không có ngày thoát ra, nhờ Đức Thích-ca khuyên bảo, chỉ đến phương Tây; lại nhờ Đức A-di-đà từ bi kêu gọi, nay tin thuận ý của hai Đức Phật, không để tâm đến hai con sông nước và lửa, niệm

113 Sáu căn: sáu cơ quan cảm giác : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. 114 Sáu trần: sáu đối tượng ngoài thân tương ứng với sáu cơ quan cảm giác: màu sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, các vật thô nhám mềm mại... có thể chạm đến, những đối tượng sở duyên của ý căn (Pháp trần). 115 Sáu thức: sáu sự nhận biết sanh ra khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần. Đó là: Nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. 116 Năm ấm: còn gọi là Năm uẩn, tức năm nhóm gồm thâu tất cả các pháp hữu vi, hoặc chỉ cho năm yếu tố cấu thành thân tâm loài hữu tình: sắc (vật chất), thọ (những cảm nhận khổ, vui, không khổ không vui), tưởng (tưởng tượng), hành (hành vi của tâm ý) thức (nhận biết). 117 Bốn đại: bốn yếu tố tạo thành vật chất: đất, nước, gió, lửa. 118 Thiện tri thức: người bạn tốt có khả năng chỉ dạy cho ta điều hay, lẽ phải cho đến chánh pháp. 119 Pháp tài: tài sản giáo pháp, tức lấy giáo pháp làm tài sản.

niệm không gián đoạn, theo con đường nguyện lực thẳng tiến. Sau khi bỏ thân này, được sanh về nước kia, gặp Phật, vui sướng không cùng.

Bất kể đi đứng nằm ngồi, không luận ngày hay đêm, ba nghiệp tu tập luôn luôn tin hiểu như thế, quán tưởng như thế. Đó gọi là tâm Hồi hướng phát nguyện. Hồi hướng còn có nghĩa là sau khi đã sanh về nước Cực Lạc, lại phát khởi lòng đại bi, trở về cõi sanh tử giáo hóa chúng sanh.

Đã đủ ba tâm thì tất cả các hạnh đều thành tựu. Nguyện hạnh đã thành mà không vãng sanh thì thật vô lý. Lại nên biết, ba tâm này gồm thâu cả Định và Tán.

Vãng Sanh Lễ Tán ghi: "Hỏi: Nay muốn khuyên người vãng sanh, nhưng chưa biết, như an tâm khởi hạnh tu tập, nhất định được vãng sanh không? Đáp: Người quyết định muốn sanh về nước kia, như Quán Kinh nói thì cần phải đầy đủ ba tâm mới được. Ba tâm: Một, tâm chí thành, tức tất cả những hạnh tu tập như: thân lễ bái, miệng khen ngợi, ý chuyên niệm và quán tưởng Đức Phật A-di-đà đều phải chân thật. Hai, thâm tâm tức là tâm chân thật tin sâu, tin biết tự thân là phàm phu đầy dẫy phiền não, căn lành cạn mỏng, mãi lưu chuyển trong ba cõi, không có ngày thoát ra. Nay tin biết bản thệ nguyện của Đức Phật A-di-đà và xưng danh hiệu Ngài mười tiếng hay một tiếng, nhất định được vãng sanh, hoặc chỉ một niệm với tâm không nghi cũng được vãng sanh, cho nên gọi là tâm chân thật tin sâu. Ba, tâm hồi hướng phát nguyện, tức hồi hướng tất cả căn lành có được cầu nguyện vãng sanh. Đầy đủ ba tâm này, nhất định vãng sanh, thiếu một cũng không được sanh, như Quán Kinh đã nói.

LUẬN RẰNG:

Ba tâm vừa nêu trên là điều kiện chí yếu của người tu Tịnh độ. Vì sao? Vì kinh nói hễ đầy đủ ba tâm thì nhất định vãng sanh. Còn Lễ Tán thì giải thích là nếu thiếu một cũng không được sanh. Do đó,

người muốn sanh Tịnh độ, cần phải đầy đủ ba tâm. Trong đó tâm chí thành tức là tâm chân thật. Hành tướng của tâm này như đã nói ở trên. Bên ngoài hiện tướng hiền thiện tinh tấn, bên trong hư giả. Ngoài là đối với trong, tức tướng bên ngoài và tâm bên trong không tương thích; ngoài hiện trí, trong thật ngu; hiền thiện là đối với ngu ác, tức ngoài hiện tướng hiền, trong toàn là ngu; ngoài hiện tướng thiện, trong ẩn lòng ác. Tinh tấn là đối với biếng trễ. Nếu đổi bên ngoài vào bên trong để nuôi dưỡng thân tâm thì đủ để xuất li. Bên trong hư giả... tức tâm bên trong và tướng bên ngoài không tương thích. Trong đó hư là đối với thật, tức bên trong hư, bên ngoài thật; giả là đối với chân, tức bên trong giả, bên ngoài chân. Nếu đổi trong ra ngoài thì cũng đủ để xuất li. Tâm tin sâu, nên biết ngôi nhà sanh tử lấy nghi làm nơi nương tựa, tòa thành Niết-bàn lấy tín làm cửa vào. Vì thế, nay kiến lập ba loại tín tâm để quyết định chín phẩm vãng sanh. Trong đây nói: biệt hành, biệt giải, dị học, dị kiến, tức là các giải, hành, học, kiến trong Thánh đạo môn. Như thế đủ biết ý của ngài Thiện Đạo không ngoài hai môn này. Tâm hồi hướng phát nguyện thì không cần phải giải thích, hành giả xem đoạn văn trên có thể biết. Nói chung thì ba tâm này gồm tất cả hành pháp; nói riêng thì cốt ở hạnh vãng sanh. Nay nêu chung, bao quát cả riêng thì ý cũng đã đầy đủ. Hành giả nên lưu tâm, chớ bỏ qua.

IX. Người niệm Phật có thể thực hành pháp tứ tu

TRÍCH DẪN:

Vãng Sanh Lễ Tán ghi: Lại khuyên thực hành ba tu:

- Cung kính tu: tức cung kính lễ bái Đức Phật A-di-đà và tất cả các bậc Thánh. Lấy cái chết làm kỳ hạn, thệ không bỏ nửa chừng chính là trường thời tu.

- Vô dư tu: tức chuyên xưng, chuyên niệm, chuyên nghĩ tưởng, chuyên lễ bái, chuyên khen ngợi Đức Phật A-di-đà và các bậc Thánh, không xen các hành nghiệp khác. Lấy cái chết làm kỳ hạn, thệ không

bỏ nửa chừng chính là trường thời tu.

- Vô gián tu: tức liên tục cung kính, lễ bái, xưng danh, khen ngợi, nhớ nghĩ, quán sát, hồi hướng phát nguyện, tâm tâm nối tiếp, không cho các việc khác xen vào. Vô gián tu còn có nghĩa là không để các niệm tham sân phiền não đến làm gián đoạn, hễ phạm liền sám hối, không để cách niệm, cách giờ, cách ngày, thường luôn thanh tịnh. Lấy cái chết làm kỳ hạn, thệ không bỏ nửa chừng chính là trường thời tu.

Tây Phương Yếu Quyết ghi: “Chỉ nên dùng bốn tu làm chánh nghiệp”.

- Trường thời tu: Tức từ lúc mới phát tâm cho đến chứng Bồ- đề luôn luôn tạo nhân duyên Tịnh độ, không bao giờ lui sụt.

- Cung kính tu: Có năm trường hợp:

+ Cung kính những bậc Thánh có duyên: lúc đi đứng nằm ngồi không xoay lưng về phương Tây; hỉ mũi, khạc nhổ, đại tiểu tiện không hướng về Tây.

+ Cung kính kinh tượng có duyên: cung kính tượng, tức là tạo tượng biến tướng120 A-di-đà Tây phương. Nếu không thể tạo lớn và đầy đủ các Tôn vị, thì chỉ cần vẽ một Đức Phật và hai vị Bồ -tát cũng được. Về giáo thì dùng bọc năm màu giữ các kinh A-di-đà... đồng thời tự mình đọc tụng, khuyên dạy người đọc tụng. Tôn trí tượng trong phòng, ngày đêm sáu thời lễ bái sám hối, đốt hương, dâng hoa cúng dường, đặc biệt trân trọng tôn kính.

+ Cung kính thiện tri thức có duyên: nếu có người tuyên dương giáo nghĩa Tịnh độ, dù xa ngàn dặm cũng phải gần gũi, cung kính

120 Biến tướng: những tượng Phật, Bồ-tát hoặc các cảnh Tây phương Tịnh độ... hay cảnh địa ngục được vẽ theo sự diễn tả trong kinh.

cúng dường. Đối với những vị tu các pháp môn khác cũng phải xem chính như mình, càng phải tôn trọng. Nếu khinh thường sẽ bị tội nặng, cho nên cần phải cung kính hết thảy để trừ chướng ngại.

+ Cung kính bạn đồng tu: một mình tu tập, do chướng sâu nặng nên đạo nghiệp khó thành tựu, vì thế cần phải nhờ vào bạn tốt phò nguy, cứu nạn, trợ giúp lẫn nhau. Bạn đồng tu chính là duyên lành, nên cần phải xem trọng.

+ Cung kính Tam bảo: Đồng thể Tam bảo121 và Biệt tướng Tam bảo122 đương nhiên phải vô cùng cung kính, nhưng ở đây không trình bày, vì những người căn cơ thấp kém không thật sự nương vào đó tu tập, cho nên chỉ lược nói về Trụ trì Tam bảo, hầu làm nhân duyên tốt cho những người hiểu biết hạn hẹp tu tập.

* Phật bảo tức các linh tượng Phật được chạm khắc bằng gỗ chiên-đàn123, vàng ngọc, tạc bằng đá, đắp bằng đất, họa vẽ trên lụa, trên giấy... Hành giả phải đặc biệt cung kính tôn thờ các Tôn tượng này. Bởi chỉ chiêm ngưỡng hình tượng trong chốc lát mà tội tiêu, tăng phước. Nếu có mảy tâm xem thường thì pháp thiện mất, pháp ác tăng. Chỉ cần chuyên tâm quán tưởng tôn tượng, nhất định sẽ thấy được Phật chân thật.

* Pháp bảo chính là giáo pháp Tam thừa, lưu thông cùng pháp giới, được văn tự, câu cú chuyển tải, là nhân duyên sanh ra sự giải ngộ, cho nên cần phải quí kính. Vì là nền tảng khai phát trí huệ, cho nên cần phải sao chép tôn kính, đặt trong hòm quí, cất giữ nơi ngôi nhà thanh tịnh. Phải tắm gội thân hình, rửa tay sạch sẽ trước khi đọc

121 Đồng thể Tam bảo: ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng đồng một thể tánh. 122 Biệt tướng Tam bảo : ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng có thể tánh riêng biệt. Trong đó, thân Phật trượng sáu , vừa thành Chánh giác, ngồi nơi cội Bồ-đề thuyết kinh Hoa Nghiêm là Phật bảo; kinh, luật, luận Đại-Tiểu thừa nói trong năm thời là Pháp bảo; hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát tu nhân được quả là Tăng bảo. 123 Chiên-đàn: Phạn: Candana, một loại gỗ thơm thường sinh trưởng tại núi Ma-la-da, Nam Ấn Độ. Gỗ cây này có thể dùng làm thuốc trị bệnh nhiệt, bệnh phong, hay làm hương liệu.

tụng.

* Tăng bảo chính là những Bồ-tát Thánh tăng hay hàng xuất gia phá giới. Tất cả ta phải khởi tâm cung kính, chớ khinh thường.

- Vô gián tu: luôn luôn niệm Phật và khởi tưởng vãng sanh. Bất cứ lúc nào tâm cũng tưởng Phật. Thí như có người bị bắt làm nô lệ, chịu mọi sự gian khổ. Bỗng nhiên nhớ nghĩ đến cha mẹ, muốn trở về quê, nhưng hành trang chưa đủ, vẫn còn ở lại quê người. Do đó ngày đêm nhớ nghĩ, đau khổ khôn cùng và không lúc nào quên cha mẹ. Sau đó mưu kế thành, trốn thoát trở về quê hương, được gần gũi cha mẹ, mặc tình vui sướng. Người tu tập cũng như thế, khi xưa do phiền não phá hoại tâm thiện, khiến cho của báu phước trí tiêu tan, từ lâu đã trôi theo dòng sanh tử, không được tự do, làm nô lệ cho Ma vương, dong ruỗi trong sáu đường, khiến thân tâm vô cùng đau khổ. Hôm nay gặp duyên lành, bỗng nghe nói đến Đức Từ phụ A-di-đà không trái nguyện lớn cứu giúp quần sanh, do đó ngày đêm vội vàng phát nguyện vãng sanh. Vì thế người ấy siêng năng không biết mỏi mệt, nghĩ đến ân sâu của Phật, nên tâm hằng niệm Phật mà lấy cái chết làm kỳ hạn.

- Vô dư tu: tức chỉ cầu vãng sanh Cực lạc, lễ niệm Đức Phật A- di-đà, không xen các hạnh nghiệp khác. Hằng ngày chỉ niệm Phật A- di-đà, tụng kinh A-di-đà, không tu các pháp khác.

LUẬN RẰNG:

Văn nói về bốn tu có thể nhận biết, e rườm lời nên không giải thích thêm. Trong Vãng Sanh Lễ Tán, đầu tiên nêu ra bốn tu, nhưng sau chỉ luận có ba tu. Như thế, là sót văn hay có ý khác? Thật chẳng phải sót mà thật có ý riêng. Làm sao biết? Bốn tu là: Trường thời tu, Ân trọng tu, Vô dư tu, Vô gián tu. Nhưng lấy Trường thời tu dùng chung cho ba

tu sau mà không chia riêng. Nghĩa là nếu tu Ân trọng mà lui sụt thì hạnh Ân trọng không thành; tu Vô dư mà lui sụt thì hạnh Vô dư không thành; tu Vô gián mà lui sụt thì hạnh Vô gián

không thành. Vì giúp thành tựu ba hạnh tu sau, nên lấy Trường thời tu đưa vào dùng chung cho mỗi ba tu sau. Cho nên cuối mỗi một tu của ba tu sau đều có câu: "Lấy cái chết làm kỳ hạn, thệ không bỏ nửa chừng chính là Trường thời tu". Ví như Tinh tấn ba-la-mật dùng chung cho năm Ba-la-mật sau vậy.

X. Phật A-di-đà và các Hóa Phật đến đón, không khen ngợi công đức thiện nghe kinh mà chỉ khen ngợi Niệm Phật

TRÍCH DẪN:

Kinh Quán Vô Lượng Thọ ghi: "Có chúng sanh tạo các nghiệp ác, nhưng không phỉ báng kinh điển Phương đẳng124, người ngu này tạo các nghiệp ác như thế mà không biết hổ thẹn. Người này lúc sắp chết, gặp được thiện tri thức tụng đọc tên của mười hai thể loại kinh Đại thừa125. Vì nghe được tên của các thể loại kinh này, nên trừ được nghiệp ác cực nặng trong ngàn kiếp lại được người trí dạy chắp tay, xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật. Vì xưng danh nên diệt được tội sanh tử trong năm mươi ức kiếp. Bấy giờ Đức Phật lại sai Hóa Phật và Hóa Bồ-tát Quán Thế Âm, Hóa Bồ-tát Đại Thế Chí đến trước mặt người ấy khen ngợi rằng: Này Thiện nam tử! Ngươi xưng niệm danh hiệu Phật, cho nên tội tiêu trừ, nay ta đến đón ngươi".

Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ ghi: "Được nghe Hóa Phật và Hóa Bồ-tát khen ngợi công đức xưng niệm danh hiệu Phật, chứ không nói đến việc nghe kinh. Chỉ vì đối với chủ ý trong nguyện Phật thì chỉ khuyên chánh niệm xưng danh Phật. Nghĩa vãng sanh chuyên nhất không đồng với hạnh tu tạp tán. Như vậy trong kinh và các bộ sách giải thích đều khuyên xưng danh là chính yếu".

LUẬN RẰNG:

124 Kinh điển Phương đẳng: tức kinh điển Đại thừa. 125 Mười hai thể loại kinh Đại thừa: Khế kinh (trường hàng), Ứng tụng (trùng tụng), Kí biệt, Phúng tụng (cô khởi), Vô vấn tự thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bản sự, Bản sanh, Phương Quảng, Vị tằng hữu, Luận nghị.

Công đức thiện nghe kinh chẳng phải là bản nguyện mà thuộc tạp tu, cho nên Hóa Phật và Hóa Bồ-tát không khen ngợi. Hạnh Niệm Phật là bản nguyện thuộc chánh nghiệp, nên Hóa Phật khen ngợi. Lại nêu thêm công đức nghe kinh và niệm Phật nhiều ít khác nhau. Quán Kinh Sớ ghi: "Hỏi: Vì sao nghe tên của mười hai thể loại kinh mà chỉ trừ được tội chướng trong ngàn kiếp, còn xưng niệm một tiếng danh hiệu Phật lại trừ diệt tội trong năm trăm vạn ức kiếp? Đáp: Người tạo tội, nghiệp chướng sâu nặng , lại thêm sự khổ của cái chết đến bức bách, thiện tri thức dù thuyết nhiều kinh, nhưng tâm người lãnh thọ tán loạn. Do tâm tán loạn nên tội diệt ít. Danh hiệu Phật là bậc nhất có năng lực thâu nhiếp tán loạn, giúp tâm an trụ. Người này lại được dạy chánh niệm xưng danh, do tâm chuyên nhất nên trừ tội nhiều kiếp.

XI. Khen ngợi hạnh Niệm Phật

TRÍCH DẪN:

Kinh Quán Vô Lượng Thọ ghi: “Nên biết hành giả niệm Phật là hoa Phân-đà-lợi126 trong loài người, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí là bạn tốt của người ấy. Người ấy sẽ ngồi đạo tràng127, sanh vào nhà Phật.

Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ ghi: “ Từ câu ‘Nên biết hành giả’ đến câu ‘sanh vào nhà Phật’ là nói về công năng của Niệm Phật tam- muội thật siêu việt, tạp thiện không thể sánh bằng. Đoạn này có năm ý: Một, chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Hai, chỉ khen ngợi người Niệm Phật. Ba, người niệm Phật liên tục không gián đoạn thì thật hiếm có, không gì có thể so sánh được nên dùng hoa Phân-đà-lợi để ví dụ. Hoa Phân-đà-lợi còn gọi là Nhân trung hảo hoa (hoa quí trong đời), Hi hữu hoa (hoa hiếm có), Nhân trung thượng thượng hoa

126
Phân-đà-lợi: hoa sen trắng.
127
Ngồi đạo tràng: ngồi nơi cội Bồ-đề, ý nói thành Phật.
(hoa tối thượng trong đời), Nhân trung diệu hảo hoa (hoa tuyệt đẹp trong đời), tương truyền hoa này là hoa Thái. Như vậy người niệm Phật là người quí trong đời, người hiếm có trong đời, người tuyệt diệu trong đời, người tối thượng trong đời, người tối thắng trong đời. Bốn là nói người chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà thì bồ-tát Quán Thế Âm, bồ-tát Đại Thế Chí luôn theo bảo vệ người ấy như bạn thân. Năm, nói đời này đã được lợi ích như thế, sau khi mạng chung được sanh vào nhà Phật, tức Tịnh độ. Đã đến đây thì mãi mãi được nghe pháp, phụng sự cúng dường các Đức Phật. Đến lúc ngồi đạo tràng, nhân viên quả mãn, đâu có xa!

LUẬN RẰNG:

Hỏi: Kinh nói như vậy là chỉ căn cứ theo người niệm Phật mà khen ngợi, còn các nhà giải thích vì sao lại nói tạp thiện mà đặc biệt khen ngợi Niệm Phật ư?

Đáp: Trong văn kinh, tuy nghĩa này ẩn kín, nhưng cũng có thể biết. Làm sao biết được? Kinh này đã nói Định thiện, Tán thiện và hạnh Niệm Phật, mà ở đây chỉ ví dụ người niệm Phật như hoa Phân- đà-lợi. Nếu chẳng phải đối đãi với tạp thiện, làm sao có thể hiển bày công năng siêu việt các hạnh thiện khác? Thế thì nói: người niệm Phật là người tốt nhất trong đời, là đối đãi với ác mà khen thiện; người diệu tuyệt trong đời, là đối đãi với thô ác mà khen tuyệt diệu; người tối thượng trong đời, là đối đãi với quá thấp mà khen tối thượng; người hiếm có trong đời, là đối đãi với thường có mà khen ngợi hiếm có; người tối thắng trong đời là đối đãi với quá kém mà khen ngợi tối thắng.

Hỏi: Đã cho người niệm Phật là tối thắng, vì sao không nói từ thượng thượng phẩm đến hạ hạ phẩm?

Đáp: Đã nói hạnh Niệm Phật rất rộng, xuyên suốt cả chín phẩm. Đoạn trước có dẫn Vãng Sanh Yếu Tập: "Tùy căn cơ và việc tu tập có hơn kém mà phân làm chín phẩm". Hơn nữa, hạ phẩm hạ sanh là

những người phạm năm tội nghịch. Do đó, chỉ có niệm Phật mới đủ năng lực diệt trừ tội nghịch, các hạnh tu khác không thể. Cho nên vì những người cực ác cực kém mà nói pháp cực thiện tối thượng. Ví như căn bệnh Vô minh sâu dày mà không có thuốc Trung đạo128 thâm áo thì không thể chữa trị được. Cũng thế, nay căn bệnh nặng năm nghịch sâu dày này nếu không có thuốc quí Niệm Phật thì biết lấy gì chữa trị đây? Cho nên trong Luận Nhị Giáo129, Hoằng Pháp đại sư130 dẫn kinh Ba-la-mật131 : "Đệ tam Pháp bảo tức là chánh pháp mà vô lượng các Đức Phật quá khứ đã thuyết và ta hôm nay đang thuyết.. Đó là tám vạn bốn ngàn Pháp uẩn132 vi diệu dùng để điều phục thuần thục chúng sanh có duyên, giúp các đệ tử lớn như: A-nan-đà... vừa nghe liền ghi nhớ. Tất cả được gom vào năm tạng: Tố-đát-lãm133, Tì- nại-da134, A-tì-đạt-ma135, Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Đà-la-ni136. Năm tạng này dùng để giáo hóa hữu tình, tùy theo đối tượng được độ mà tuyên thuyết một tạng tương ứng. Nếu hữu tình kia thích ở núi rừng, nơi vắng vẻ tu hạnh tịch tĩnh, thì nói cho họ nghe tạng Tố-đát-lãm; nếu hữu tình thích tu tập oai nghi, bảo vệ chánh pháp thuần một vị hòa hợp, khiến trụ lâu ở thế gian, thì thuyết cho họ nghe tạng Tì-nại- da. Nếu hữu tình thích thuyết chánh pháp, phân biệt tánh tướng, suy tìm nghiên cứu đến chỗ sâu xa rốt ráo thì thuyết cho họ nghe tạng A-

128 Trung đạo: con đường chánh trung, xa lìa hai bên: đoạn thường, có không, sanh diệt ...Đây là lập trường căn bản của Phật giáo, các tông phái Đại-Tiểu thừa tuy có quan điểm sâu cạn khác nhau, nhưng đều xem trọng và nhận đây là con đường phải thực hiện. 129 Luận Nhị giáo: gồm hai quyển, do ngài Không Hải người Nhật Bản soạn, nội dung bàn về việc hơn kém, sâu cạn của Hiển giáo và Mật giáo. 130 Hoằng Pháp đại sư : hiệu của đại sư Không Hải (744-835) người Nhật. Tổ của tông Chân Ngôn. 131 kinh Ba-la-mật : tức kinh Đại Thừa Lí thú Lục Ba-la-mật (Phạn: Mahayana-naya-sat-paramita), mười quyển, do ngài Bát-nhã dịch vào đời Đường, Trung Quốc. Nội dung nói về việc hộ trì quốc gia và sáu pháp Ba-la-mật của Bồ-tát. 132 Pháp uẩn: tức Pháp tạng. Uẩn đồng nghĩa với tạng. Tức tạng giáo pháp của Đức Phật. 133 Tố-đát-lãm: Phạn: sutra, Pali: sutta. Còn gọi Tu-đa-la, Hán dịch: Khế kinh. 134 Tì-nại-da: Phạn: Vinaya, Hán dịch: diệt, luật, điều phục. Tức giới luật do Phật chế định. 135 A-tì-đạt-ma: Phạn: abhidharma, Pali: abhidhamma, Hán dịch: đối pháp, tức Luận tạng trong ba tạng, hay chỉ cho nghĩa lý hàm chứa trong Luận tạng. 136 Đà-la-ni : Phạn: dharani, Tây Tạng: gzuns. Hán dịch là tổng trì, chỉ cho tác dụng giữ gìn pháp thiện không để mất, ngăn chặn pháp ác không cho sanh; hoặc chỉ cho sức niệm huệ có thể gom giữ, nhớ nghĩ vô lượng Phật pháp không để cho quên sót. Về sau chỉ cho mật chú.

tì-đạt-ma. Nếu hữu tình thích tu tập trí huệ Đại thừa chân thật, lìa tâm phân biệt pháp chấp, ngã chấp137 thì thuyết cho họ nghe tạng Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nếu hữu tình không thể thọ trì Khế kinh (Kinh), Đối pháp (Luận), Điều phục (Luật), Bát-nhã, hoặc tạo các nghiệp ác nặng như: bốn tội nặng, tám tội nặng138, năm tội vô gián, phỉ báng kinh Phương đẳng, Nhất-xiển-đề... mà muốn diệt tội, chóng được giải thoát, thì thuyết cho

họ nghe tạng Đà-la-ni.

Năm tạng này giống như sữa, lạc, sanh tô, thục tô và đề hồ. Trong đó Khế kinh như sữa, Điều phục như lạc, Đối pháp như sanh tô, Đại thừa Bát-nhã như thực tô, môn Tổng trì như đề hồ. Đề hồ là vị thuốc tốt và quí nhất, có năng lực chữa trị các bệnh, làm cho thân tâm an ổn. Cũng như vậy, Tổng trì môn là tạng bậc nhất trong Khế kinh, có năng lực diệt trừ tất cả tội nặng, giúp chúng sanh thoát khỏi sanh tử, chóng chứng Pháp thân139, Niết-bàn an lạc".

Trong đó, năm tội Vô gián chính là năm tội nghịch, nếu không có thuốc quí đề hồ thì không thể chữa lành, niệm Phật cũng thế. Trong giáo Vãng sanh, Niệm Phật tam-muội cũng như môn Tổng trì, cũng như đề hồ. Nếu không có thuốc Niệm Phật tam-muội đề hồ, thì bệnh nặng năm nghịch khó mà trị lành.

Hỏi: Thế thì hạ phẩm thượng sanh thuộc hạng người tạo tội thập ác nhẹ, vì sao cũng thuyết môn Niệm Phật?

Đáp: Niệm Phật tam-muội có năng lực diệt trừ được tội nặng, huống gì tội nhẹ! Các hạnh tu khác thì không thể như thế, có môn thì diệt được tội nhẹ, không thể diệt được tội nặng, hoặc trừ một phần mà không trừ hết. Niệm Phật thì tội nặng hay nhẹ đều trừ sạch, trị được

137 Pháp chấp, ngã chấp: vọng chấp các pháp ngoài tâm thật có; vọng chấp ngã thật có. 138 Tám tội nặng: tám ba-la-di của Tỳ-kheo-ni: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, xúc chạm thân người nam có tâm nhiễm ô, phạm tám việc, che dấu tội nặng của người khác, tùy thuận Tỳ-kheo đã bị nêu tội. 139 Pháp thân: Phạn: dharma-kaya, Pali: dhamma-kaya, Tây Tạng: chos-kyi sku. Tự tánh chân thân của Phật.

tất cả bệnh. Giống như thuốc A-già-đà140 trị được tất cả bệnh. Cho nên biết, pháp Niệm Phật là vua trong các tam-muội. Nếu phối hợp chín phẩm với các tội, nên theo nghĩa đơn phối. Trong đó, hàng tạo năm tội nghịch hồi tâm thì có thể sanh vào bậc thượng thượng; hàng đọc tụng có thể sanh vào bậc hạ hạ. Hạng tạo mười ác nhẹ, phá giới, hiểu Đệ nhất nghĩa và phát tâm Bồ-đề cũng có thể sanh vào bậc thượng hạ. Mỗi mỗi lại có chín phẩm, tổng cộng chín mươi mốt phẩm. Thêm vào đó, ngài Ca Tài nói: "Chúng sanh vừa khởi hạnh tu tập đã có chín bậc sai biệt, cho nên vãng sanh thấy cõi nước cũng có muôn ngàn sai biệt, chẳng nên vừa thấy nghĩa phối hợp đơn liền sanh tâm chấp trước. Trong đó Niệm Phật là hạnh tối thắng, cho nên so sánh như hoa Phân-đà-lợi. Người niệm Phật được khen ngợi như năm hạng người cao quí vừa nói trong Quán Kinh Sớ, lại được hai vị Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí theo bảo vệ, đó là lợi ích hiện đời; mai sau vãng sanh Tịnh độ cho đến thành Phật là lợi ích ở tương lai. Thiền sư Đạo Xước thì nói hạnh Niệm Phật có hai lợi ích là thỉ và chung. An Lạc Tập ghi: "Luôn luôn nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật, không bao giờ buông bỏ. Chúng sanh này khi mạng chung sẽ được sanh về nước ấy; đó là lợi ích lúc đầu (thỉ). Kinh Quán Âm Thọ Ký ghi: "Đức Phật A-di-đà dù trụ thế vô số kiếp, nhưng cũng có lúc diệt độ. Lúc Phật vào niết-bàn, chỉ còn hai vị bồ-tát Quán Âm và Thế Chí trụ trì cõi An Lạc tiếp dẫn chúng sanh trong mười phương. Thời gian Đức Phật ấy diệt độ cũng bằng với thời gian trụ thế. Tất cả nhân dân

cõi nước ấy không ai thấy Phật, chỉ có những người một bề chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà được vãng sanh thường thấy Phật hiện còn, không diệt độ. Đây là lợi ích sau cùng".

Như thế, niệm Phật có hai lợi ích là hiện đời và mai sau, cũng như lợi ích lúc đầu và lợi ích sau cùng.

XII. Đức Thích Tôn không phó chúc các hạnh Định thiện Tán thiện mà chỉ phó chúc hạnh Niệm Phật cho A-nan

140 A-già-đà: Phạn: agada. Một loại thuốc hay, có thể chữa lành tất cả các căn bệnh cho chúng sanh.

TRÍCH DẪN:

Kinh Quán Vô Lượng Thọ ghi: "Đức Phật bảo A-nan rằng: Ông hãy thọ trì kỹ lời này, giữ gìn lời này tức là thọ trì danh hiệu Phật".

Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ ghi: "Từ câu 'Đức Phật bảo A- nan' trở về sau là nói Đức Thích-ca phó chúc danh hiệu Phật A-di-đà lưu truyền cho đời tương lai xa mai sau. Từ trước đến đây tuy nói lợi ích của hai môn Định-Tán, nhưng theo ý nghĩa bản nguyện của Phật thì nhằm vào khuyên chúng sanh một bề xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà.

LUẬN RẰNG:

Văn sớ chia ra làm hai hạnh là Tịnh-Tán và Niệm Phật.

a. Định-Tán gồm có hai là Định thiện và Tán thiện. Định thiện lại phân làm mười ba môn: Quán tướng mặt trời, quán tưởng nước, quán tưởng đất, quán tưởng cây báu, quán tưởng ao báu, quán lầu gác báu, quán tòa hoa, quán tưởng hình tượng, quán tưởng Phật A-di-đà, quán tưởng bồ-tát Quán Thế Âm, quán tưởng bồ-tát Đại Thế Chí, quán chung, quán tưởng các tướng biến hiện của Tam tôn (Tạp tưởng). Dẫu không tu các hạnh, chỉ cần tùy khả năng tu một pháp hay nhiều pháp trong mười ba pháp quán tưởng cũng được vãng sanh. Yếu chỉ nêu rõ trong kinh, không nên nghi ngờ.

* Ba phước: Kinh ghi: "Ba phước: Một, hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính hầu hạ thầy tổ, thể hiện tâm từ không sát sanh, thực hành mười điều thiện. Hai, thọ trì Tam qui, giữ trọn các giới, chẳng trái phạm oai nghi. Ba, phát tâm bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyên người tu tập".

Hiếu dưỡng cha mẹ, gồm có hiếu dưỡng cha mẹ thế gian và hiếu dưỡng cha mẹ xuất thế gian. Hiếu dưỡng cha mẹ thế gian, như trong

Hiếu Kinh đã nói. Hiếu dưỡng cha mẹ xuất thế gian như suốt đời phụng sự giáo pháp, như Luật đã ghi. Cung kính hầu hạ thầy tổ, lại có thầy tổ thế gian và thầy tổ xuất thế gian. Thầy tổ thế gian dạy cho ta nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Thầy tổ xuất thế gian dạy cho ta Thánh đạo môn và Tịnh độ môn. Dẫu không có các hạnh khác, thì lấy hiếu dưỡng cha mẹ và hầu hạ thầy tổ làm hạnh vãng sanh. Thể hiện tâm từ không sát sanh.

Thực hành mười điều thiện cũng có hai nghĩa: Một, thể hiện tâm từ không sát sanh, tâm từ đây chính là Từ vô lượng trong bốn tâm vô lượng (từ, bi, hỉ, xả). Ở đây nêu một tâm đầu tiên, nhưng lại gồm thâu ba tâm còn lại. Ví như không có các hạnh khác thì dùng bốn tâm vô lượng làm hạnh nghiệp vãng sanh. Hai, thực hành mười điều thiện là: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói thêu dệt, không ác khẩu, không nói đôi chiều, không tham, không sân, không tà kiến. Nếu hợp hai câu "tâm từ không sát sanh và thực hành mười điều thiện" thành một câu, thì "tâm từ không sát sanh" chẳng phải là tâm Từ vô lượng mà là chỉ chung cho chi thứ nhất không sát sanh trong mười thiện. Cho nên biết, "tâm từ không sát sanh" ở đây là chỉ cho chi thứ nhất. Nếu không có các hạnh khác thì dùng mười thiện làm hành nghiệp vãng sanh.

Thọ trì Tam qui cũng có hai loại là Đại thừa tam qui và Tiểu thừa tam qui. Giữ trọn các giới, có hai loại là giới Đại thừa và giới Tiểu thừa.

Chẳng phạm oai nghi có hai là oai nghi Đại thừa gồm tám vạn, oai nghi Tiểu thừa có ba ngàn.

Phát tâm Bồ-đề thì có các chủ trương khác nhau. Tông Thiên Thai có tâm Bồ-đề của bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên được trình bày đầy đủ trong bộ Chỉ Quán141. Tông Chân Ngôn thì lập ba loại 141 Chỉ Quán: tức bộ Ma-ha Chỉ Quán 20 quyển do đặi sư Trí Khải thuyết giảng, đệ tử là Quán Đảnh ghi chép. Đây là một tác phẩm quan trọng nói rõ về pháp môn Chỉ quán viên đốn của tông Thiên Thai.

tâm Bồ-đề là Hạnh nguyện, Thắng nghĩa và Tam-ma-địa được nói trong Luận Bồ-đề Tâm142. Tông Hoa Nghiêm cũng có lập tâm Bồ-đề như trong bộ Bồ-đề Tâm Nghĩa và Du Tâm An Lạc Đạo143 đã nói. Tông Tam Luận và Pháp Tướng cũng có lập tâm Bồ-đề như trong các bộ sách giải thích của hai tông này đã trình bày. Ngài Thiện Đạo cũng đã giải thích về tâm Bồ-đề như trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ đã ghi. Tuy đều nói phát tâm Bồ-đề, nhưng tùy theo tông phái mà ý nghĩa khác nhau. Thế thì chỉ một câu "tâm Bồ-đề" mà liên quan rộng đến các kinh, bao gồm các giáo Hiển-Mật, ý khí rộng xa, diễn bày thật sâu xa rộng lớn. Nguyện xin các hành giả chớ chấp một mà bỏ nhiều.

Các hành giả cầu vãng sanh nên phát tâm Bồ-đề theo đúng nghĩa của tông mình. Nếu không có các hạnh tu khác thì nên dùng tâm Bồ- đề làm hành nghiệp vãng sanh. Về tin sâu nhân quả, cũng có hai ý là nhân quả thế gian và nhân quả xuất thế gian. Nhân quả thế gian tức là nhân quả sáu đường144, như kinh Chánh Pháp Niệm145 đã nói. Nhân quả xuất thế gian tức là nhân quả của tứ thánh146, như trong các kinh Đại Tiểu thừa đã nói. Nếu phối hợp hai pháp nhân quả với các kinh, thì các tông có các chủ trương khác nhau. Trong đó, tông Thiên Thai cho rằng Hoa Nghiêm nói nhân quả Phật và Bồ-tát; A-hàm nói nhân quả Thanh văn và Duyên giác; các bộ kinh Phương Đẳng nói nhân quả bốn thừa147, các bộ Bát-nhã nói nhân quả của ba giáo Thông, Biệt, Viên; Pháp Hoa nói nhân Phật, quả Phật; Niết-bàn lại nói nhân 142 Luận Bồ-đề-Tâm: có một quyển, do ngài Bất Không dịch vào đời Đường, Trung Quốc. Nội dung khuyên phát tâm Bồ-đề và nói về hành tướng của tâm này. 143 Du Tâm An Lạc Đạo : một quyển, do ngài

Nguyên Hiểu người Triều Tiên soạn. Nội dung nói về sự an lạc của Tịnh độ Tây phương và những nhân duyên vãng sanh Tịnh độ. Sách này rất được các nhà Tịnh-Độ xem trọng. 144 Sáu đường: sáu cõi mà chúng sanh tùy theo nghiệp thiện ác đã tạo, sau khi chết phải sanh về và cư trú: Trời, người, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh. 145 Kinh Chánh Pháp Niệm : gồm bảy quyển, do ngài Cù-đàm-bát-nhã-lưu-chi dịch vào đời Nguyên Ngụy, Trung Quốc. Nội dung nói về mười nghiệp thiện, tai họa của sanh tử, quả báo trong sáu đường và cuối cùng nói về Thân niệm xứ. 146 Tứ thánh: bốn bậc thánh Thanh văn : Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Hoặc chỉ cho bốn bậc Thánh xuất thế gian: Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và Phật. 147 Bốn thừa: Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và Phật thừa.

quả bốn thừa. Thế thì nói tin sâu nhân quả, đã bao quát cả giáo pháp trong một đời Như Lai. Những người cầu vãng sanh, ví như không có các hạnh khác, thì nên lấy tin sâu nhân quả làm hành nghiệp vãng sanh.

Đọc tụng kinh điển Đại thừa, có hai ý: Một là tụng đọc, hai là nói về Đại thừa. Đọc tụng, tức là nên chuyển đọc, phúng tụng để hiển rõ nghĩa thọ trì trong năm loại Pháp sư148. Nếu căn cứ theo mười pháp hành149, thì nêu hai loại xem đọc và phúng tụng để hiển rõ tám pháp hành còn lại là biên chép, cúng dường... Nói Đại thừa là để phân biệt với Tiểu thừa; nhưng không chỉ riêng một kinh nào mà chung cho tất cả kinh Đại thừa. Nói tất cả, theo ý Phật, thì chỉ cho tất cả các kinh Đại thừa mà Đức Phật đã nói trong một đời, gồm cả những kinh chưa được kết tập. Lại trong những kinh đã kết tập, có quyển còn ẩn tại Long cung, chưa lưu hành ở nhân gian, hoặc có quyển lưu hành ở Ấn Độ, nhưng chưa lưu hành tại Trung Quốc. Nay luận theo những kinh đã phiên dịch sang Hán ngữ, thì trong Trinh Nguyên Nhập Tạng Lục, kinh Đại thừa bắt đầu ghi từ bộ Đại Bát-nhã sáu trăm quyển đến cuối cùng là kinh Pháp Thường Trụ. Tổng cộng có 637 bộ, 2883 quyển kinh Đại thừa Hiển - Mật, tất cả đều gom vào câu "đọc tụng kinh điển Đại thừa". Xin các hành giả cầu sanh Tây phương tùy theo ý thích, hoặc đọc tụng kinh Pháp Hoa, hoặc kinh Hoa Nghiêm, hoặc thọ trì đọc tụng Già-na Giáo Vương kinh150 cho đến các Tôn pháp làm hành nghiệp vãng sanh, hoặc giải thích, giảng nói, biên chép các kinh Bát- nhã, Phương Đẳng và Niết-bàn làm hành nghiệp vãng sanh. Đó là chủ ý trong kinh Quán Vô Lượng Thọ của tông Tịnh Độ.

Hỏi: Yếu chỉ của Hiển giáo và Mật giáo khác nhau, vì sao trong Hiển thâu nhiếp Mật? 148 Năm loại Pháp sư: pháp sư thọ trì, pháp sư đọc kinh, pháp sư tụng kinh, pháp sư giải nói, pháp sư biên chép. 149 Mười pháp hành: mười phương pháp thọ trì kinh điển: biên chép, cúng dường, cung cấp cho người khác, lắng nghe, xem đọc, nhận lãnh ghi nhớ không quên, diễn giảng, tụng , tư duy, theo đó tu tập. 150 Già-na Giáo Vương kinh : các bộ kinh Giáo Vương trong hệ kinh điển Kim Cương Đảnh của Mật tông.

Đáp: Ở đây không phải nói thâu nhiếp yếu chỉ Hiển-Mật, mà chỉ nói câu "đọc tụng kinh điển Đại thừa" bao quát việc đọc tụng kinh điển Đại thừa Hiển-Mật đã xếp vào trong Khai Nguyên Nhập Tạng Lục.

Hỏi: Vậy trong các kinh trước Quán Kinh, sao lại gồm thâu cả kinh Pháp Hoa?

Đáp: Ở đây nói gồm thâu, không phải nói đến các nghĩa quyền, thật, thiên, viên mà chỉ nói câu "đọc tụng kinh điển Đại thừa" thông từ trước đến sau. Trước là những kinh Đại thừa Phật nói trước Quán Kinh, sau là những kinh Đại thừa Phật nói sau hội Vương Cung151. Chỉ nói kinh Đại thừa, chứ không chọn quyền hay thật, cho nên bao gồm các kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát-nhã, Pháp Hoa, Niết-bàn.

"Khuyên người tu tập" tức khuyên tu các pháp Định thiện, Tán thiện và Niệm Phật tam-muội.

* Chín phẩm: Tức phân chia ba phước làm hành nghiệp của chín phẩm. Trong Thượng phẩm thượng sanh nói: "Thể hiện tâm từ không sát sanh" là hợp với câu thứ ba trong Thế phước. Nói: "Đầy đủ giới hạnh" là hợp với câu thứ hai trong Giới phước. Nói: "Đọc tụng kinh điển Đại thừa" là hợp với câu thứ ba trong Hạnh phước. Kế đến nói thực hành sáu niệm152 là ý thứ ba thuộc phước thứ ba trong ba phước vừa nêu. Trong Thượng phẩm trung sanh nói "hiểu rõ nghĩa thú" là hợp với ý thứ hai và ba trong phước thứ ba. Trong Thượng phẩm hạ sanh nói "tin sâu nhân quả, phát đạo tâm" là hợp với ý thứ nhất và hai trong phước thứ ba. Trong Trung phẩm thượng sanh nói "thọ trì năm giới" là hợp với ý thứ hai trong phước thứ hai. Trong

151 Hội Vương Cung : một trong hai hội của kinh Quán Vô Lượng Thọ. Từ lúc Như Lai vào Vương cung đến lúc thuyết xong bộ kinh này thuộc hội Vương Cung. Từ khi Như Lai trở về Linh Thứu n ói lại cho A-nan và đại chúng nghe thì thuộc hội Kỳ-xà. 152 Sáu niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thí, niệm Giới, niệm Thiên.

Trung phẩm trung sanh nói "một ngày một đêm thọ trì tám trai giới" là hợp với phước thứ hai. Trong Trung phẩm hạ sanh nói "hiếu dưỡng cha mẹ, thực hành nhân từ thế gian" là hợp với ý một và hai của phước thứ nhất. Hạ phẩm thượng sanh dành cho những người tạo thập ác, lúc lâm chung một niệm xưng danh hiệu Phật, tội diệt liền được vãng sanh. Hạ phẩm trung sanh dành cho những người mang tội phá giới, lúc lâm chung nghe nói công đức y báo chánh báo của Phật, nên tội diệt, liền được vãng sanh. Hạ phẩm hạ sanh dành cho những người tạo năm tội nghịch, lúc lâm chung xưng mười niệm danh hiệu Phật, tội diệt được vãng sanh. Ba phẩm này dành cho những người lúc bình thường chỉ tạo nghiệp ác, không cầu vãng sanh, nhưng lúc lâm chung gặp thiện tri thức chỉ dạy, nên được sanh về. Nếu căn cứ theo ba phước thì phước thứ ba thuộc Đại thừa.

b. Niệm Phật: Tức chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Nghĩa "niệm Phật" như thường giải thích. Ở đây chỉ nói việc phó chúc danh hiệu này cho A-nan lưu truyền mãi mãi về sau. Kinh này đã nói rộng về hai hạnh Định thiện và Tán thiện, nhưng Đức Phật Thích-ca không dặn dò A-nan lưu truyền đời sau, mà chỉ dặn dò lưu truyền Niệm Phật Tam-mượi mà thôi.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Vì hành nghiệp có sâu cạn, nên không phó chúc. Trong ba phước nghiệp, có phước nghiệp cạn mỏng, có phước nghiệp sâu dày. Phước nghiệp cạn mỏng là hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính hầu hạ thầy tổ; phước nghiệp sâu dày là giữ trọn các giới,

phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa. Cần phải bỏ hành nghiệp cạn mà phó chúc hành nghiệp sâu. Vì pháp quán có cạn sâu, nên Đức Phật không phó chúc. Trong mười ba pháp quán, có pháp quán cạn, có pháp quán sâu. Pháp quán cạn là pháp quán mặt trời, pháp quán nước. Pháp quán sâu gồm mười một pháp, từ pháp quán đất đến tạp quán. Như thế cần phải bỏ pháp quán cạn mà phó chúc pháp quán sâu. Trong đó pháp thứ chín, quán Phật A-di-đà tức là Quán Phật Tam-muội. Lại bỏ mười hai pháp kia, chỉ phó chúc Quán Phật Tam-

muội.

Hỏi: Phần Huyền Nghĩa trong Quán Kinh Sớ ghi: "Kinh này lấy Quán Phật Tam-muội làm tông, cũng lấy Niệm Phật Tam-muội làm tông". Đã lấy hai hạnh làm tông chỉ của kinh, vì sao chỉ phó chúc Niệm Phật Tam-muội?

Đáp: Đã nói chủ ý trong bản nguyện của Đức Phật là nhằm khuyên chúng sanh một bề chuyên ròng xưng niệm danh hiệu Phật A- di-đà, mà hai thiện Định và Tán không phải là bản nguyện, cho nên không phó chúc. Quán Phật Tam-muội tuy rất thù thắng, nhưng cũng chẳng phải là bản nguyện, cho nên cũng không phó chúc. Niệm Phật Tam-muội là bản nguyện Phật, nên được phó chúc. Nói bản nguyện, tức là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện, kinh Vô Lượng Thọ.

Hỏi: Nếu như thế, tại sao không nói thẳng vào hạnh Niệm Phật mà phải nhiều lời nói đến các hạnh Định-Tán, không phải bản nguyện?

Đáp: Hạnh bản nguyện niệm Phật đã nói rõ trong kinh Vô Lượng Thọ Phật, không cần phải bản thêm. Nhưng nói Định-Tán là để hiển rõ Niệm Phật siêu việt các hạnh thiện khác. Nếu không nói Định-Tán thì lấy gì so sánh để biết Niệm Phật là kỳ đặc? Giống như kinh Pháp Hoa, nêu ba thừa để hiển bày thượng thừa, nếu không có ba thừa lấy gì hiển Pháp Hoa là bậc nhất. Cho nên, vì phế bỏ mà phải nói Định- Tán, vì dựng lập mà nói Niệm Phật Tam-muội. Nhưng hai thiện Định-Tán cũng thật khó lường, phàm "Quán y, chánh như gương soi vạn tượng, nguyện vãng sanh mau đến thật rõ ràng"; hoặc nhờ sức một pháp quán mà tội nhiều kiếp tiêu trừ, hoặc công nhiều vạn ức cuối cùng được Tam-muội thù thắng.

Thế thì, người cầu vãng sanh nên tu định quán. Trong đó, pháp thứ chín, quán chân thân Phật chính là Quán Phật Tam-muội. Nếu thành tựu, tức thấy được Đức Phật A-di-đà. Thấy được Phật A-di-đà

thì thấy được các Đức Phật. Vì thấy các Đức Phật, nên hiện tiền được thọ ký. Pháp quán này đem lại lợi ích to lớn như thế. Nhưng đến phần Lưu thông153 trong Quán Kinh, khi Đức Thích-ca Như Lai phó chúc yếu pháp vãng sanh, Ngài không phó chúc pháp Quán Phật, mà chọn pháp Niệm Phật để phó chúc cho A-nan. Pháp Quán Phật Tam-muội còn không được phó chúc, huống gì các pháp quán khác. Thế thì mười ba pháp định quán đều không được Như Lai phó chúc.

Nhưng người đời nay, nếu ai thích tu quán Phật... mà không chịu niệm Phật, không chỉ trái với bản nguyện của Đức A-di-đà mà còn trái với lời phó chúc của Đức Thích Tôn,

người tu hành nên suy xét kỹ!

Trong Tán thiện có các hạnh như: Trì giới Đại thừa và Tiểu thừa, người đời đều cho rằng trì giới là pháp cốt yếu để vào chân đạo, người phá giới thì không được vãng sanh. Lại có hạnh phát tâm Bồ- đề, người đời đều cho tâm Bồ-đề là cương yếu của Tịnh độ, nếu không có tâm Bồ-đề thì không được vãng sanh. Lại có hạnh hiểu Đệ nhất nghĩa không, đây là lý quán, người đời cũng cho lý quán là nguồn Phật, không thể lìa lý mà cầu sanh Phật quốc. Nếu không có lý quán thì không thể vãng sanh. Lại có hạnh đọc tụng kinh điển Đại thừa, mọi người đều cho rằng đọc tụng kinh điển ấy sẽ được vãng sanh, nếu không đọc tụng thì không thể vãng sanh. Đọc tụng có hai việc là trì kinh và trì chú. Trì kinh chính là trì kinh Bát-nhã, Pháp Hoa... trì chú tức là trì các thần chú Huỳnh Tùy Cầu, Tôn Thắng Đà- la-ni, Quang Minh Chân ngôn, A-di-đà Đại Tâm chú ...

Tán thiện tuy có mười một hạnh (hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính hầu hạ thầy tổ, thể hiện tâm từ không sát sanh, thực hành mười điều thiện, thọ trì Tam qui, giữ trọn các giới, chẳng trái phạm oai nghi, phát tâm bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyên người tu tập), nhưng đời người thường chú ý xem trọng bốn

153 Phần Lưu thông: phần cuối của một bộ kinh, chính là phần Như Lai phó chúc cho đệ tử lưu truyền đến đời sau bộ kinh mà Ngài vừa nói.

hạnh (trì giới, phát tâm Bồ-đề, hiểu Đệ nhất nghĩa không, đọc tụng kinh điển Đại thừa) hơn hạnh Niệm Phật. Nhưng ý kinh không phó chúc lưu thông các hạnh này, chỉ phó chúc hạnh Niệm Phật. Đức Thích Tôn sở dĩ không phó chúc lưu thông các hạnh khác, vì đó không phải là bản nguyện của Đức A-di-đà. Ngài phó chúc hạnh Niệm Phật, vì đó là bản nguyện của A-di-đà. Ngày nay ngài Thiện Đạo sở dĩ bỏ các hạnh mà trở về hạnh Niệm Phật, vì đó không chỉ là hạnh bản nguyện của Đức A-di-đà mà còn là hạnh được Đức Thích Tôn phó chúc. Cho nên biết, các hạnh khác đã không hợp cơ mà còn không đúng thời. Hạnh Niệm Phật vãng sanh vừa hợp cơ vừa đúng thời, há cảm ứng suông ư?

Nên biết, vì tùy người, nên đầu tiên Đức Phật tạm thời mở ra hai môn Định-Tán, nhưng sau vì tùy mình nên đóng hai môn Định-Tán, mở ra môn Niệm Phật, một lần mở ra thì vĩnh viễn không đóng lại. Hành giả nên biết, ý bản nguyện của Đức A-di-đà và ý phó chúc của Đức Thích Tôn chính ở nơi đây. Nói "đời tương lai xa mai sau", theo ý trong kinh Vô Lượng Thọ, chính là chỉ cho thời gian một trăm năm sau thời mạt pháp một vạn năm. Thời gian sau khi pháp diệt hết mà còn như thế, huống gì là thời Mạt pháp; mạt pháp mà còn như thế, huống gì là Tượng pháp và Chánh pháp. Cho nên biết con đường niệm Phật vãng sanh thông suốt cả ba thời Chánh, Tượng, Mạt và một trăm năm sau khi giáo pháp diệt hết.

XIII. Niệm Phật nhiều căn lành, Tạp thiện ít căn lành

TRÍCH DẪN:

Kinh A-di-đà ghi: "Không thể với nhân duyên một ít phước đức căn lành mà được vãng sanh cõi nước kia. Này Xá-lợi-Phất! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe nói đến Phật A-di-đà rồi trì niệm danh hiệu ấy trong một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm

ngày, sáu ngày, bảy ngày, nhất tâm không loạn. Lúc mạng chung, người này được Đức Phật A-di-đà và các vị Thánh hiện đến trước mặt, tâm người ấy không điên đảo, liền được sanh về nước Cực Lạc".

Hòa thượng Thiện Đạo trong bộ An Lạc Hành Đạo chuyển Kinh Nguyện Sanh Tịnh Độ Pháp Sự Tán quyển hạ, giải thích đoạn kinh trên như sau:

Niết-bàn, Cực Lạc chỉ một miền
Khó về, bởi hạnh Tạp tùy duyên
Vì thế Như Lai chọn pháp yếu
Dạy niệm Di-đà chuyên càng chuyên
Bảy ngày, bảy đêm không gián đoạn
Lâu dài tu tập lại thêm siêng
Lâm chung Thánh chúng mang hoa đến
Thân tâm vui thỏa ngự liên đài
Ngự rồi liền được Vô sanh nhẫn
Nhất niệm liền đưa đến Phật tiền
Pháp lữ tranh nhau đem y đến
Chứng ngay bất thoái, vị Tam hiền.
LUẬN RẰNG:

Không thể với nhân duyên một ít phước đức căn lành mà được sanh về nước kia. Tức những người tu tạp hạnh khó sanh về, cho nên nói "khó về", bởi hạnh Tạp tùy duyên. Tu Tạp thiện thì ít căn lành, tu niệm Phật thì nhiều căn lành. Long Thư Tịnh Độ154 ghi: "Kinh A-di- đà khắc trên đá tại Tương Dương là do Trần Nhân Lăng đời nhà Tùy viết chữ, nét chữ thanh thoát rất đẹp, mọi người đều thích ngắm nhìn. Sau câu: "Nhất tâm chẳng loạn" có ghi thêm: "Chuyên trì niệm danh hiệu, vì trì niệm nên tội tiêu diệt. Đây chính là nhân duyên nhiều phước đức căn lành. Bản kinh lưu truyền ở thế gian thiếu câu này".

Không chỉ có nghĩa nhiều ít mà còn có nghĩa lớn nhỏ và nghĩa thắng liệt. Tức tu Tạp thiện thì căn lành nhỏ, tu niệm Phật thì căn 154 Long Thư Tịnh Độ: gồm 12 quyển, do ngài Nhân Vương Nhật Hưu, người ở Long Thư soạn vào thời Nam Tống, Trung Quốc. Nội dung của sách này gom chép tất cả những đoạn kinh luận, truyện ký v.v... có liên quan đến giáo nghĩa Vãng sanh Tây phương Tịnh Độ.

lành lớn; tu Tạp thiện thì căn lành kém, tu niệm Phật thì căn lành thù thắng.

XIV. Vô lượng các Đức Phật trong mười phương đều không chứng thực cho tạp hạnh, chỉ chứng thực cho hạnh Niệm Phật

TRÍCH DẪN:

Quán Niệm Pháp Môn ghi: "Kinh A-di-đà nói: Vô lượng các Đức Phật trong sáu phương đều hiện tướng lưỡi rộng dài che phủ cả tam thiên đại thiên thế giới mà nói lời chân thật rằng: Hoặc Phật còn ở đời hoặc sau khi Phật diệt độ, tất cả những phàm phu tạo tội

chỉ cần hồi tâm niệm danh hiệu A-di-đà Phật, nguyện sanh về cõi Tịnh, nhiều thì trọn một đời, ít thì bảy ngày, một ngày, mười niệm, ba niệm, một niệm. Người này lúc sắp qua đời, Đức Phật và các vị Thánh tự đến đón rước, liền được vãng sanh". Các Đức Phật trong sáu phương hiện tướng lưỡi như thế, nhất định là vì chứng thực cho hàng phàm phu diệt tội, được vãng sanh. Nếu chẳng đúng theo lời chứng thực này được vãng sanh, thì các Đức Phật trong sáu phương sau khi lưỡi hiện ra khỏi miệng sẽ không thể thâu vào mà còn tự nhiên hư nát nữa.

Vãng Sanh Lễ Tán dẫn kinh A-di-đà: "Vô lượng Đức Phật ở phương Đông, vô lượng Đức Phật ở phương Tây, Nam, Bắc, trên, dưới mỗi mỗi đều ở tại trụ xứ của mình, hiện tướng lưỡi che phủ cả tam thiên đại thiên thế giới mà nói lời thành thật rằng: Chúng sanh các ngươi nên tin kinh Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này. Thế nào gọi là hộ niệm? Đó là, nếu có chúng sanh xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hoặc bảy ngày, hoặc một ngày, cho đến mười tiếng, một tiếng hay chỉ một niệm. Người này nhất định được vãng sanh. Chứng thực cho việc này, nên gọi là kinh Hộ Niệm". Lại nói:

Sáu phương Như Lai đồng minh xác
Chuyên trì danh hiệu, đến Lạc bang
Đến rồi, hoa nở, nghe diệu pháp
Hạnh nguyện Thập địa tự nhiên toàn.

Quán Kinh Sớ ghi: "Các Đức Phật trong mười phương sợ chúng sanh không tin lời của Đức Phật Thích Ca, nên liền đồng tâm, đồng thời, mỗi mỗi hiện tướng lưỡi che phủ cả ba ngàn đại thiên thế giới nói lời thành thật: "Chúng sanh các ngươi nên tin lời Phật Thích-ca nói, khen ngợi và chứng thực. Tất cả phàm phu, không luận là kẻ gây tội, người tạo phước hoặc nhiều hoặc ít, thời gian tu tập lâu hay mau, chỉ cần lâu thì trọn đời, mau thì từ một ngày, bảy ngày nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà, nhất định sẽ được vãng sanh".

Pháp Sự Tán155 ghi:

Tâm tâm niệm Phật, đâu nên ngại
Sáu phương chư Phật chứng chẳng sai
Ba nghiệp chuyên ròng không tạp loạn
Hoa sen trăm báu tức thời lai.

Tịnh Độ Ngũ Hội Pháp Sự Tán của thiền sư Pháp Chiếu ghi:

Tịnh Độ bậc nhất trong muôn hạnh
Mau chóng cấp thiết không gì sánh
Không chỉ là lời Thích-ca Phật
Mười phương các Phật cũng chứng thành.

LUẬN RẰNG:

Hỏi: Vì sao các Đức Phật trong sáu phương chỉ chứng thực một hạnh Niệm Phật?

Đáp: Theo ý của ngài Thiện Đạo thì hạnh Niệm Phật là bản nguyện của Đức A-di-đà cho nên các Đức Phật mới chứng thực, còn các hạnh khác không phải bản nguyện, nên

không chứng thực. 155 Pháp Sự Tán: tức là bộ Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyện Vãng Sanh Tịnh Độ Pháp Sự Tán, gồm hai quyển, do ngài Thiện Đạo osạn. Nội dung ghi chép về cách thức tụng kinh, hành đạo của tông Tịnh Độ.

Hỏi: Nếu căn cứ theo bản nguyện mà chứng thực hạnh Niệm Phật, tại sao trong Quán Kinh và kinh Vô Lượng Thọ, khi Đức Thích- ca nói pháp Niệm Phật, các Đức Phật không chứng thực?

Đáp: Câu này có hai cách giải thích. Một, trong hai bộ kinh đó tuy nói hạnh Niệm Phật bản nguyện, nhưng cũng nói đến các hạnh khác, cho nên các Đức Phật không chứng thực. Kinh này chỉ một bề nói hạnh Niệm Phật, nên các Đức Phật mới chứng thực. Hai, trong hai bộ kinh trên, tuy không có lời chứng thực, nhưng đã có lời chứng thực trong kinh A-di-đà. Từ đó suy ra thì hạnh Niệm Phật trong hai bộ kinh trên thật ra cũng có nghĩa chứng thực. Lại nữa, văn kinh này có thể thông với văn của kinh kia. Cho nên Luận Thập Nghi156 ghi: “Kinh A-di-đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Cổ Âm Thanh Đà-la-ni157 đều nói khi Phật Thích-ca thuyết kinh này, có vô lượng các Đức Phật trong mười phương hiện tướng lưỡi che phủ cả ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: “Tất cả chúng sanh niệm danh hiệu Phật A-di-đà, nhờ sức bản nguyện đại bi của Phật, cho nên nhất định được vãng sanh về thế giới Cực Lạc”.

XV. Các Đức Phật trong sáu phương đều hộ niệm hành giả Niệm Phật

TRÍCH DẪN:

Quán Niệm Pháp Môn ghi: “Kinh A-di-đà nói: Nếu có chúng sanh trong bảy ngày bảy đêm cho đến trọn đời, một lòng chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà, nguyện vãng sanh, người này luôn được vô lượng Đức Phật trong sáu phương đến hộ niệm, nên gọi là kinh Hộ Niệm. Hộ niệm không để cho ác quỉ thần thừa dịp làm hại, cũng

156 Luận Thập Nghi : có một quyển , do ngài Trí Khải, tông Thiên Thai soạn. Nội dung nêu ra mười điều nghi đối với pháp môn Tịnh Độ, đồng thời tự giải thích. 157 kinh Cổ Âm Thanh Đà-la-ni : tức kinh A-di-đà, Cổ ÂmThanh Vương Đà-la-ni, một quyển . Nội dung nói về công đức trang nghiêm của Phật A-di-đà và thế giới Cực Lạc Tây phương, đồng thời cũng nói đến việc trì tụng thần chú Cổ Âm Thanh Vương, liên tục sáu thời trong mười ngày sẽ thấy được Đức Phật A-di-đà.

không để vô cớ sanh bệnh, chết oan, gặp nguy hiểm, tất cả tai họa tự nhiên tiêu trừ, không bao giờ đến với thân tâm”.

Vãng Sanh Lễ Tán ghi: “Nếu niệm danh hiệu Phật cầu vãng sanh, thường được vô lượng các Đức Phật trong sáu phương hộ niệm, nên gọi là kinh Hộ Niệm. Vậy nay đã có thệ nguyện tăng thượng đáng nương tựa này rồi, vì sao các Phật tử không gắng sức đi!

LUẬN RẰNG:

Hỏi: Vì sao chỉ có các Đức Như Lai trong sáu phương hộ niệm?

Đáp: Không hạn cuộc các Như Lai trong sáu phương, mà Phật A-di-đà, bồ tát Quán Thế Âm... cũng đến hộ niệm. Cho nên trong Vãng Sanh Lễ Tán ghi: “Kinh Thập Vãng Sanh

nói: Nếu có chúng sanh niệm danh hiệu Phật A-di-đà, nguyện vãng sanh, Đức Phật ấy liền sai hai mươi lăm vị Bồ-tát theo bảo vệ. Trong tất cả các thời, ngày hay đêm, khi đi đứng, lúc nằm ngồi không để cho ác quỉ, ác thần làm hại. Quán Kinh ghi: Nếu người lễ lạy, trì niệm Phật A-di-đà, nguyện sanh về nước ấy, Đức Phật ấy sẽ sai vô số Hóa Phật, vô số Hóa Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí hộ niệm. Các vị Hóa Phật và Bồ-tát ấy lại cùng với hai mươi lăm vị Bồ-tát vừa nêu tạo thành trăm lớp, ngàn lớp vây quanh, không kể khi đi đứng, lúc nằm ngồi, dù ngày hay đêm cũng không bao giờ rời người ấy. Đã có lợi ích quí báu đáng tin này, xin hành giả nên chí tâm cầu vãng sanh".

Quán Niệm Pháp Môn ghi: "Như Quán Kinh nói: Nếu có người chí tâm niệm Phật A-di-đà và hai vị bồ-tát là Quán Âm, Thế Chí thì ba vị Thánh này luôn làm bạn lành, luôn theo bên để bảo vệ người ấy. Trong phẩm Hành, kinh Bát-chu Tam muội158, Phật dạy: Nếu người chuyên thực hành tam-muội Niệm A-di-đà Phật này, thì thường được

158 Kinh Bát-chu Tam muội: gồm ba quyển, do ngài Chi-lâu-ca-sấm dịch vào thời Hậu Hán. Nội dung Đức Phật chỉ dạy pháp môn Phật Lập Tam-muội theo lời thỉnh của Bồ-tát Hiền Hộ.

tất cả trời, Tứ thiên vương159, bát bộ160 rồng, thần theo bên mình bảo vệ, ưa thích gặp mặt, vĩnh viễn không bị các ác quỉ thần, tai ách, chướng nạn não loạn. Trong phẩm Hộ Trì nói rất rõ điều này. Kinh này còn ghi: "Trừ lúc nào Tam-muội đạo tràng, còn hằng ngày đặc biệt niệm một vạn biến A-di-đà không gián đoạn, nhất định được Đức A-di-đà hộ niệm, giúp tiêu trừ các tội chướng. Lại được Phật và các Thánh thường đến bảo vệ, do đó mà tuổi thọ kéo dài".

XVI. Đức Phật Thích-ca thiết tha phó chúc danh hiệu A-di-đà cho Xá-lợi-phất

TRÍCH DẪN:

Kinh A-di-đà ghi: "Đức Phật thuyết kinh này xong, Xá-lợi-Phất, các vị Tì-kheo, tất cả trời, người, a-tu-la161 nghe dạy hoan hỉ tin nhận, lễ lạy rồi lui ra.

Trong Pháp Sư Tán, ngài Thiện Đạo giải thích đoạn này như sau: "Khi Đức Thế Tôn thuyết pháp sắp xong, Ngài đã thiết tha phó chúc danh hiệu A-di-đà. Trong thời năm trược ác tăng mạnh, nhiều người nghi ngờ phỉ báng, đạo tục khinh chê không chịu nghe. Hễ thấy ai tu pháp môn này, liền khởi tâm giận dữ, dùng mọi cách phá hoại, nối nhau sanh oán hận. Những kẻ sanh manh xiển-đề162 như thế, hủy diệt đốn giáo, sẽ mãi mãi chìm đắm, trải qua số kiếp nhiều như hạt bụi trong đại địa này vẫn không thoát khỏi thân trong ba đường ác. Mọi người hãy đồng tâm sám hối những nhân duyên của tội phá pháp!"

159 Tứ thiên vương: bốn vị trời cõi Dục bảo vệ Phật pháp, trấn bốn phương lưng chừng núi Tu-di: Trì Quốc thiên vương ở phương Đông, Tăng Trưởng thiên vương ở phương Nam, Quảng Mục thiên vương ở phương Tây, Đa Văn thiên vương ở phương Bắc. 160 Bát bộ: thông thường chỉ cho tám bộ chúng trời thần bảo vệ Phật pháp: Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà (Hương thần hay Nhạc thần), A-tu-la, Ca-lầu-la (chim thần cánh vàng). Khẩn-na-la (phi nhân hoặc nhạc thần), Ma-hầu-la-già (thần đại mãng xà) 161 A-tu-la,

Phạn: Asura: vốn là một loại quỷ thần chiến đấu của cổ Ấn Độ. Phật giáo xếp A-tu-la là một trong sáu đường, một trong năm đường. Phước báo của loại quỷ thần này giống như trời nhưng kém hơn. 162 Kẻ sanh manh xiển-đề: tức nói hàng xiển-đề như người mù bẩm sanh.

LUẬN RẰNG:

Xét kỹ chú ý của ba bộ kinh163, đều chọn hạnh Niệm Phật trong các hạnh làm chỉ thú. Trước nhất, trong kinh Vô Lượng Thọ có ba tuyển chọn là: tuyển chọn bản nguyện, tuyển chọn khen ngợi, tuyển chọn giáo pháp để lưu. Tuyển chọn bản nguyện, tức pháp Niệm Phật này là hạnh vãng sanh mà Tì-kheo Pháp Tạng164 đã tuyển chọn từ hai trăm mười ức cõi Phật, như đã trình bày kỹ ở trên. Tuyển chọn khen ngợi, trong ba bậc vãng sanh nói ở trên, tuy có nêu đủ các hạnh như phát tâm Bồ-đề... nhưng Đức Thích-ca không khen ngợi, chỉ khen ngợi hạnh Niệm Phật rằng: "Nên biết, dù chỉ một niệm cũng có công đức vô thượng". Tuyển chọn giáo pháp để lưu, tuy nêu các hạnh thiện, nhưng Đức Thích-ca chỉ chọn một pháp Niệm Phật để lưu lại đời sau.

Trong Quán Kinh cũng có ba loại tuyển chọn: tuyển chọn nhiếp thủ, tuyển chọn Hóa Phật tán thán, tuyển chọn phó chúc. Tuyển chọn nhiếp thủ, trong Quán Kinh tuy nói các hạnh Định-Tán, nhưng ánh sáng của Đức A-di-đà chỉ chiếu đến chúng sanh niệm Phật, giữ lấy không lìa bỏ. Tuyển chọn Hóa Phật khen ngợi, hàng Hạ phẩm thượng sanh tuy có thực hành hai hạnh là nghe kinh và niệm Phật, nhưng Hóa Phật A-di-đà chỉ chọn người niệm Phật mà khen ngợi rằng: "Vì ngươi xưng niệm danh hiệu Phật, các tội tiêu diệt, nên nay ta đến đón ngươi". Tuyển chọn phó chúc, kinh tuy nói đầy đủ hai thiện Định- Tán, nhưng chỉ phó chúc một hạnh Niệm Phật mà thôi.

Kinh A-di-đà có một loại tuyển chọn là tuyển chọn chứng thực. Các kinh khác tuy nói rất nhiều hạnh vãng sanh, nhưng các Đức Phật trong sáu phương không chứng thực. Đến khi thuyết hạnh Niệm Phật vãng sanh trong kinh này, vô lượng các Đức Phật trong sáu phương

163 Ba bộ kinh: ba bộ kinh của tông Tịnh Độ, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ và kinh A-di-đà (Tiểu bản) 164 Tì-kheo Pháp Tạng : tên của Đức Phật A-di-đà khi còn làm vị Tì-kheo xuất gia tu hành trong chúng hội của Đức Phật Thế Tự Tại Vương thời quá khứ.

mới hiện tướng lưỡi rộng dài che phủ cả tam thiên đại thiên thế giới nói lời thành thật để chứng thực cho việc này.

Kinh Bát-chu Tam-muội có một loại tuyển chọn là tuyển chọn "ngã danh". Phật A-di-đà tự nói rằng: "Nếu muốn sanh đến nước ta, thì nên luôn niệm danh hiệu ta (ngã danh) không dừng nghỉ.

Bốn loại tuyển chọn: Bản nguyện, nhiếp thủ, ngã danh, Hóa Phật tán thán là của Đức Phật A-di-đà tuyển chọn. Ba loại tuyển chọn còn lại là của Đức Thích-ca tuyển chọn. Thế thì Đức Phật Thích-ca, A-di- đà và vô lượng các Đức Phật trong sáu phương đồng tâm chọn một hạnh Niệm Phật. Cho nên biết, ba kinh đều chọn Niệm Phật làm tông chỉ.

Phàm muốn chóng xa lìa sanh tử, cần phải bỏ Thánh đạo môn mà vào Tịnh độ môn. Trong Tịnh độ môn nên bỏ Tạp hạnh mà tu Chánh hạnh. Trong Chánh hạnh cần phải gác qua Trợ nghiệp mà chọn lấy Chánh định nghiệp. Chánh định nghiệp tức là xưng niệm danh hiệu Phật. Hễ xưng danh liền được vãng sanh, vì nhờ sức bản nguyện của Phật.

Hỏi: Các sư tông Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Chân Ngôn, Thiền,
Tam Luận, Pháp Tướng đều có soạn những sớ giải cho pháp môn
Tịnh Độ, vì sao không y cứ mà chỉ sử dụng các tác phẩm của ngài
Thiện Đạo?
Đáp: Các sư kia tuy có soạn sớ giải cho pháp môn Tịnh Độ, nhưng không chọn Tịnh Độ làm tông chỉ, mà lấy Thánh đạo môn làm tông. Cho nên ở đây chỉ căn cứ theo chủ trương của ngài Thiện Đạo.

Hỏi: Tổ sư tông Tịnh Độ rất nhiều như: Ngài Ca Tài ở chủa Hoằng Pháp, Tam tạng Từ Mẫn ... vì sao không y cứ mà chỉ theo ngài Thiện Đạo?

Đáp: Các sư ấy tuy là tông tổ, nhưng chưa đạt được tam -muội,

còn ngài Thiện Đạo đã đạt Tam-muội. Đối với đạo đã có chỗ chứng ngộ, cho nên mới y cứ.

Hỏi: Nếu căn cứ theo việc đạt tam-muội, thì thiền sư Hoài Cảm cũng đã phát khởi tam-muội, sao không y cứ?

Đáp: Hòa-thượng Thiện Đạo là thầy, thiền sư Hoài Cảm lả đệ tử. Vì thế nương theo thầy, không nương theo đệ tử, huống gì sự giải thích giữa thầy và trò có nhiều khác biệt. Cho nên không y cứ.

Hỏi: Nếu nói y cứ theo thầy chứ không theo đệ tử, vậy thiền sư Đạo Xước là thầy của hòa-thượng Thiện Đạo, lại là tổ sư của tông Tịnh Độ, vì sao không y cứ?

Đáp: Ngài Đạo Xước tuy là thầy, nhưng chưa phát tam-muội, chẳng biết mình được vãng sanh hay không, mới hỏi Thiện Đạo rằng: “Đạo Xước niệm Phật có được vãng sanh chăng?”. Sư bảo đặt một đóa sen trước Phật rồi hành đạo bảy ngày, nếu hoa không héo thì được vãng sanh. Ngài Đạo Xước làm theo, quả nhiên trải qua bảy ngày mà hoa không úa vàng. Ngài Đạo Xước khen Sư đã đạt đến chỗ sâu xa. Nhân đó thỉnh Sư nhập định quán xem sẽ được vãng sanh chăng. Sư liền vào định, chốc lát bảo rằng: “Thầy cần phải sám hối ba tội mới được vãng sanh. Một là thầy đặt tôn tượng Phật nơi phòng dưới mái hiên, còn mình thì ở trong phòng sâu. Hai là thường sai khiến người xuất gia. Ba là xây dựng phòng ốc, nhà cửa làm tổn thương các loài côn trùng. Thầy nên đối trước các Đức Phật trong mười phương sám hối tội thứ nhất; đối trước tăng bốn phương, sám hối tội thứ hai; đối trước tất cả chúng sanh, sám hối tội thứ ba. Ngài Đạo Xước lắng tâm xét lại lỗi xưa, rồi nói: “Không sai!”. Thế là Đạo Xước tẩy tâm sám hối. Sau đó đến gặp Sư, Sư nói: “Tội của thầy đã diệt. Về sau, khi có luồng ánh sáng trắng chiếu soi, đó là tướng Thầy vãng sanh” (trích trong Tân Tu Vãng Sanh Truyện). Như thế biết được hòa-thượng Thiện Đạo đã đạt tam-muội, đủ năng lực làm thầy, hàng

phàm phu đâu thể biết được giải hạnh của Sư. Huống gì người đời thường nói: “Từ khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc đến nay,

vẫn chưa xuất hiện bậc thiền sư có đức lớn”. Như thế, danh tiếng tuyệt luân của Sư không thể tán dương hết. Lại thêm lúc soạn sớ giải cho Quán Kinh, cảm được điềm lành, nhiều lần được chư thánh điểm hóa. Đã được các Thánh âm thầm gia hộ mà soạn, cho nên tăng tục thời bấy giờ gọi bộ kinh sớ này là Chứng Định Sớ, mọi người quý trọng như kinh của Phật.

Như trong phần cuối quyển 4, Quán Kinh Sớ, Sư thưa rằng: “Kính bạch tất cả các bậc tri thức hữu duyên! Tôi là phàm phu trong chốn tử sanh, trí huệ nông cạn, mà giáo pháp của Phật thì sâu xa, đâu dám tự ý sanh kiến giải khác. Do đó, tôi biểu đạt ý nguyện, cầu thỉnh chư Thánh hiển linh chứng nghiệm, ngõ hầu đạt đến chỗ sâu xa. Nam-mô qui mạng tận hư không biến pháp giới tất cả Tam bảo, Đức Phật Thích-ca, Đức Phật A-di-đà, Đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, đại hải chúng Bồ-tát và tất cả tướng trang nghiêm ở cõi kia ! Ngày hôm nay con muốn giải thích yếu nghĩa kinh này, làm phép tắc cho mai sau. Nếu hợp với bản nguyện đại bi của các Đức Phật trong ba đời, Đức Thích-ca, Đức A-di-đà...thì cầu xin trong mộng thấy được các cảnh giới như con đã nguyện ở trên”.

Trước tôn tượng Phật cầu nguyện rồi, hằng ngày ta tụng ba biến kinh A-di-đà, niệm ba vạn biến danh hiệu A-di-đà Phật và chí thành phát nguyện. Trong một đêm, ta mộng thấy các tướng cảnh giới như nguyện hiện ra rõ ràng trên không trung ở phương Tây. Nào là trăm lớp, ngàn lớp núi báu nhiều màu sắc phát ra vô lượng ánh sáng rực rỡ chiếu xuống mặt đất; mặt đất như vàng ròng, trên đó có các Đức Phật và Bồ-tát, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc nói, hoặc im lặng, hoặc cử động, hoặc đứng yên. Khi thấy như vậy, ta đứng quán sát hồi lâu mới tỉnh thức. Sau khi thức, lòng ta vô cùng vui mừng liền biên soạn Nghĩa môn165. Từ đó về sau, hằng đêm ta thường mộng thấy một vị Tăng đến chỉ bày khoa văn166. Sau khi xong thì không còn thấy nữa. Khi soạn xong, ta lại chí tâm định kỳ hạn bảy ngày, mỗi ngày tụng

165
Nghĩa môn: các nghĩa lý sai biệt. Ở đây chỉ cho việc biên soạn Quán Kinh Sớ.
166
Khoa văn: phân chia chương đoạn, khi soạn một bộ sớ.
mười biến kinh A-di-đà, niệm danh hiệu Phật A-di-đà ba vạn biến. Đầu đêm, cuối đêm quán tưởng các tướng trang nghiêm của cõi Phật ấy, thành tâm qui mạng tất cả, nhất nhất đều thực hành như đã nói trên. Đêm thứ nhất, ta thấy ba cái cối xay bằng sức nước đang tự xoay bên đường, rồi bỗng nhiên có một người cưỡi lạc đà trắng đến khuyên: “Sư nên nỗ lực, nhất định vãng sanh, chớ lui sụt ! Cõi này xấu ác, khổ nhiều, không nên nhọc lòng ưa thích”.

Ta đáp: “Được Hiền giả có lòng tốt chỉ dạy, tôi xin lấy cái chết làm kỳ hạnh, không dám sanh tâm biếng trễ... Đêm thứ hai, ta thấy Đức Phật A-di-đà, thân màu vàng ròng, ngồi trên tòa sen vàng nơi cội cây bảy báu, có mười vị Tăng vây quanh, mỗi mỗi cũng ngồi

nơi cội cây báu. Trên cây nơi Đức Phật ngồi có y trời treo quanh. Ta ngồi chắp tay, mặt quay về hướng Tây mà nhìn. Đêm thứ ba, ta thấy hai trụ rất lớn và cao vút, treo tràng phan năm màu, đường sá ngang dọc, người xem rất đông. Thấy các tướng này, ta liền thôi, không tiếp tục đến trọn bảy ngày. Các linh tướng ta thấy ở trên vốn là vì chúng sanh, chớ không phải vì mình, cho nên chẳng dám che dấu, mà ghi lại sau bộ sớ này, mong truyền đến đời sau. Nguyện cho tất cả những ai nghe được, phát khởi lòng tin, hoặc thấy được mà quy hướng Tây phương. Nguyện đem công đức này hồi hướng cho tất cả chúng sanh đều phát tâm Bồ-đề, đối xử với nhau bằng lòng từ, nhìn nhau bằng mắt Phật, quyến thuộc Bồ-đề là thiện tri thức chân thật. Nguyện cho tất cả chúng sanh đồng trờ về cõi Phật, đồng thành Phật đạo".

Bộ Sớ giải này đã cầu thỉnh Phật, Thánh chứng minh, xác định xong, không thể thêm bớt một lời, một câu. Nếu ai muốn sao chép, nhất nhất phải y như pháp chép kinh.

Kinh nghĩ rằng: Quán Kinh Sớ của hòa-thượng Thiện Đạo chính là kim chỉ nam của giáo Tây Phương, là phương tiện không thể thiếu của hành giả Tịnh độ. Vậy hành giả Tịnh độ cần phải quí kính. Trong lời kể: Mỗi đêm mộng thấy một vị Tăng chỉ dạy huyền

nghĩa167. Vị Tăng này e là Đức A-di-đà ứng hiện. Như thế các vị nên cho rằng bộ sớ giải này là do Đức A-di-đà truyền dạy. Huống gì, vào thời Đường, người người truyền rằng ngài Thiện Đạo là hóa thân của Phật A-di-đà. Thế thì các vị nên cho rằng văn sớ này là do chính Đức A-di-đà thuyết. Đã nói: "Muốn sao chép, nhất nhất phải nên y như pháp chép kinh", thì biết đây là lời chân thật vậy. Ngưỡng tìm về Bản địa168 thì Ngài chính là Pháp vương của bốn mươi tám nguyện, lời xướng niệm Phật của bậc Thập kiếp chánh giác thật có bằng chứng; cúi hỏi đến Thủy tích thì đây chính là Đạo sư chuyên tu niệm Phật, lời vãng sanh của bậc đạt Tam-muội chánh thọ thật chẳng nghi. Bản- Tích tuy khác, nhưng con đường giáo hóa chẳng hai. Lúc ấy bần đạo xem đọc sớ văn, tạm hiểu được bản ý, quyết định bỏ các hạnh khác mà trở về niệm Phật. Từ đó đến nay, dù tự tu hay độ người đều chọn lấy môn Niệm Phật. Cho nên, chỉ rõ bến bờ chung Tây phương cho người tham học, dạy khuyên biệt hạnh Niệm Phật cho những người thích hành trì. Người tin pháp này thì nhiều, người không tin rất ít.

Nên biết giáo pháp Tịnh Độ hợp thời cơ mà đang lưu thông, hạnh nghiệp Niệm Phật cảm đến triều đình mà tiến thoái. Nhưng nay chẳng vì mong được kính ngưỡng, mà vì không thể chối từ, mới gom chép những văn từ và nghĩa lý cốt yếu của môn Niệm Phật. Tôi chỉ quan tâm đến chỉ thú mà không kể mình là kẻ bất tài, thật là không biết hổ thẹn ! Mong rằng mọi người một khi xem qua liền chôn kỹ nơi chân tường, chớ sơ suất để bên song cửa, khiến cho người phá pháp phải rơi vảo đường ác !

Nguyên Không Pháp Nhiên thuật.

167

Huyền nghĩa: nghĩa lý sâu xa, nhiệm mầu.

168

Bản địa: pháp thân thật tướng của các Đức Phật và Bồ-tát. Còn Phân thân ứng hiện tùy cơ hóa độ chúng sanh gọi là thân Thủy tích.

LỜI TỰA KHẮC IN

Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập do Tổ sư ta là hòa- thượng Nguyên Không soạn theo lời thỉnh cầu của Nguyệt Luân điện hạ (Đằng Nguyên Kiêm Thực). Tập sách này gồm có bốn bản: Một là cảo bản, tức là bản chỉ luận giải ba bộ kinh Tịnh độ; hai là sách bản, tức là bản trình cho Điện hạ và đại sư Nguyên Quang; ba là chánh bản, tức là bản hiệu đính lần cuối, cho khắc in lưu thông, Bình Thị (Bình Triều Cơ Thân) viết lời tựa; bốn là quảng bản tức là bản được các đệ tử tăng bổ, chỉnh sửa văn từ. Bản thứ nhất và bản sau cùng không lưu truyền, chỉ in ấn phát hành bản thứ hai và ba.

Xét rằng, Tổ ta vào tháng 11 năm Tân Mùi, niên hiệu Kiến Lịch, từ Nhiếp Tân trở về Lạc Dương, mà Bình Thị viết lời tựa vào hạ tuần tháng ấy. Như thế thì biết, bản thứ ba được hiệu đính và in ấn lưu thông là chủ ý của Tổ, nên lấy làm chánh bản. Đến năm Diên Ứng thứ nhất có người khắc in lại bản thứ hai, trong lời bạt ghi là y cứ vào nguyên bản và chỉnh sửa những chỗ sai sót. Ý nghĩa là từ bản Kiến Lịch, nhưng nghi là do môn nhân đệ tử thực hiện. Tổ thường khuyên nên cho lưu truyền rộng rãi sách này, nhưng đâu có lý nào Tổ còn tại thế mà đệ tử lại sửa càn và tự ý khắc in ư? Hơn nữa, người ghi chú dùng bản thứ hai làm bản chính, nhưng lại lấy bản Kiến Lịch để đối chứng mà định câu chữ đúng sai. Như thế há chẳng phải là sửa lại hay sao? Nhưng những bản khắc in từ sau niên hiệu Kiến Trường đều theo bản Diên Ứng, là thế nào đây?

Nay muốn khắc in lại bản Kiến Lịch để lưu hành ở đời. Bạch Dự Đại hòa-thượng ở bản sơn Tri Ân vừa nghe việc này đã vô cùng khen ngợi, quyên góp tài vật, đốc thúc khắc in. Sau khi in xong, cất giữ cẩn thận tại bản sơn169.

Tôi kính ghi nhân duyên tại cuối sách và tùy hỉ công đức các bậc

169 Bản sơn: chùa chính, chùa gốc của một tông phái ở Nhật Bản, có nhiệm vụ quản lý các ngôi chùa chi nhánh (mạt sơn).

Tôn túc đã quyên góp tư tài khắc in tập sách nổi tiếng này: Hòa- thượng Siêu Dự viện Thanh Tịnh Hoa ở Lạc Dương, hòa-thượng Huyền Dự chùa Tri Ân ở Trường Đức Sơn, hòa-thượng Huân Dự chùa Quang Minh ở Từ Vân Sơn, hòa-thượng Thuần Cách chùa Thệ Nguyện ở Lạc Dương.

Ngày 25 tháng Giêng năm Bính Tí, niên hiệu Nguyên Lộc thứ nhất, sa-môn Nghĩa Sơn quyên góp khắc in.

YẾU NGHĨA

KINH VÔ LƯỢNG THỌ

I. Đại ý kinh

Sở dĩ Đức Phật Thích-ca bỏ cõi Tịnh mà về trụ nơi cõi uế, là vì muốn nói giáo pháp Tịnh độ khuyến dụ chúng sanh sanh về cõi Tịnh. Đức A-di-đà lìa cõi Uế đến cõi Tịnh, là muốn tiếp dẫn chúng sanh sanh về cõi Tịnh. Đó chính là bản ý nhiếp thủ Tịnh độ, xuất hưng Uế độ của các Đức Phật. Hòa-thượng Thiện Đạo nói rằng : “Đức Thích- ca ở phương này đưa tiễn, Đức A-di-đà tại cõi kia đến đón tiếp. Nơi kia kêu gọi, nơi đây tiễn

đưa. Đây chính là đại ý của kinh.

II. Lập giáo khai tông

Các tông phái lập giáo khác nhau. Trong đó tông Pháp Tướng lập ba thời, tông Tam Luận lập hai tạng, tông Thiên Thai lập bốn giáo năm thời, tông Hoa Nghiêm lập năm giáo mười tông, tông Chân Ngôn lập hai giáo và mười trụ tâm. Riêng việc lập giáo của tông này, thiền sư Đạo Xước lập hai giáo để phán định giáo pháp trong một đời của Đức Phật, đó là Thánh đạo môn và Tịnh độ môn. Thánh đạo môn gồm Đại thừa, Tiểu thừa, Hiển giáo, Mật giáo. Tịnh độ môn, gồm những kinh điển nói về pháp vãng sanh Tịnh độ trong Đại thừa, còn trong giáo Tiểu thừa hoàn toàn không nói đến Tịnh độ môn. Kinh này thuộc về giáo Tịnh Độ. Theo Thánh đạo Tam thừa, Tứ thừa thì nay đúng vào thời kỳ Chánh và Tượng đã qua, Mạt pháp đang đến, chỉ có giáo pháp suông mà không có người tu hành chứng ngộ. Cho nên chúng sanh thời Mạt pháp mà mong cầu đoạn phiền não, chứng đắc chân lý, nhập thánh đạo, chứng quả, hẳn thật khó. Thế thì chúng sanh thời ác trược lấy gì để xa lìa sanh tử? Tu tập pháp môn Vãng sanh tịnh độ, dù chưa đoạn sạch vô minh phiền não, nhưng chỉ cần nương theo nguyện lực của Đức Phật A-di-đà, nhất định sẽ vượt khỏi ba cõi, vĩnh viễn xa lìa sanh tử. Về sự tích vãng sanh được ghi chép rất nhiều trong các bộ truyện ký. Cho nên biết, Vãng sanh Tịnh độ là

pháp môn chưa đoạn phiền não mà có thể vượt ba cõi. Vào thời Mạt pháp, ngoài môn Vãng sanh Tịnh độ ra, không có pháp môn nào có thể giúp người thoát sanh tử. Cho nên muốn chóng thoát cảnh ma năm trược, vượt hai loại tử khổ, thì cần phải trở về Tịnh độ môn. Thiền sư Đạo Xước giải thích kinh này là cắt ngưng năm đường. An Lạc Tập quyển hạ ghi: “Nếu căn cứ theo việc tu tập đối trị, đoạn trừ ở cõi này thì trước phải đoạn Kiến hoặc170”, lìa nhân ba đường, dứt quả ba đường. Sau đó mới đoạn Tu hoặc171, lìa nhân trời người, dứt quả trời người. Đó là theo thứ tự đoạn trừ, không phải là cắt ngang năm đường ác. Nếu được sanh về cõi Tịnh của Đức A-di-đà, thì tức thời lìa bỏ năm đường ác tức đoạn quả, năm đường tự nhiên đóng, tức đoạn nhân”.

Các tông Thiên Thai, Chân Ngôn đều cho mình là đốn giáo, nhưng phải đoạn phiền não mới chứng chân lý, cho nên cũng còn là tiệm. Chỉ có giáo này mới nói về phàm phu chưa đoạn phiền não mà ra khỏi đêm dài sanh tử. Cho nên giáo này là đốn trong đốn vậy.

III. Bản-Mạt của giáo Tịnh độ

Giáo Vãng sanh có căn bản và chi mạt. Như tông Chân Ngôn có kinh Tì-lô-giá-na là bộ kinh căn bản, Tạp bộ là chi mạt. Giáo Tịnh độ cũng như vậy, kinh này là căn bản, các kinh khác phụ nói về giáo vãng sanh đều là chi mạt. Kinh này là giáo chánh vãng sanh, các kinh khác là giáo phụ vãng sanh. Kinh này là giáo Hữu công vãng sanh, các kinh khác là giáo Vô công vãng sanh. Kinh này là giáo Cụ túc vãng sanh, các kinh khác là giáo Bất cụ túc vãng sanh ...

IV. Giải thích tên kinh

PHẬT THUYẾT VÔ LƯỢNG THỌ KINH, Phật là âm Phạn,

170 Kiến hoặc: những phiền não đươc đoạn trừ khi kiến đạo. Kiến hoặc gồm mười món: thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cầm thủ kiến, tham, sân, si, mạn, nghi. 171 Tu hoặc: cũng gọi là Tư hoặc, là những phiền não đươc đoạn trừ khi tu đạo. Tu hoặc gồm 81 phẩm, hiện khắp trong ba cõi.

Trung Quốc dịch là Giác. Vì tự giác, giác tha, giác hạnh đã viên mãn, nên gọi là Phật. Ở đây chính là Đức Thích-ca năng thuyết, cũng là nêu hiệu chung để hiển rõ thể riêng. Thuyết tức là dùng miệng trình bày, lấy danh cú làm thể. Vô Lượng Thọ tức là tên của Đức Phật sở thuyết, tiếng Phạn là A-di-đà, Trung Quốc dịch là Vô Lượng Thọ. Kinh, tiếng Phạn là Tu-đa-la, Trung Quốc dịch là tuyến (sợi chỉ dọc). Lời của bậc thánh xuyên suốt các pháp giống như sợi chỉ xâu giữ các đóa hoa, không để cho rơi rớt mất. Đây chính là dùng dụ để lập danh. Tuyến có công năng xâu hoa, kinh có công năng giữ sợi chỉ ngang, công dụng như nhau, cho nên cũng gọi là kinh. Kinh này nói về công đức nguyện nhân và chứng quả của Đức Phật A-di-đà, cho nên gọi là kinh Vô Lượng Thọ.

YẾU NGHĨA

KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ

I. Chú ý thuyết kinh

Kinh Vô Lượng Thọ tuy nói việc tu nhân cảm quả của Đức A-di- đà chủ giáo hóa, nhưng chưa nói đến việc tu nhân, cảm quả của hành giả được giáo hóa. Kinh Vô Lượng Thọ tuy đã nói ba phẩm vãng sanh, nhưng chưa nói đến ý nghĩa chín phẩm. Kinh này chia ba phẩm thành chín phẩm, đó là chủ ý. Lại có rất nhiều ý khác, ở đây chỉ nêu một, hai ý như thế mà thôi.

II. Giải thích tên kinh

PHẬT THUYẾT QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ KINH, Phật là giáo chủ năng thuyết. Thuyết, tức là giáo pháp được giáo chủ nói ra, đó là Định thiện và Tán thiện. Để phân biệt không phải là các Bồ-tát, Thánh đệ tử và các ngoại đạo thuyết, cho nên mới nói “Phật thuyết”. Quán, tức là năng quán, gồm chung mười ba pháp quán. Vô Lượng Thọ, tức là cảnh sở quán, chỉ riêng cho cảnh quán thứ chín. Tuy có mười ba, nhưng chỉ nêu một danh hiệu Vô Lượng Thọ là đã gồm thâu tất cả. Vì sao? Vì Vô Lượng Thọ là thân chánh báo của Đức A-di-đà Như Lai, giáo chủ cõi ấy, đã có chánh báo tức có cây báu, ao báu ... y báo. Cho nên chỉ nêu chánh báo mà gồm thâu cả y báo. Hơn nữa, Vô Lượng Thọ là giáo chủ cõi ấy, đã có giáo chủ ắt sẽ có các bồ-tát quyến thuộc Quán Thế Âm, Đại Thế Chí ... Cho nên nêu chủ mà gồm thâu quyến thuộc. Kinh gồm các nghĩa: quán (xuyên suốt), tuyến (giữ gìn), thường (thường hằng), pháp (phép tắc sanh giải ngộ).

III. Phân biệt Định thiện và Tán thiện

Nhân của hành nghiệp vãng sanh tuy rất nhiều, nhưng không ngoài Định và Tán. Định tức bặt suy nghĩ để lắng tâm, Tán tức lìa ác tu thiện. Định thiện gồm có mười ba pháp quán, từ pháp quán mặt

trời đến pháp tạp tưởng. Tán thiện gồm ba phước và hành nghiệp của chín phẩm.

Nguyên Không Pháp Nhiên

YẾU NGHĨA KINH A DI ĐÀ

I. Nền tảng của giáo vãng sanh

Kinh này là nền tảng của giáo vãng sanh Cực lạc. Yếu chỉ vãng sanh Cực lạc được nói nhiều trong các kinh luận, nhưng chỉ có kinh Vô Lượng Thọ, kinh A-di-đà và kinh Quán Vô Lượng Thọ là luận đến chỗ cùng tột. Vì sao biết được như thế? Vì có sáu đoạn văn sau đây:

1. Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ của hoà-thượng Thiện Đạo: Khi giải thích phần Chánh hạnh chuyên tu, bản kinh sớ này ghi: "Nhất tâm chuyên đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ và kinh A-di-đà ". Nay căn cứ theo đoạn văn này, thì hành giả cầu sanh Tây phương nên chuyên tâm đọc tụng ba bộ kinh trên.

2. Luận Thập Nghi của đại sư Thiên Thai Trí Giả: Đoạn nghi thứ tư trong luận này ghi: Hỏi: Vì sao không niệm bất cứ một Đức Phật nào trong cõi Tịnh ở mười phương, mà chỉ chọn niệm Đức Phật A-di- đà? Đáp: Vì hàng phàm phu vô trí, không dám tự ý, chỉ biết vâng theo lời Phật dạy. Cho nên chỉ niệm Đức Phật A-di-đà". Thế nào là nghe lời Phật dạy? Đức Thích-ca thuyết pháp trong một đời, bất cứ nơi nào giáo pháp của Ngài cũng chỉ khuyên chúng sanh chuyên tâm niệm Phật, cầu sanh về thế giới Cực lạc ở phương Tây. Như hơn mấy mươi bộ kinh luận: Kinh A-di-đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, Luận Vãng Sanh ... đều thiết tha chỉ bày, khuyên cầu sanh Tây phương Tịnh độ. Vì thế chỉ niệm Đức Phật A-di-đà . Hơn nữa, chỉ riêng Đức Phật A-di-đà mới có bốn mươi tám nguyện đại bi, tiếp dẫn chúng sanh. Quán Kinh ghi: "Đức Phật A-di-đà có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi một tướng lại có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp tùy hình, từ mỗi vẻ đẹp phóng ra tám vạn bốn ngàn tia sáng, mỗi một tia sáng lại chiếu khắp pháp giới, nhiếp giữ những chúng sanh niệm Phật, không bao giờ lìa bỏ. Nếu có người niệm thì cơ cảm tương ứng, nhất định được vãng sanh". Nay theo văn này, thì các đạo tục cầu vãng sanh nên học ba bộ kinh: Kinh A-di-đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ, và một bộ Luận Vãng Sanh ...

3. Tây Phương Yếu Quyết của đại sư Khuy Cơ: Trong phần nói về Cung kính tu trong Tứ tu ghi: "Cung kính tu có năm trường hợp:

a. Cung kính những bậc Thánh có duyên: Lúc đi đứng nằm ngồi không xoay lưng về phương Tây; hỉ mũi, khạc nhổ, đại tiểu tiện không hướng về Tây.

b. Cung kính kinh tượng có duyên: Cung kính tượng, tức là tạo tượng biến tướng A-di-đà Tây phương . Nếu không thể tạo lớn và đầy đủ các Tôn vị, thì chỉ cần vẽ một Đức Phật và hai vị Bồ-tát cũng được. Về giáo thì dùng bọc năm màu giữ các kinh A-di-đà ... đồng thời tự mình đọc tụng, khuyên dạy người đọc tụng. Tôn trí tượng trong phòng, ngày đêm sáu thời lễ bái sám hối, đốt hương, dâng hoa cúng dường, đặc biệt trân trọng tôn kính.

c. Cung kính thiện tri thức có duyên: Nếu có người tuyên dương giáo nghĩa Tịnh độ, dù xa ngàn dặm cũng phải gần gũi, cung kính cúng dường. Đối với những vị tu các pháp

môn khác cũng phải xem chính như mình, càng phải tôn trọng. Nếu khinh thường sẽ bị tội nặng, cho nên cần phải cung kính hết thảy để trừ chướng ngại.

d. Cung kính bạn đồng tu: một mình tu tập, do chướng sâu nặng nên đạo nghiệp khó thành tựu, vì thế cần phải nhờ vào bạn tốt phò nguy, cứu nạn, trợ giúp lẫn nhau. Bạn đồng tu chính là duyên lành, nên cần phải xem trọng.

e. Cung kính Tam bảo: Đồng thể Tam bảo, Biệt tướng Tam bảo và Trụ trì Tam bảo đương nhiên phải vô cùng cung kính, ở đây không cần trình bày.

Theo đoạn văn trên thì hành giả Tịnh độ phải cung kính tượng Đức Phật A-di-đà, phải chuyên đọc tụng kinh A-di-đà ... Như vậy, đại sư Khuy Cơ cũng khuyên người cầu vãng sanh nên lấy việc chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà và đọc tụng kinh này làm nền tảng.

4. Luận Tịnh Độ của ngài Ca Tài: trong luận này đã dẫn dụng mười hai bộ kinh và bảy bộ luận để chứng thực cho giáo vãng sanh Tịnh độ. Mười hai kinh: Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, A-di- đà ... bảy luận: Vãng Sanh, Khởi Tín ...

5. Trí Cảnh Sớ: chủ trương cũng đồng với Ca Tài.

6. Vãng Sanh Yếu Tập của ngài Huệ Tâm Nguyên Tín: trong tập sách này dẫn dụng Luận Thập Nghi của ngài Trí Khải và Luận Tịnh Độ của ngài Ca Tài để minh chứng.

Như thế biết rằng, có rất nhiều kinh luận nói về giáo nghĩa vãng sanh Tây phương Cực lạc, nhưng ba bộ kinh này là thiết yếu nhất.

II. Luận về sự hơn và kém của hai hạnh

Trong Vãng Sanh Yếu Tập chia hành nghiệp vãng sanh làm hai môn là Niệm Phật và Chư hạnh (các hạnh), lại lập ra mười môn để trình bày về hạnh Niệm Phật. Trong môn thứ tám là Niệm Phật chứng cứ, dùng Niệm Phật đối với Chư hạnh mà đưa ba phen hỏi đáp.

Hỏi: Tất cả nghiệp thiện đều có lợi ích, mỗi mỗi đều có thể trợ giúp vãng sanh, vì sao chỉ khuyên một môn Niệm Phật?

Đáp: Nay khuyên niệm Phật, không phải là ngăn, không cho thực hành các hạnh thiện quí báu khác. Chỉ vì môn Niệm Phật dễ thực hành đối với tất cả các thành phần nam nữ, giàu nghèo, tăng tục, thuận tiện trong mọi oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, đồng thời thích hợp mọi lúc, mọi nơi. Cho đến lúc lâm chung nguyện cầu vãng sanh được như nguyện, tất cả không gì hơn môn Niệm Phật. Cho nên kinh Mộc hoạn ghi: “Vua Ba-lưu-li nước Nan-đà sai sứ giả đến thưa Đức Phật rằng: ‘Kính xin đức Thế Tôn rủ lòng thương xót ban cho con pháp yếu, để ngày đêm con có thể dễ dàng hành trì, hầu trong đời tương lai, con xa lìa các khổ !’

Đức Phật dạy: ‘Này Đại vương! Nếu muốn diệt trừ phiền não chướng172, báo chướng173, thì nên dùng hạt Mộc hoạn xâu thành vòng chuỗi một trăm lẻ tám hạt, luôn mang theo bên thân, đi đứng nằm ngồi hằng chí tâm, chuyên tâm, không tán loạn xưng niệm Phật-đà (Phật), Đạt-ma (Pháp), Tăng-già (Tăng). Một niệm xưng danh thì lần

một hạt; cứ như thế hoặc mười, hoặc trăm, ngàn, vạn ... Nếu đủ hai mươi vạn biến mà thân tâm không loạn, không còn tà vạy, thì sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời thứ ba là Viêm-ma thiên174 hưởng thọ niềm an lạc, y phục tự nhiên đến. Nếu niệm đủ một trăm vạn biến thì trừ được một trăm lẻ tám món phiền não, ngược dòng sanh tử, hướng đến niết-bàn, đạt được đạo quả Vô thượng". Huống gì trong Thánh giáo, rất nhiều nơi lấy môn Niệm Phật làm hành nghiệp vãng sanh. Nay lược nêu mười đoạn văn để minh chứng.

* Kinh Chiêm Sát quyển hạ ghi: "Nếu người nào muốn sanh về cõi Tịnh hiện tại ở phương khác, thì nên chuyên tâm tụng niệm danh hiệu Đức Phật thế giới ấy, đồng thời nhất tâm không loạn, quán tưởng như trên. Người ấy nhất định sẽ được sanh về cõi nước ấy, căn lành tăng trưởng, chóng thành tựu ngôi vị Bất thoái".

* Kinh Vô Lượng Thọ ghi: "Hành nghiệp của ba bậc vãng sanh, tuy có sâu cạn khác nhau, nhưng đều nói: Một bề chuyên niệm danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ".

* Trong Bốn mươi tám nguyện, có phát một nguyện riêng về niệm Phật: "Dù chỉ mười niệm, nếu chẳng được sanh , ta không giữ ngôi Chánh giác".

172 Phiền não chướng: những phiền não làm chướng ngại Thánh đạo, khiến người không thể đạt đến Niết-bàn. 173 Báo chướng: quả báo sanh vào địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, phỉ báng chánh pháp, làm chướng ngại Thánh đạo. Có thể sanh vào cõi trời, nhưng không tin Phật pháp thì cũng là Báo chướng. 174 Viêm-ma thiên: Phạn: Yama, Tây Tạng: Gsin-rje. Tầng trời thứ ba thuộc cõi Dục, trên cõi trời Đao-lợi và dưới cõi Đâu-suất. Vị Thiên vương này là một trong tám vị trời hộ thế.

* Quán Kinh có ba đoạn:

- "Đối với người phạm tội cực nặng, không có cách nào khác, ngoài việc xưng niệm danh hiệu A-di-đà để được vãng sanh Cực lạc"

- "Nếu người một lòng muốn sanh về Tây phương, nên quán tưởng tượng Đức Phật cao một trượng sáu ngự trong ao sen".

- "Ánh sáng chiếu khắp các thế giới trong mười phương, nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật, không bao giờ buông bỏ".

* Kinh A-di-đà ghi: "Không thể với nhân duyên một ít phước đức căn lành mà được vãng sanh nước ấy. Nếu có người nam, người nữ thiện lương nào nghe nói đến danh hiệu của Đức Phật A-di-đà mà nhớ nghĩ từ một ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm không loạn, người này lúc sắp chết sẽ được Đức A-di-đà và các Thánh hiện đến trước mặt. Đến lúc chết, tâm người này không điên đảo, nên liền được vãng sanh".

* Kinh Bát-chu Tam-muội ghi: "Phật A-di-đà nói: Nếu muốn sanh vào cõi nước của ta, thì nên niệm danh hiệu ta. Phải chuyên niệm, không giàn đoạn. Như vậy sẽ được sanh vào cõi nước của ta".

* Kinh Cổ Âm Vương ghi: "Nếu bốn chúng nhất tâm trì niệm danh hiệu Đức Phật kia, nhờ công đức này, lúc sắp chết, Đức Phật A- di-đà và đại chúng hiện đến trước mặt

khiến cho người ấy nhìn thấy. Sau khi thấy, người ấy liền được vãng sanh".

* Luận Vãng Sanh thì dùng công đức quán niệm y báo và chánh báo của Đức Phật A-di-đà làm hành nghiệp vãng sanh.

Hỏi: Không có đoạn văn kinh luận nào khuyên tin và thực hành các hạnh sao?

Đáp: Các hạnh khác nhân trình bày các công năng mà nói về

việc vãng sanh, không như hạnh Niệm Phật luận thẳng vào chỗ cốt yếu của hành nghiệp vãng sanh. Hơn nữa, Đức Phật đã dạy nên niệm danh hiệu của Ngài, lại cũng không nói ánh sáng chiếu soi, nhiếp thủ những người tu các hạnh khác. Văn kinh rõ ràng như thế, sao lại nghi ngờ? Hỏi: Các kinh đều nói tùy thuận muôn ngàn căn cơ chúng sanh, vì sao lại hạn hẹp chỉ chấp một kinh?

Đáp: Trong luận Đại Thừa Khởi Tín175 của ngài Mã Minh176 có ghi: "Những chúng sanh mới học pháp này thường hay khiếp nhược, sợ hãi, không có lòng tin, muốn thoái lui. Nên biết rằng, Như Lai có phương pháp rất khéo léo bảo vệ lòng tin cho chúng sanh, tùy thuận nhân duyên chuyên tâm niệm Phật, tùy nguyện được vãng sanh cõi Phật ở phương khác. Như trong Khế kinh ghi: "Nếu người nào chuyên tâm niệm Phật A-di-đà, giáo chủ Tây phương, và hồi hướng tất cả những nghiệp lành đã tạo, nguyện sanh về nước ấy, thì nhất định được vãng sanh". Như thế đủ biết Khế kinh phần nhiều lấy việc niệm Phật làm yếu chỉ vãng sanh. Nếu không như thế, thì không đạt tận lý của Tứ y bồ-tát177. Nói không đạt tận lý, nghĩa là tuy Phật vì muốn hợp tất cả các căn cơ, cho nên nói hai môn Niệm Phật và Chư hạnh, nhưng chưa phân biệt rõ. Tứ y luận sư xuất thế sau khi Phật đã diệt độ, suy tìm chủ ý của Phật, thuật lại hành nghiệp vãng sanh, nhưng không dạy tu Chư hạnh vãng sanh, mà chỉ khuyên niệm Phật vãng sanh. Nay bỏ Chư hạnh tùy thuận của Như Lai thì đạt được tận lý của Tứ y.

Tuy có ba câu, nhưng trong lời đáp có đến sáu nghĩa. Một là nghĩa khó dễ. Hai là nghĩa nhiều phần ít phần. Ba là nghĩa nói gián

175 Luận Đại Thừa Khởi Tín : một quyển, do Bồ-tát Mã Minh soạn, ngài Chân Đế dịch vào đời Lương, thời Nam Bắc triều, Trung Quốc. Nội dung nói về yếu chỉ Như Lai tạng duyên khởi, tướng phát tâm tu hành của Bồ-tát và phàm phu. 176 Mã Minh: Phạn: Asvaghosa, Tây Tạng: Rta-dbyans. Tổ thứ mười hai Thiền tông Ấn Độ, cũng là thi nhân Phật giáo, người ở thành Ta-chi-đa, nước Xá-vệ. 177 Tứ y bồ-tát : tức là Tứ y luận sư, chỉ cho bốn vị Đại luận sư ở Ấn Độ không xuất thế đồng thời, nhưng cũng như Phật, có thể làm nơi nương tựa cho chúng sanh. Đó là: Bồ-tát Mã Minh, Long Thọ, Đề-bà và Thiên Thân (Theo Tam Luận Du Ý Nghĩa)

tiếp và trực tiếp. Bốn là nghĩa bản nguyện và chẳng phải bản nguyện. Năm là nghĩa ánh sáng nhiếp thủ và không nhiếp thủ. Sáu là nghĩa Như Lai tùy thuận và đạt tận lý của Tứ y.

I. Chủ ý thuyết kinh

Trong Quán Kinh, đầu tiên tuy nói Chư hạnh phù hợp với tất cả cơ duyên, nhưng sau lại bỏ Chư hạnh mà trở về hạnh Niệm Phật. Nhưng trong các kinh trên, văn nói về Chư hạnh rất nhiều mà văn nói về hạnh Niệm Phật rất ít. Vì thế, hàng tu học rất dễ lầm chủ ý, phải trái khó định. Cho nên kinh này bỏ Chư hạnh, chỉ nói một hạnh Niệm Phật, để giúp cho hành giả khởi lòng tin bền chắc đối với môn Niệm Phật.

II. Giải thích tên kinh

PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH. Phật, tức là Thích Tôn, giáo chủ cõi Ta-bà đầy đủ ba thân, vạn đức. Thuyết, tức là thanh giáo178, dùng để giáo hóa chúng sanh cõi này, đầy đủ tám âm179, bốn biện180 A-di-đà, tức là hiệu của giáo chủ cõi Tây phương, được các Đức Phật trong mười phương khen ngợi. Nhưng kinh này nói các việc: Một ngày cho đến bảy ngày niệm Phật, các Đức Phật trong mười phương chứng thật, công đức y báo, chánh báo của cõi ấy, nhưng chỉ một danh hiệu A-di-đà đã gồm thâu tất cả. Vì A-di-đà là đấng năng thành, y chánh là quả báo sở thành. Nêu ra "Phật năng thành" thì gồm cả quả sở thành. Lại nữa A-di-đà là Phật được chứng thực, các

178 Thanh giáo: hai loại giáo pháp được diễn bày bằng âm thanh. Là giáo pháp được Đức Thích Tôn sử dụng ở cõi Ta-bà 179 Tám âm: tám đặt tính trong âm thanh của Đức Phật: tuyệt hay; êm dịu; hòa nhã; khiến người tôn kính và phát sanh huệ giải; oai hùng khiến người nghe kinh sợ, thiên ma ngoại đạo qui phục; rõ ràng; vang xa; vô tận. 180 Bốn biện: bốn năng lực lý giải và biểu đạt ngôn ngữ tự do, tự tại của Phật và Bồ-tát khi giảng thuyết trước đại chúng. Đó là: Pháp vô ngại biện (khả năng biểu đạt và lãnh ngộ thông suốt văn cú các pháp); Nghĩa vô ngại biện (tinh thông nghĩa lý mà các pháp đã biểu đạt); Từ vô ngại biện (tinh thông ngôn ngữ của tất cả các nước); Biện vô ngại biện (tùy thuận chánh lý mà tuyên dương một cách vô ngại).

Đức Phật là người chứng thực. Nêu Phật được chứng thực là gồm các Đức Phật chứng thực. Kinh, thì như trước đã giải thích.

Nguyên Không Pháp Nhiên

YẾU NGHĨA VÃNG SANH YẾU TẬP

I. Đại ý

Pháp tánh bình đẳng không có các tướng nhiễm tịnh, nhưng không lìa nhiễm tịnh giả hữu do duyên khởi. Cho nên Đức Phật khuyên chúng sanh nên nhàm chán cõi Uế, ưa thích cõi Tịnh. Nhưng nếu chỉ nhàm chán suông thì nhọc công vô ích, ưa thích suông thì trọn không thể nào đến được. Vì thế người tu hạnh Niệm Phật nên cầu vãng sanh. Nếu đầy đủ hạnh nguyện, nhất định sẽ đến Tịnh độ. Đó là đại ý của tập sách này.

II Giải thích tên sách

VÃNG SANH YẾU TẬP. Vãng sanh, tức lìa bỏ cõi này mà đến cõi kia hóa sanh vào hoa sen. Từ nơi thảo am, trong chớp mắt bỗng ngồi kiết già nơi đài sen theo sau các Thánh, trong một niệm liền đến thế giới Cực Lạc ở Tây phương. Yếu, nghĩa là trong tập này, tuy nói cả hai hạnh, nhưng không lấy Chư hạnh làm cốt yếu mà chỉ lấy hạnh Niệm Phật

làm cốt yếu. Chỉ vì lấy hạnh Niệm Phật làm cốt yếu cho sự nghiệp vãng sanh, cho nên trong lời tựa có ghi: “Căn cứ vào một môn Niệm Phật mà gom chép các đoạn văn kinh luận cốt yếu”. Lại trong phần tổng kết Yếu hạnh có ghi: “Niệm Phật là cội gốc của hành nghiệp vãng sanh”. Trong chương thứ tám Niệm Phật chứng cứ có ghi: “Luận thẳng vào điểm cốt yếu của hành nghiệp vãng sanh, thì phần nhiều nói đến Niệm Phật”. Lại nói: “Biết rõ Khế kinh đều lấy Niệm Phật làm cốt yếu cho hạnh vãng sanh”. Theo các đoạn văn trên, thì chữa “Yếu” này dành riêng cho hạnh Niệm Phật, không chung cho các hạnh. Tập, tức là gom tập những đoạn văn nói về Niệm Phật vãng sanh trong các kinh luận.

Nguyên Không Pháp Nhiên Tháng 6 năm Đinh Mùi – PL 2551 (2007) Thích Nguyên Chơn dịch

SÁCH THAM KHẢO

1. Từ Di chủ biên, Phật Quang Đại Từ Điển
2. Đinh Phước Bảo biên soạn, Phật Học Đại Từ Điển
3. Trung Quốc Phật Giáo Bách Khoa Toàn Thư
4. Nhất Như biên tập, Tam Tạng Pháp Số
5. Chu Phất Hoàng biên tập, Pháp Tướng Từ Điển

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.